

## F O R U M



Bình minh trên sông (Ảnh Đỗ Quang Nghĩa)

## Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

### Thời sự, những vấn đề

- |                             |                |
|-----------------------------|----------------|
| 1 Vụ Xi căng đan bóng đá    | Hoà Vân        |
| 4 Tin tức, thời sự          |                |
| 8 Thư từ Mỹ                 | Tiểu Hằng Ngôn |
| 9 Một đạo luật phi lịch sử  | Alain Ruscio   |
| 13 Diễn từ Nobel            | Harold Pinter  |
| 30 Đọc hồi ký Trần Quang Cơ | Dương Danh Dy  |

### Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- |                                       |                |
|---------------------------------------|----------------|
| 18 Văn không là người                 | Phan Huy Đường |
| 22 Thơ                                | Ly Hoàng Ly    |
| 23 Phát triển bền vững                | Văn Ngọc       |
| 26 Văn hoá truyền thống... (IV)       | Hàn Thuý       |
| 31 Những yếu tố nằm ngoài các nhà văn | Bùi Ngọc Tấn   |

### Vụ Xi-căng-dan bóng đá

## Phần nổi của tảng băng

Chỉ một tuần sau khi thua Thái Lan (0-3) ở trận chung kết giải SEA Games lần thứ 23, đội bóng đá U23 của Việt Nam phải đối mặt với một xi-căng đan thuộc loại tồi tệ nhất trong lịch sử non trẻ của mình. Ngày 12.12, báo Thanh Niên đưa tin một số cầu thủ đội này bị một số đồng đội tố cáo bán độ. Bài báo như một ngòi nổ, lan truyền khắp các phương tiện truyền thông, đặc biệt các báo mạng mau chóng nhận được hàng nghìn thư bạn đọc bày tỏ lòng phẫn nộ và đòi sự việc được làm rõ. Dù những quan chức lãnh đạo đoàn thể thao và đội tuyển lên tiếng phủ nhận những thông tin trên, lời khai nhận tội của Văn Quyên và Quốc Vương - hai « ngôi sao » của đội tuyển - mấy ngày sau đó đã biến « nghi án » thành một vụ án nổi cộm, không dễ nhận chìm xuống như bao nhiêu vụ « tiêu cực » trước đó. Tới mức chính thủ tướng Phan Văn Khải đã phải ra chỉ thị (ngày 19.12) đòi bộ Công an phải « *khẩn trương làm rõ những tiêu cực bóng đá liên quan đến cầu thủ, trọng tài và thậm chí cả các quan chức trong cấp quản lý... và báo cáo kết quả điều tra trước ngày 15/01/2006* ».

Chỉ thị đủ khôn ngoan để không quên vụ mấy chục trọng tài ăn hối lộ để dàn xếp tỉ số các trận bóng vừa bị lộ tháng trước – 18 đối tượng đã bị khởi tố, vài huấn luyện viên nổi tiếng đang nằm trong trại tạm giam chờ ngày ra toà...–, và nhắc tới « *các quan chức trong cấp quản lý* ». Vì hiển nhiên chẳng ai ngây thơ tin rằng chỉ mấy cầu thủ trẻ măng dám và có thể tổ chức gian lận ở mức rộng lớn như báo chí phanh phui. Ngay từ ngày 13.12, báo Thanh Niên đăng trang nhất bài báo có tựa « *Thượng bất chính, hạ tất... bán độ* ». Và ngày 24.12, báo Tuổi Trẻ đăng bài của nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt : « *Đánh cầu thủ chỉ mới là tấn công phần ngọn* ». Một quan chức, ông Lê Thế Thọ, phó chủ tịch Liên đoàn bóng đá Việt Nam (VFF), phó trưởng đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 23, phụ trách khu vực Bacolod, nơi thi đấu môn bóng đá nam, đã phải từ chức ngày 26.12, sau mấy ngày cầm cự trước các cuộc tấn công của dư luận về nhiều vụ ông bị nghi ngờ dính líu trước đây nhưng cho tới nay vẫn thoát nạn, nhờ có nhiều mối « dây mơ rễ má » – theo cách nói của ông Kiệt.

Vấn đề là, liệu những góc ngách dây mơ rễ má đó lần này có thể được vạch ra hết, và được xử lý tới nơi tới chốn ? Đằng sau ông Thọ, còn những ai ? Số báo này lên khuôn khi sự việc chưa ngã ngũ, xin hẹn bạn đọc « *hồi sau phân giải* ».

Hoà Vân

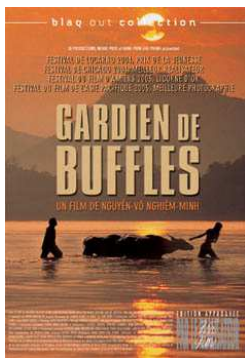
Tìm đọc trên mạng [www.thoidai.org](http://www.thoidai.org) số 6 vừa phát hành

### thời đại mới

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU & THẢO LUẬN

*gồm các bài :*

Phan Đình Diệu : *Góp vài suy nghĩ để cùng tư duy tiếp tục về đổi mới (và vài điều bàn thêm)* / Cao Huy Thuần : *Vạn đại dung thân* / Ngô Vĩnh Long : *Vài câu hỏi về quan hệ giữa ngoại giao và công việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong thập kỷ sau miền Nam được giải phóng* / Võ Đại Lộc : *Những vấn đề phát triển ở Việt Nam - Giải pháp* / Trần Văn Thọ : *Công nghiệp hoá Việt Nam trong trào lưu khu vực hoá ở Đông Á* / Trần Nam Bình : *Đổi mới giáo dục tại Việt Nam : Một vài nhận định từ quan điểm chính sách kinh tế* / Hoàng Tuy : *Một số vấn đề khoa học và giáo dục : Góc nhìn trong cuộc* / Bùi Trọng Liễu : *Giáo dục đại học : Những vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng* / Cao Huy Thuần : *Bổ túc một bài phỏng vấn*



### MÙA LEN TRÂU *Le Gardien de buffles* Phim của NGUYỄN VÕ NGHIÊM MINH

Giải thưởng ở các festival Locarno, Chicago, Amiens, Manaus, Châu Á Thái Bình Dương (2004), đại diện phim Việt Nam dự giải Oscar 2006

DVD của hãng BLAQ OUT vừa phát hành (25 €)

[http://80.65.232.160/~blaqout/site2/catalog/profile.php?movie\\_id=41](http://80.65.232.160/~blaqout/site2/catalog/profile.php?movie_id=41)

Phim màu, 1g42', nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp và tiếng Anh. Có phần phỏng vấn của đạo diễn và người quay phim. Phóng tác từ *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam.  
*Hình ảnh* : Yves Cape ; *Âm nhạc* : Tôn Thất Tiết  
*Diễn viên chính* : Lê Thế Lữ, Nguyễn Thị Kiều Trinh, Nguyễn Hữu Thành, Kra Zan Sram

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

[www.diendan.org](http://www.diendan.org)

### DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đổ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

*Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật* :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiên Văn, Hải Văn, Hoà Văn

## BẠN ĐỌC & Diễn Đàn

*Diễn Đàn số 156 (tháng 11.2005), tr. 16, nhà văn Đặng Tien trích câu thơ dịch ở đầu bài Di Chúc của nhà thơ Nguyễn Khuyến : Thiếu hai tuổi xuân đầy chín chục, và nói : « Không ai hiểu con số 88 này ở đâu ra ».*

*Vì có chữ ai nên tôi xin thưa : « con số 88 » chỉ có thể là do người dịch hiểu sai câu nguyên tác : Ngã niên trị bát bát (Thiếu sáu tuổi xuân đầy bảy chục), và như thế thì bài Di Chúc của Nguyễn Khuyến không phải cụ tự dịch.*

*Cụ Tam Nguyên (1835-1909) sao lại có thể viết Di Chúc năm 88 tuổi !*

**Bát bát là 8 x 8 = 64 chứ không phải bát thập bát (88).**

*Tôi xin dẫn vài câu thơ chữ Hán để phân biệt :*

*1/ Loại không có chữ thập ở giữa hai con số – Nguyễn Du trong bài Long Thành cầm giả ca có câu : « Kỳ thời tam thất (3x7 = 21 tuổi) chính phương niên ».*

*2/ Loại có chữ thập – Nguyễn Công Trứ trong bài Tuổi già cưới vợ hầu có :*

« Tân nhân lục vẫn lang niên kỷ,  
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam ».

*(Trước đây 50 năm 23 tuổi, tức là Xuân xanh xấp xỉ tới tuần bảy ba. Khác với thơ Đỗ Phủ : Nhân sinh thất thập cổ lai hy).*

*Nhân dịp, xin gửi lời chào thân ái tới quý bạn trong Ban biên tập Diễn Đàn.*

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

### Nạn đói năm Ất Dậu 1945

*Cho đến nay, sách báo vẫn đưa con số 2 triệu người chết trong trận đói năm Ất Dậu. Bất luận con số nạn nhân là bao nhiêu, ít hơn hay nhiều hơn, đó là một thảm hoạ của dân tộc. Song tôi muốn biết : con số ấy đáng tin cậy tới đâu ? Sáu mươi năm sau, có cách nào kiểm chứng không ?*

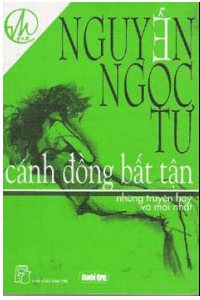
Trần Hoài (Essen, Đức)

2 triệu là con số được đưa ra từ năm 1945 và vẫn được các tác giả chấp nhận, hay ít nhất không đặt thành vấn đề. Tất nhiên, đây chỉ là một ước tính, vì lúc đó không có cơ quan nào làm thống kê. Đúng như ông nhận xét, câu hỏi đặt ra là trong chừng nào, con số ấy đáng tin cậy ?

Nghiên cứu nghiêm chỉnh nhất, theo chúng tôi biết, đã được công bố năm 1995. Đó là công trình điều tra của một nhóm nhà nghiên cứu Nhật Bản do giáo sư Furuta Moto cầm đầu, và một nhóm cán bộ Viện sử học do giáo sư Văn Tạo cầm đầu. Cuộc điều tra tiến hành ở 23 làng, từ nơi có tỉ lệ cao nhất (67% ở Tây Lương, Thái Bình) đến vùng trung du và miền núi (từ 8 đến 18%). Nếu lấy trung bình của nhóm thấp (15%) trên tổng số dân từ Quảng Trị trở ra (13 156 300 người, thống kê năm 1943 của Pháp), thì 2 triệu là con số gần thực tế.

(xem Văn Tạo & Furuta Moto : *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam / Những chứng tích lịch sử*, Viện sử học Việt Nam, 1995, 728 trang).

# Giới thiệu sách mới



Nguyễn Ngọc Tú

## Cánh đồng bất tận

những truyện hay và mới nhất

Nhà xuất bản Trẻ & Tuổi Trẻ, 2005,

214 trang

Với những ai mê thích Nguyễn Ngọc Tú, với những ai thích « vừa vừa » nhà văn « trẻ », « đặc sản Nam Bộ » này, và nhất là, với những ai chưa/không thích

Nguyễn Ngọc Tú, tôi xin mời gọn một câu : tìm đọc tập truyện này, và trước nhất là truyện « vừa » mà cuốn sách mang tên, *Cánh đồng bất tận*. Khi nào nhiều bạn đọc được rồi, chúng ta sẽ tha hồ thảo luận và tranh luận.

## Chào mừng một tủ sách quý

Ngày 19.12 vừa qua, Nhà xuất bản *Tri Thức* và *Quy dịch thuật Việt Nam* và *Dự án Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới* đã chính thức ra mắt tại Hà Nội với bản dịch ba tác phẩm « kinh điển » vừa được xuất bản :

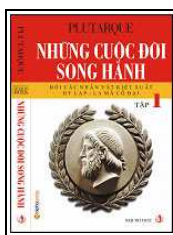
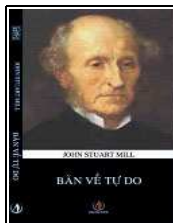
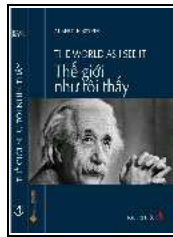
\* **Albert Einstein** : *Thế giới như tôi thấy* (*Mein Weltbild*), do Đinh Tuấn Anh, Trần Tiến Cao Đăng, Nguyễn Vũ Hào dịch từ bản tiếng Anh, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính theo nguyên tác tiếng Đức.

\* **John Stuart Mill** : *Bàn về Tự do* (*On Liberty*), do Nguyễn Văn Trọng dịch từ nguyên tác tiếng Anh

\* **Plutarque** : *Những cuộc đời song hành* (*Vies parallèles*), do Cao Việt Dũng và Vũ Thọ dịch từ bản tiếng Pháp

mở đầu một tủ sách mà tiếp theo ngay sau sẽ là những tác phẩm của **Emile Durkheim, Immanuel Kant, Thomas Kuhn, Platon, Aristote...**

Nhìn qua danh tính tác giả, ta cũng hình dung được ý đồ của những người chủ xướng : thành lập một tủ sách bao gồm những tác phẩm then chốt của kho tàng tri thức thế giới từ cổ đại đến hiện đại, về lí luận khoa học, triết học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn, với những bản dịch nghiêm chỉnh, bảo đảm chất lượng. Đó là ước mong từ lâu của nhiều người, là điều kiện không thể không có để nâng cao dân trí, để hình thành một tầng lớp trí thức xứng đáng. Điều này, Nhật Bản đã bắt đầu từ thời Minh Trị (bản dịch tiếng Nhật của *Bàn về Tự do* đã xuất bản từ năm 1871), Trung Quốc từ đầu thế kỉ 20. Bây giờ ta mới có một dự án có tính hệ thống. Chúng tôi sẽ trở lại công trình hết sức quan trọng này trong số sau [Địa chỉ 3 cơ quan nói trên : 53 Nguyễn Du, Hà Nội, Tel.: (844) 945 4662; Fax: (844) 945 4660, Email : [quydichthuat@nxbrithuc.com.vn](mailto:quydichthuat@nxbrithuc.com.vn) hoặc [tsth@nxbrithuc.com.vn](mailto:tsth@nxbrithuc.com.vn)]



KIẾN VĂN

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số ..... )

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

**Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông **Tần**, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

**Úc và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : [diendan@diendan.org](mailto:diendan@diendan.org)

Địa chỉ mạng : [www.diendan.org](http://www.diendan.org)

# Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

## Điều tra về tham nhũng: gần phân nửa công chức thừa nhận có thể ăn hối lộ

Lần đầu tiên ở Việt Nam, một cuộc điều tra khảo sát đã được thực hiện để nhận diện thực trạng tham nhũng một cách định lượng cụ thể thay vì chỉ định tính chung chung. Với sự tài trợ của SIDA - cơ quan Thụy Điển về viện trợ phát triển -, Ban nội chính của Trung ương đảng cộng sản Việt Nam đã tiến hành cuộc điều tra dư luận « về nhận thức, hiểu biết, thái độ, và đánh giá » tham nhũng. Nhóm nghiên cứu - gồm chuyên gia trong nước và tư vấn Thụy Điển - đã phỏng vấn bằng bảng hỏi 5407 người gồm công chức, cán bộ doanh nghiệp và người dân ở 7 tỉnh và thành phố (Hà Nội, Hải Dương, Sơn La, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh) và tại 3 bộ (công nghiệp, xây dựng, giao thông - vận tải).

Trên một vấn đề tế nhị như vậy, lời đáp của các công chức được phỏng vấn chỉ có thể chính xác và trung thực ở một mức độ nào đó mà thôi và chắc chắn là ở dưới mức của sự thật. Vậy mà kết quả điều tra do Ban nội chính công bố, vào cuối tháng 11 vừa qua, cũng đã gây bất ngờ. Được hỏi « Nếu có người đưa hối lộ, ông hay bà xử lý ra sao ? », chỉ có 42 % công chức không nhận, trong khi 47 % cho biết *có thể nhận*, số này gồm 6,4 % trả lời « nhận ngay », 26,2 % trả lời « tùy trường hợp » và 14,2 % thấy « khó trả lời ».

Được hỏi về tình trạng tham nhũng ở cơ quan của mình, trên 40 % công chức cho biết đã chứng kiến hành vi « người có chức vụ, quyền hạn cố tình gây khó khăn khi giải quyết công việc để buộc người cần giải quyết chi tiền hoặc quà biếu » ; hành vi « thoả thuận tăng giá trị hợp đồng để nhận tiền trích phân trăm từ bên B » (20,9%) ; hành vi « cấp trên bao che, bảo lãnh cho người vi phạm » (21,8%) ; hành vi « gọi điện, viết thư tay can thiệp nhằm mưu lợi cho người thân » (24,6%) ; hành vi « sử dụng phương tiện của cơ quan phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc gia đình » (33%).

Trên danh sách 21 cơ quan công quyền do nhóm nghiên cứu đưa ra, người được phỏng vấn đã 'bầu chọn' bảng 'top 10' các cơ quan tham nhũng nhất như sau : 1. Địa chính-nhà đất ; 2. Hải quan, quản lý xuất nhập khẩu ; 3. Cảnh sát giao thông ; 4. Tài chính, thuế ; 5. Xây dựng ; 6. Cấp phép xây dựng ; 7. Y tế ; 8. Kế hoạch và đầu tư ; 9. Giao thông ; 10. Công an kinh tế. Được hỏi « Trong thời gian một năm qua, ông, bà, hay thành viên trong gia đình có bị gây khó khăn hoặc gợi ý nộp thêm tiền ngoài quy định không ? », người dân nêu ở đầu bảng : 1. Cảnh sát giao thông (57 %) ; 2. Viện kiểm sát, toà án nhân dân (50 %).

Cuộc khảo sát cũng xếp hạng các thủ đoạn tham nhũng phổ biến nhất ở các cơ quan công quyền : 1. « Cố tình kéo dài thời gian giải quyết công việc » (56 %) ; « Không hướng dẫn cụ thể để cố tình soi xét, bắt lỗi » (44,7 %) ; « Bám quy định không rõ ràng để bắt bí doanh nghiệp » (38,8 %) ; « Gợi ý doanh nghiệp làm theo ý muốn chủ quan của cán bộ trực tiếp » (27,5 %) ; « Đưa ra các thông tin mang tính hù dọa, gây sức ép » (16 %) ; « Cố tình đặt ra yêu cầu sai quy định » (19,9 %).

Riêng giới cán bộ doanh nghiệp cho biết, khi bị gây khó khăn, cách xử sự của doanh nghiệp là tặng quà (54,9 %), hối lộ cho cán bộ trực tiếp (46,3 %) và hối lộ trước khi có công việc (23,5 %) tức chủ động hối lộ. Gần phân nửa ý kiến (48,9 %) cho rằng đưa hối lộ, kể cả khi không bị gợi ý, là cách giải quyết « nhanh nhất, dễ nhất » đối với doanh nghiệp, bởi vì « chi phí nhỏ, lợi ích lớn ». Một số cán bộ doanh nghiệp ước tính các khoản chi phí « đen » này có thể lên đến 10 % tổng chi phí của doanh nghiệp, riêng Thành phố Hồ Chí Minh lên tới 13 %.

Điều nghiêm trọng nhất là việc đưa và nhận hối lộ đã trở thành thói quen xã hội. Theo cuộc khảo sát, 30,8 % người dân đồng ý với quan niệm « miếng trầu là đầu câu chuyện » ; 30,8 % cũng tán đồng quan niệm « ai có cơ hội mà không tham nhũng là dại ». Còn công chức thì cho rằng không thể đấu tranh chống tham nhũng « vì sợ bị trừ dập » (78,2 %), mà « nếu ai không tham nhũng sẽ bị loại ra » (38 %). Bản báo cáo của Ban nội chính nhận xét « người dân thờ ơ với tệ tham nhũng » : hơn thế, người có hành vi tham nhũng « vẫn được số đông đánh giá có đạo đức bình thường, thậm chí đạo đức tốt và rất tốt ». Cho nên thực trạng tham nhũng của Việt Nam là : « Ai cũng lên án tệ tham nhũng, nhưng không phải ai cũng đều đánh giá người tham nhũng cụ thể là xấu ».

Không thể không liên hệ thực trạng này với một kết quả khác của cuộc điều tra dư luận là : 78 % người dân và hơn 80 % công chức và cán bộ doanh nghiệp thống nhất với nhận định rằng các người có trách nhiệm « chưa có quyết tâm chống tham nhũng » ; rằng « bản thân những người có trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng cũng tham nhũng » (53,8 % ý kiến của công chức). Đối với dư luận, không thể có « bàn tay sắt » nếu không có « bàn tay sạch ».

[Tiền Phong 30.11 - Tuổi Trẻ 30.11 ; 1.12 - Người Lao Động 8.12.05]

## Vụ án tham nhũng : tỷ lệ tội phạm ẩn còn cao

Lần đầu tiên, một cuộc hội thảo về tham nhũng, do Bộ Công an tổ chức tại Hà Nội tháng 11 vừa qua, đã đưa ra ước tính của bộ về tỷ lệ tham nhũng, thất thoát trong xây dựng cơ bản : 30 %. Trên tổng số đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm khoảng 100 000 tỷ đồng, thượng tá cảnh sát điều tra Nguyễn Đức Long ước lượng số tiền bị mất mát lên đến 30 000 tỷ đồng. Theo thứ trưởng Lê Thế Tiệm, tham nhũng xảy ra ở mọi khâu, từ lập dự án, khảo sát, thiết kế, đầu tư, đến thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình... Song, điều ông nhấn mạnh là kết quả phát hiện, điều tra, xử lý của các cơ quan bảo vệ pháp luật còn thấp : « tỷ lệ tội phạm ẩn còn cao ». Ông đưa ra trường hợp điển hình của công trình Nhà hát lớn Hà Nội mà vụ án kéo dài 10 năm không xử lý được.

Được chính phủ phê duyệt năm 1995, dự án tu bổ, tôn tạo Nhà hát lớn thủ đô, mà tổng đầu tư lên đến 156 tỷ đồng, được nhà nước giao cho Tổng công ty xây dựng Hà Nội (34 hạng mục) và bộ Văn hoá-thông tin (14 hạng mục) thực hiện, không thông qua đấu thầu với lý do « *yêu cầu thi công nhanh để kịp phục vụ Hội nghị cấp cao các nước nói tiếng Pháp* ». Trong quá trình thi công, cơ quan công an nhận được thông tin « *hầu hết các hạng mục đều bị nâng giá để thông đồng chia nhau tiền tham ô* ». Lựa chọn 4 hạng mục, cảnh sát điều tra đã xác minh hạng mục nào cũng vượt dự toán được duyệt từ 500 triệu đến hàng tỷ đồng, và đề nghị khởi tố hình sự một số quan chức bộ Văn hoá-thông tin và Ban quản lý dự án. Song cho đến nay, như báo *Tiền Phong* nhắc lại, công trình được đưa vào sử dụng đã 7 năm mà vẫn chưa có thể khởi tố vụ án chi vì... « *công trình chưa quyết toán, cho nên chưa có cơ sở xác định thiệt hại* ». Thượng tá Nguyễn Đức Long nhận định : « *Án kinh tế để càng lâu càng cận kề thất bại, nhiều vụ đã bị để lâu hoá bùn* ».

Đó cũng là trường hợp của dự án khu công nghiệp Bình Hoà của Thành Phố Hồ Chí Minh. Năm 1994, chính phủ phê duyệt dự án cho phép uỷ ban nhân dân thành phố thu hồi 113 ha đất ở quận Bình Thạnh và cưỡng chế các hộ dân cư phải nhận đền bù với giá rẻ mạt. Song, ngay từ năm 1995, uỷ ban nhân dân đã quyết định chuyển đổi chức năng khu công nghiệp thành khu dân cư và cho phép các công ty đầu tư phân lô bán nền nhà. Mới đây, một ban kiểm tra của Thành uỷ đảng cộng sản TPHCM thừa nhận các công ty đầu tư đã được hưởng một giá đất bình quân là 1,7 triệu/m<sup>2</sup>, trong khi bình quân giá thị trường là 10 triệu đồng/m<sup>2</sup>, khoảng lãi của họ như vậy lên đến 3 051 tỉ đồng (!) Cùng lúc đó, người dân đã bị tước đoạt đất đai với mức giá bồi thường từ 40 đến 90 ngàn đồng/m<sup>2</sup> (! !).

Ngoài khoản lời khổng lồ nói trên, các công ty được uỷ ban nhân dân giao đất còn hưởng phần đầu tư của thành phố cho hạ tầng của khu công nghiệp, ước tính hơn 23 tỉ đồng. Ấy thế mà hơn 10 năm sau khi dự án khu dân cư được triển khai, các công ty đầu tư chỉ thực hiện được một phần nhỏ của hệ thống hạ tầng giao thông (46 %), nước (31 %) và điện (22 %) ; còn các công trình công ích như trường học hay nhà thể dục thể thao vẫn chưa có trên thực tế.

Báo *Lao Động*, là cơ quan báo chí đầu tiên lên tiếng về vụ tham nhũng tày trời này của chính quyền TPHCM, đặt câu hỏi : « *Hơn 3000 tỷ đồng lọt vào túi ai ?* ». Nhận xét « *không hiểu vì sao Uỷ ban nhân dân thành phố vẫn cứ yên lặng, và khiêu nại tố cáo của người dân vẫn bị rơi vào im lặng* », tờ báo cho rằng : « *đã đến lúc, các cơ quan trung ương cần phải vào cuộc* » để làm rõ sự việc và mang lại công bằng cho hơn 1600 hộ dân Bình Hoà.

[*Lao Động* 7.10 ; *Tiền Phong* 11 và 17.11.05]

## Hội nghị bộ trưởng WTO

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã tiến hành hội nghị bộ trưởng lần thứ sáu tại Hồng Kông từ 13 đến 18 tháng 12 vừa qua. Cuộc họp này, ngoài tầm quan trọng sẵn có vì là cơ quan tối cao của tổ chức và ấn định chương trình làm việc cho hai năm sắp đến, còn có yếu tố quyết định cho vòng đàm phán Doha, lâm vào bế tắc từ sau khi hội nghị Cancun thất bại năm 2003. Hội nghị Hồng Kông,

theo truyền thống của WTO diễn ra trong không khí căng thẳng cả trong hội trường lẫn ngoài đường phố, các phái đoàn găng với nhau đến giờ phút chót trong khi ở bên ngoài, vài nghìn người biểu tình, đập phá và xô xát với cảnh sát.

So với không khí bế tắc, bi quan của những buổi họp thương thuyết trong hai năm qua, hội nghị đã thành công hơn dự tính vì thông qua một bản tuyên bố chung, tuy còn để hở rất nhiều điểm quan trọng cho năm tới, nhưng đã đi đến đồng thuận trên một số điểm gai góc :

1. Ấn định một thời hạn - năm 2013 - cho việc bãi bỏ tài trợ xuất khẩu nông sản, là mâu thuẫn chính giữa Liên Hiệp châu Âu (EU), Mỹ và các nước khác.

2. Từ đây đến 2008, các nước giàu sẽ bãi bỏ tất cả thuế quan và hạn ngạch cho 97 % hàng xuất khẩu của 32 nước thành viên nghèo nhất.

3. Các nước giàu, đặc biệt là Mỹ, sẽ chấm dứt tài trợ xuất khẩu bông sợi trước cuối năm 2006, và bãi bỏ thuế quan và hạn ngạch trên xuất khẩu bông sợi của các nước nghèo. Vấn đề bông sợi là một trong những nguyên nhân chính đã làm hội nghị Cancun thất bại.

4. Thoả thuận trên các nét chính để đẩy mạnh đàm phán về hàng công nghiệp và dịch vụ hầu chấm dứt vòng Doha vào cuối năm 2006, theo hạn định.

Các nhà bình luận đều đề cao vai trò của tổng giám đốc WTO, ông Pascal Lamy trong thành công này. Lúc trước, ông Lamy là đại diện thương mại của EU (cho đến cuối năm 2004) và nổi tiếng là nhà ngoại giao tài ba, năng nổ và khôn khéo. Có thể nói, chỉ trong 3 tháng sau khi nhậm chức, ông đã tiêm thêm sinh khí cho WTO và đưa vòng đàm phán Doha trở lại nhịp độ khẩn trương và không khí phấn chấn hơn.

Theo thông lệ, hội nghị cũng là dịp chào mừng trọng thể thành viên mới, kỳ này là hai nước cách xa nhau về cả địa thế lẫn vị thế : vua dầu hỏa Saudi Arabia, với gần 2 triệu cây số vuông, 26 triệu dân và 310,2 tỉ đô la GDP, và quần đảo Tonga, với chỉ 748 cây số vuông, hơn 112 000 dân và 244 triệu đô la GDP.

Việt Nam như vậy đã không đạt mục tiêu là gia nhập WTO tại hội nghị Hồng Kông. Phát biểu với tư cách quan sát viên, thứ trưởng thương mại Lương Văn Tự nhắc lại những khó khăn và cố gắng của Việt Nam, và mong mỏi các nước thành viên đừng đòi hỏi quá sức của Việt Nam để nhanh chóng chấm dứt thủ tục gia nhập. Việt Nam đã kết thúc các thương thuyết song phương với 22 nước và tiếp tục đàm phán với 5 nước còn lại, trong đó cuộc thương thuyết với Mỹ được coi là có tính chất quyết định. Quá trình gia nhập như thế đã đi vào giai đoạn chót, sau 11 năm thương thuyết, và nếu mọi chuyện trôi chảy thì có thể xong trong năm tới, và như thế Việt Nam sẽ được chào mừng tại Doha – nếu WTO cũng kết thúc được vòng đàm phán Doha cuối năm 2006.

Tuy nhiên, ngày 20.12, sau khi hoàn thành đàm phán với New Zealand tại Hà Nội, trong buổi gặp báo chí ông Tự đã từ chối đưa ra mốc thời gian cho mục tiêu kết thúc các cuộc đàm phán khác.

## Lũ lụt miền Trung

Một lần nữa thiên tai lại đánh vào miền Trung nghèo khổ. Sau ba cơn bão lớn cuối tháng 9 và cuối tháng 10 vừa qua, trong đó có cơn bão số 7 là cơn bão mạnh nhất trong nhiều năm qua – tuy tác hại nhiều nhất ở các tỉnh Bắc bộ, cũng đã đổ bộ vào tỉnh Thanh Hóa, với sức gió mạnh cấp 11, cấp 12 –, đợt mưa lũ từ 11 đến 22 tháng 12 đã làm 65 người chết, hư hại gần 9.000 căn nhà, hơn 62.000 ha lúa và hoa màu..., thiệt hại về tài sản ước tính 437 tỉ đồng. Đợt đầu kéo dài suốt một tuần, làm 38 người thiệt mạng tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, và thiệt hại vật chất khoảng 256 tỷ đồng. Trên Tây Nguyên, 6 người bị chết trong đợt mưa lũ từ 11 đến 21.12 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, và nước lũ dâng cao trên mức báo động 3 tại các sông Krông Ana, Krông Knô, Sêrêpôc làm cho gần 2.000 ngôi nhà dân ở các huyện Krông Bông, Lắk, Krông Ana bị ngập nước, đê bao Quảng Điền và năm công trình đập thủy lợi bị sóng đánh vỡ bờ và gần 10.000ha cây trồng ngăn ngày bị ngập úng mất trắng, số tài sản của dân và Nhà nước bị thiệt hại tính đến 21.12 đã lên tới 30 tỉ đồng...

Cùng với mưa lũ, triều cường cũng xuất hiện trong những ngày hạ tuần tháng 12 này, tàn phá nhiều làng chài, làm sạt lở nhiều khu dân cư các tỉnh ven biển. Tối ngày 18.12, có gần 30 điểm sạt lở vì triều cường, trong đó hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định bị nhiều nhất với 15 điểm sạt lở nặng. Ngày 21.12, hơn 10km trên quốc lộ 1A đoạn qua đèo Cả thuộc địa bàn hai tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa bị vùi lấp hoàn toàn do núi bị lở, những khối đá hàng trăm mét khối và hàng ngàn mét khối đất đổ ập xuống mặt đường, làm tắt nghẽn hoàn toàn giao thông trên đoạn đường này. Cho tới trưa ngày 23.12 mới thông xe hạn chế cho các loại xe nhỏ, còn xe tải, xe khách vẫn phải nằm chờ. (tin các báo Lao Động, Tuổi Trẻ, Thanh Niên)

## Khởi công nhà máy thủy điện Sơn La

Sáng ngày 2.12.2005, tại bãi sông xã Ít Ong, huyện Mường La, thủ tướng Phan Văn Khải đã phát lệnh khởi công nhà máy thủy điện Sơn La đồng thời với việc ngấn sông Đà.

Nhà máy thủy điện Sơn La là công trình trọng điểm quốc gia, do Quốc hội giám sát, nhằm cung cấp điện năng, nâng cấp tần suất chống lũ (từ 150 năm lên 200 năm) và góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lào Cai và một số địa bàn Tây Bắc.

Thủy điện Sơn La có tổng công suất thiết kế 2.400 MW, tổng vốn đầu tư 38.000 tỷ đồng (trong đó 18.000 tỷ đồng dành cho xây lắp, 20.000 tỷ đồng dành cho di dân, tái định cư, xây đường). Tổng diện tích lòng hồ lên đến 224 km<sup>2</sup>, tổng dung tích 9,26 tỉ mét khối nước. Dự kiến sau khi đi vào hoạt động, sản lượng điện phát hàng năm của nhà máy sẽ đạt khoảng 9,5 tỷ kw giờ.

Đây cũng là công trình thủy điện có số lượng dân phải di dời lớn nhất (17.996 hộ tại 3 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên). Theo dự tính của tỉnh Sơn La, nhiệm vụ di dân, tái định cư, định canh gắn với công trình thủy điện này sẽ hoàn thành cơ bản vào năm 2008, và hoàn thành toàn bộ hai năm sau đó. Chương trình di dân này cũng được gắn với kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, chuyển

giao khoa học kỹ thuật và đào tạo ngành nghề mới cho người dân Sơn La.

Nhà máy thủy điện Sơn La theo kế hoạch được Thủ tướng phê duyệt sẽ phát điện tổ máy đầu tiên vào năm 2015.

Tuy nhiên, theo Tổng Cty Điện lực Việt Nam và Tổng Cty Sông Đà (đơn vị làm tổng thầu), đến năm 2010 nhà máy sẽ phát điện tổ máy đầu tiên, trước khi hoàn thành và đưa vào sử dụng tất cả 6 tổ máy vào năm 2013

(Theo Lao Động 1 và 2.12, VNNET 2.12.2005)

## Vì sao du khách “ một đi không trở lại ” ?

Ngày 11/11 vừa qua, vị khách quốc tế thứ 3 triệu trong năm 2005 đã đặt chân đến VN. Như vậy, mục tiêu đón 3,2 triệu lượt khách du lịch quốc tế trong năm nay chắc chắn đạt và rất có thể vượt (đến 3,5 triệu). Tuy nhiên, có đến 70-80 % du khách quốc tế không quay trở lại VN lần thứ hai. Vì sao ?

Báo mạng Dantri.com.vn (của Hội Khuyến học Việt Nam) đưa ra ít nhất 3 lý do : Tổ chức tour không trung thực, « Lễ nhiều, hội ít » và thiếu hướng dẫn viên có trình độ. Lý do đầu, tờ báo phản ánh những hành vi cắt xén hoặc thay đổi hành trình du lịch, phương tiện du lịch và các chế độ phục vụ trái với hợp đồng (quảng cáo ở khách sạn 3 sao nhưng đưa khách đến 1 sao, 2 sao...), và nêu vấn đề các quy định xử phạt công ty du lịch về hành vi kinh doanh gian dối này còn quá nhẹ.

Về lý do thứ hai, theo tờ báo, “ Nhắc đến Malaysia là người ta nhớ đến lễ hội “Sắc màu Malaysia”, Thái Lan là lễ hội “Tạt nước”, Indonesia là những lễ hội dân gian ở đảo Bali xinh đẹp... Nhắc đến Việt Nam, gần như du khách nước ngoài không ai nhớ được cụ thể lễ hội đặc sắc nào ”.

Khoảng 6 năm nay, kể từ khi Tổng cục Du lịch phát động chương trình hành động quốc gia về du lịch, mỗi năm cả nước diễn ra trên 300 lễ hội lớn nhỏ, (riêng tháng 2 có đến 120 lễ hội). Thế nhưng ngay cả những lễ hội lớn như Nha Trang Festival biển, Festival Tây Nguyên, Giỗ tổ Hùng Vương, Liên hoan văn hóa du lịch Đà Nẵng, Hạ Long, Trái cây Nam Bộ... cũng chưa gây được ấn tượng đặc sắc mà “ chỉ mới dừng lại ở tâm phục vụ người dân địa phương ”. Điều này thể hiện qua doanh thu cũng như lượng khách nước ngoài đăng ký tour ở các công ty du lịch còn hạn chế.

Về hướng dẫn viên (HDV) du lịch, ví dụ nổi bật là số lượng HDV có thể hướng dẫn tiếng Hàn, Nhật hay Trung lại vẫn quá hiếm trong khi lượng khách du lịch Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đổ vào VN tăng đáng kể : chỉ có 17 % HDV du lịch biết tiếng Trung, trong khi lượng du khách đến từ Trung Quốc đang chiếm 27% thị phần du lịch. Bên cạnh vấn đề ngoại ngữ, thì trình độ văn hoá của các HDV du lịch cũng còn yếu. Hiện nay, các điểm du lịch của VN đều gắn với văn hoá dân tộc. Nhưng HDV mới chỉ hoàn thành tốt việc chọn điểm du lịch, khách sạn, giới thiệu món ăn...mà chưa giới thiệu được nét văn hoá độc đáo của các miền. Một nhân viên Cty XNK Du lịch Hồ Gươm đúc kết : “ Các HDV du lịch hiện nay nhìn chung rất năng động, nhưng hạn chế lớn nhất của họ chính là thiếu kiến

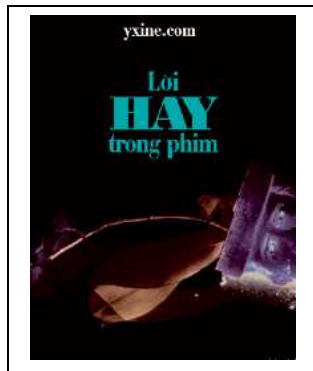
thức văn hoá, lịch sử” ...

Theo Tổng cục Du lịch, đến cuối tháng 12, cả nước đã có 190 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu du lịch và khách sạn, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 4,46 tỷ USD. Các nước và vùng lãnh thổ dẫn đầu về vốn FDI vào các dự án du lịch là Singapore với 20 dự án và tổng vốn đăng ký gần 1,3 tỷ USD ; Đài Loan có 15 dự án với 784 triệu USD ; Hongkong có 41 dự án với 642 triệu USD ; tiếp đến là Hàn Quốc, Malaysia, Pháp, Nhật Bản.

Tuy nhiên, Tổng cục Du lịch không nói đến phần mình đầu tư bao nhiêu và thế nào để giải quyết tình trạng du khách « một đi không trở lại » nêu trên kia.

(theo Saigon tiếp thị 14.11 và TTXVN 27.12.2005)

## Ra mắt Tủ sách về điện ảnh



“ Đạo chơi vườn điện ảnh ”, “ Ý tưởng nghệ nghiệp ”- tác giả : Việt Linh và “ Lời hay trong phim ”- tác giả : yxine.com là 3 tác phẩm đầu tiên của “ Tủ sách điện ảnh ”, do đạo diễn Việt Linh làm chủ biên, Nhà xuất bản Văn hoá Sài Gòn và Fahasa phát hành, vừa ra mắt công chúng ngày 20.12.2005.

Tủ sách sẽ bao gồm sách viết, sách sưu tầm, sách dịch, biên khảo... trên mọi lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật, sản xuất điện ảnh.

Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo Thanh Niên (ngày 11.8.2005), đạo diễn Việt Linh tỏ ý « Hy vọng sự bắt đầu của Nhà xuất bản Văn hoá Sài Gòn sẽ là cuộc xuất phát, sự mở hàng khiêm tốn cho một tủ sách đầy đặn, hệ thống và chuyên nghiệp ở tương lai (dự kiến mỗi năm ra mắt 2 đến 3 đầu sách) với sự tham gia góp sức của nhiều người ».

Sau 3 quyển sách này, Việt Linh cho biết, chị sẽ tiếp tục cho ra đời : *Từ vịnh điện ảnh*, diễn giải những thuật ngữ điện ảnh bằng tiếng Anh và Pháp ; *ABC quay phim*, dịch lại từ những kinh nghiệm của một nhà quay phim nổi tiếng Trung Quốc ; *Những bài học điện ảnh*, phỏng vấn 20 đạo diễn của thế giới. Thời điểm phát hành là tháng 12/2006.

## Xì căng đan bóng đá, tin giờ chót

Liên đoàn bóng đá thế giới (FIFA) đã ra án phạt đối với hành động sắp đặt tỷ số tại SEA Games 23 của Văn Quyển và Quốc Vương mỗi cầu thủ 15.000 franc Thụy Sĩ. Trường hợp 2 cầu thủ này không có tiền thì VVF phải nộp phạt thay. Ngoài ra, VVF phải tường trình toàn bộ sự việc cho FIFA cũng như cho LĐBĐ châu Á. (27.12.2005)

những điều trông thấy

## CÔN ĐỒ VÀ Ý ĐỒ

Việc chính quyền cấp hộ chiếu để ông Hoàng Minh Chính sang Mỹ rồi trở về cố nhiên đã được dư luận Việt Nam (trong nước và nhất là ngoài nước) chú ý. Có lẽ không mấy ai nhìn thấy ở đó dấu hiệu của một sự cởi mở mạnh dạn, một bước tiến đáng kể trên con đường dân chủ hoá. Phổ biến hơn, là ý kiến cho rằng chính quyền “vậy mà khôn”. Đấy, một người đối lập, li khai như vậy mà chúng tôi để xuất ngoại thoải mái, còn muốn gì nữa. Ông Kỳ tự do về nước đánh gôn, thiển sư Nhất Hạnh tự do về nước thuyết pháp, nay ông Chính tự do sang Mỹ... Bốn mươi năm về trước chính quyền ông Thiệu để cho thượng toạ Nhất Hạnh tự do đi vận động hoà bình, nhưng không cho trở về. Nhà nước Liên Xô của ông Brejnev cách đây ba mươi năm cũng thế, cho những “nhà li khai” ra đi, một đi không trở về... có khi còn đánh đổi với tù nhân của “thế giới tự do” nữa. Đàng này, ông Chính thoải mái đi, thoải mái về. “Khôn” thật, khôn “binh phương”. Chưa hết, những ngày ở Mỹ, chữa bệnh tạm xong, ông đăng đàn đại học, quốc hội, cộng đồng... Một nhóm “dân chủ” vui vẻ (đó là nhóm mà lãnh tụ được ông phong là “phát ngôn viên của phong trào dân chủ ở nước ngoài”) người khác thì nửa buồn, nửa kinh ngạc vì những ý tưởng hình như hơi xa thực tế Việt Nam và rất xa thực tế nước Mỹ. Người vui nhất lẽ ra phải là “ông nhà nước” : với một “phong trào dân chủ” như vậy, “nhà nước” ta tiền đồ còn lớn lắm, chẳng có gì phải lo, lại được tiếng cởi mở, cao cò. Tóm lại, khôn quá là khôn.

Khô một nỗi, khôn quá có khi lại hoá rồ. Cái đầu khôn vật, nhưng cái bụng còn lo. Nên bắt đầu là chiến dịch đánh ông Chính trên các báo “Quân đội Nhân dân”, “Công an Nhân dân”, rồi “Nhân Dân”, với những luận điệu phải nói là thiếu thuyết phục hơn cả những luận điểm của người bị đánh. Tiếp theo, khi ông Chính về Hà Nội, đi tù phố Lý Thường Kiệt vào trong ngõ số 26 để về nhà thì “Nhân dân” phần nộ tới hành hung ông già trên 80 tuổi và thân nhân. Thế là khuôn mặt cởi mở lại lộ nguyên hình côn đồ.

Suy nghĩ, bàn tính cho chán rồi mới thoả thuận cho ông Chính đi, để cho ông Chính về, thế mà cuối cùng, chứng nào vắn tắt ấy. Báo chí trong nước tất nhiên không nói tới cuộc hành hung, chỉ có “quyền” đăng những bài đánh ông mà người ta được “trên” đặt hàng. Người viết bài này thú thực là không hiểu nổi “ý đồ” của nhà nước. Hỏi anh bạn làm báo trong nước, anh bạn nói giới báo chí cho rằng đây là đòn dương đông kích tây. Đại hội Đảng sắp tới (trên nguyên tắc, tháng 6 này), “trên” muốn dẫn mặt trước các đảng viên, nhà báo muốn ngo ngoe viết bài lung tung. Cả lo hay “parano” (hoang tưởng, nghĩ rằng mình bị kẻ khác truy bức) ? Cũng có thể, nhưng dấu sao đó là ý kiến của những người thạo tin và trong cuộc. Mà ở trong chỗ thì dễ thấy một số điều hơn chẳng ?

P.Q.

## Tiểu Hằng Ngôn

### Thư từ Mỹ

Tháng giêng 2006

Bạn quý,

Sau trận bão Katrina mà tôi đã viết trong thư trước (tháng 10/2005), ba tháng nay nước Mỹ tương đối bình lặng trở lại. Trong bối cảnh tỷ lệ dân Mỹ tín nhiệm Bush không ngừng tuột dốc (tuy hơi nhích lên trở lại từ giữa tháng 12), một chuỗi sự kiện chính trị và báo chí có thể là mầm giống cho nhiều biến chuyển trọng đại trong năm tới.

Trước hết là vụ đề cử Harriet Miers làm thẩm phán Tòa Án Tối Cao. Sau khi John Roberts được quốc hội Mỹ suôn sẻ chấp thuận cho làm chánh án Tòa Án Tối Cao kế nhiệm William Rehnquist, thì bà Harriet Miers được Bush đề cử để thay thế bà Sandra O'Connor. Quyết định này của Bush đã bị phe bảo thủ (nhất là nhóm tân bảo thủ của William Kristol) phản đối kịch liệt vì họ cho rằng bà này không đủ điều kiện (chưa từng làm thẩm phán, mà cũng không chuyên về luật hiến pháp) để ngồi trên bục tòa cao nhất nước. Nhóm này cũng cay cú vì lâu nay họ ủng hộ Bush phần lớn với kì vọng là Bush sẽ bổ một người bảo thủ (nhất là chống phá thai) vào Tòa Án Tối Cao. Nay cơ hội ấy đến thì Bush không "nắm lấy thời cơ", lại đề cử một người quá "yếu" về trí thức mà lập trường bảo thủ cũng khá mập mờ. Ai cũng biết rằng Harriet Miers được Bush "chấm" chỉ nhờ thân cận với Bush. Bị phe hữu phản đối dữ dội (trong lúc phe tả cười thầm), Bush buộc lòng phải đề Harriet Miers "tình nguyện" rút lui, đề cử Samuel Alito thay thế. Tuy cũng rất bảo thủ, Alito có "trình độ" hơn Miers, và chắc sẽ được quốc hội chấp thuận. Sau vụ này thì Bush và phe bảo thủ cũng cố làm lành với nhau, nhưng tất nhiên là khó tình nồng nghĩa mặn được như trước.

Song "biến cố" gay gắt nhất trong hai tháng qua (nhất là đối với những kẻ ghiền tin chính trị như tôi) là vụ liên hệ đến bà Valerie Plame, vợ ông Joseph Wilson, nguyên đại sứ Mỹ ở nhiều quốc gia châu Phi. Chắc bạn đã biết ông Wilson là người mà CIA gọi qua Niger để kiểm tra tin Saddam Hussein mua quặng uranium bên ấy, hầu lấy có đánh Iraq. Không may cho nhóm điều hâu trong chính quyền Bush, ông Wilson không tìm ra bằng chứng nào cả, và viết báo công khai nói thế, khiến Bush phải ê mặt vì đã khăng định trước quốc hội ý đồ ấy của Hussein. Để gỡ gạc rằng Wilson là không đáng tin, một (hoặc nhiều) nhân viên cao cấp trong chính phủ Bush ri tai một số kí giả rằng Wilson được gởi sang Niger nhờ sự chạy chọt của vợ (Valerie Plame) là nhân viên CIA. Vì lúc ấy bà này thuộc ngạch tình báo chìm, tiết lộ như vậy là phạm luật Mỹ (trở trêu thay, luật này do chính Bush cha ký).

Việc này dẫn đến việc kia, Patrick Fitzgerald, nổi tiếng là công minh, được chỉ định làm công tố viên đặc nhiệm tìm thủ phạm tiết lộ lý lịch của Valerie Plame. Hạ tuần tháng 10, sau gần hai năm điều tra, Fitzgerald chính thức truy tố Scooter Libby (một điều hâu tân bảo thủ hạng nặng, trưởng văn phòng của Cheney và phụ tá cố vấn an ninh quốc gia cho Bush) về tội khai man trước bồi thẩm đoàn và cản trở công lí. Nhà Trắng khê thờ phào vì trước đó họ đã lo rằng chính Karl Rove, "bộ óc của Bush", sẽ bị đưa ra trước vành móng ngựa, và cũng phân bua là Libby không bị cáo buộc về tội tiết lộ bí mật (mà Fitzgerald vẫn chưa tìm ra thủ phạm). Song Fitzgerald cho biết rằng cuộc điều tra vẫn còn tiếp tục, nên cũng chưa chắc là Rove (hoặc ai khác nữa) sẽ thoát nạn. Dù gì thì Scooter Libby cũng phải buộc lòng từ chức. Cheney lập tức bổ nhiệm John Hannah và David Addington thay thế. Hai ông này cũng điều hâu không kém Libby.

Tuy cho đến nay chỉ có Scooter Libby bị chính thức buộc tội, vụ tiết lộ nghề nghiệp của bà Plame có thêm một kích thước mới vì nó dính líu đến nữ kí giả Judith Miller của báo *New York Times*. Dù không phải là người trong chính quyền, bà này có một vai trò quan trọng trong cuộc xâm lăng Iraq của Mỹ. Từ năm 2001, chẳng biết vô tình hay cố ý, Judith Miller nghe lời bịp của Ahmed Chalibi (một thủ lĩnh lưu vong Iraq, thân tín của nhóm điều hâu tân bảo thủ Mỹ, nhất là Paul Wolfowitz), đã viết một loạt bài trên *New York Times* "tiết lộ" là Saddam Hussein có "vũ khí huỷ diệt hàng loạt". Rồi, như có sắp đặt trước, chính các bài báo ấy được Cheney, Rice, Rumsfeld sử dụng như là "bằng có" để biện hộ cho cuộc xâm lăng. Sau khi bị Fitzgerald cho ngồi tù gần ba tháng vì không chịu khai tên người tiết lộ lý lịch Valerie Plame, Judith Miller ra điều trần trước bồi thẩm đoàn (điều kiện được thả) thì mới lòi ra những "liên hệ thân thiết" giữa bà và Scooter Libby. (Bill Keller, sếp của Miller, dùng chữ "entanglement" (dính líu) để mô tả liên hệ này. Miller giận, dọa kiện sếp.) Vốn không ưa Miller vì tính hay "dẫm chân lên đồng nghiệp" của bà này, báo chí Mỹ (kể cả đồng sự của bà ở *New York Times*) rầm rộ dèm pha, "phân tích", nói ra nói vào. Chịu không thấu, Judith Miller phải xin nghỉ việc.

Chưa hết, mười ngày sau khi công tố viên Fitzpatrick truy tố Libby thì kí giả Bob Woodward của tờ *Washington Post* (người nổi tiếng nhờ vụ Watergate) bị Fitzpatrick mời đến "làm việc", phải thú nhận rằng cũng đã nghe một viên chức Nhà Trắng nói về bà Plame. Rồi sau đó một kí giả khác (Viveca Novak) của tuần báo *Time* cũng bị Fitzpatrick truy ra là trong lúc đi nhậu với luật sư của Karl Rove đã bật mí cho ông này nhiều chuyện nên giữ kín. Qua liên tiếp những tin như vậy, dần chúng ngày càng thấy rõ là không ít kí giả đầu đàn của Mỹ đã "tay trong tay" với chính quyền Bush từ lâu. Một mùa "khó ngủ" bắt đầu bao trùm các cơ quan ngôn luận hàng đầu của nước này.

→ → → → → → Xem tiếp trang 18 → →



**Chủ nghĩa thực dân :**  
**Một đạo luật phi - lịch sử,**  
**những cá nhân vô trách nhiệm**

**Alain Ruscio**

LTS. Nước Pháp đang bị cái bóng thực dân đuổi kịp. Ngày 23.02.2005, tổng thống Pháp kí sắc lệnh ban hành đạo luật mà quốc hội đã thông qua ngày 10.02 về « lòng biết ơn của Quốc gia và việc toàn quốc góp phần giúp đỡ đồng bào hồi hương ». Thoạt kì thủy, dự án luật nhằm trợ cấp cho những người Pháp hồi hương từ Algérie và những gia đình « harkis » (người Algérie phục vụ thực dân Pháp), với mục đích tranh thủ phiếu bầu của hai nhóm này (ở tập trung ở một số tỉnh miền nam nước Pháp). Nhưng rất nhanh chóng, những luận điệu thực dân được đưa vào văn bản. Một điều khoản nhằm bồi thường cho cả những phần tử khủng bố OAS được bổ sung. Và cuối cùng là điều 4 của đạo luật, quy định các sách giáo khoa phải nói đến « mặt tích cực » của « công cuộc thực dân ». Điều bất ngờ thứ nhất là đạo luật đã được thảo luận và thông qua ở Quốc hội mà hầu như không có một lời phản đối (ngoại trừ phát biểu của một nghị sĩ cộng sản ở Thượng viện, tháng 12.2004). Đảng xã hội đã « thiếu cảnh giác » (lời ông chủ tịch nhóm xã hội ở hạ viện) và đã « bất cẩn thông qua ». Sự phản đối duy nhất đến từ các nhà sử học (trong đó có Trịnh Văn Thảo, giáo sư Trường đại học Marseille – Aix en Provence).

Hơn nửa năm sau (tháng 11), phe tả ở quốc hội mới đề nghị một dự luật nhằm huỷ bỏ điều 4 của đạo luật 23.02.05. Mặc dầu dư luận rộng rãi bắt đầu tỏ ý đồng tình với đòi hỏi chính đáng này, và mặc dầu điện Elysée « bật mí » ý kiến « nội bộ » của tổng thống Chirac, nói rằng việc thông qua điều 4 này là « une grosse connerie » (một điều cực kì ngu xuẩn), nhưng phe đa số (đảng UMP và đảng UDF) đã bỏ phiếu bác bỏ, nghĩa là duy trì nguyên trạng đạo luật « khốn nạn » (loi scélérate) nói trên.

Điều bất ngờ thứ nhì, là cuộc bỏ phiếu này đã đẩy lên làn sóng phản nộ từ đảo Martinique xa xôi, một « tỉnh hải ngoại » của nước Pháp, mà đa số dân cư là con cháu những người nô lệ. Đứng đầu là nhà thơ Aimé Césaire, thị trưởng danh dự Fort-de-France. Trưởng lão 92 tuổi tuyên bố sẽ không tiếp Sarkozy, trong chuyến kinh lí sắp tới của ông bộ trưởng nội vụ. Hàng vạn người xuống đường phản đối đạo luật và những lời nói sặc mùi kì thị của ông Sarkozy (racaille, Karcher... xem bài số trước), buộc ông phải huỷ bỏ chuyến đi Martinique.

Tổng thống J. Chirac hoãn binh bằng cách cử một tiểu ban « nghiên cứu » vai trò của quốc hội trong các « vấn đề lịch sử » trong khi chờ đợi các « đàm mê lắng dịu »...

Diễn Đàn đăng dưới đây bài viết của nhà sử học A. Ruscio.

Đứng trước sự nguy tín và bất công, phản nộ là một thứ quyền, là một cách đấu tranh cho tự do của con người. Khi nguy tín và bất công lại đe dọa cố kết của cả xã hội trong đó mình đang sống, thì phản nộ còn là một nhiệm vụ.

Vâng, phản nộ. Và có lẽ đó là từ nhẹ nhất !

Thật vậy, làm sao không phản nộ trước sự tấn công của những con khủng long còn sót của chủ nghĩa thực dân, khi bây giờ chúng lại ngang nhiên rao giảng những luận điệu ưa chuộng nhất của phe cực hữu ?

Làm sao không bàng hoàng khi phải đọc, dưới ngòi bút của những nhà chính trị, trí thức, những lời biện minh « biết rồi khổ lắm nói mãi » cho công cuộc thực dân bằng chiêu dài những con đường đã được mở ra ở thuộc địa, bằng con số học sinh « bản xứ » cấp sách tới trường... Bàng hoàng bởi vì chúng tôi – những nhà nghiên cứu chuyên môn về thời kỳ thuộc địa – ngày ngày đã đọc thấy những câu chữ ấy, nguyên xi, trong các văn bản bào chữa của những người chủ trương chính sách thực dân, từ năm 1896 (Jules Ferry phát biểu tại Quốc hội) đến 1931 (Paul Reynaud ở Hội chợ Vincennes). Cho nên, gọi chiến dịch hiện nay là **phản động** không hề có tính chất bút chiến : trong ngôn ngữ chính trị, **phản động** là chủ trương trở về những giá trị của quá khứ.

Làm sao không phản uất cho được khi phải nhìn thấy « sự ngu muội hiển hiện trên trán con bò đực » mà ngày nào François Mauriac đã giương cung bắn tên xuyên thủng, ngày nay lại đầu thai và dương dương tự đắc trên hàng ghế Quốc hội ?

Phản nộ trên cả ba cung bậc, cho dù ba cung bậc ấy gắn liền với nhau không thể tách rời.

### **Với tư cách một nhà nghiên cứu....**

... tôi cho rằng tuyệt đối và dứt khoát không thể chấp nhận cho chính quyền – bất luận chính quyền nào – ra sắc lệnh quy định thế nào là chân lí rồi bắt chúng ta phải tuân thủ (nói gì thì nói, *pháp luật là pháp luật*). Người ta đã chẳng phê phán khá nhiều các chế độ toàn trị đó sao ? Người ta đã chẳng tố cáo cung cách viết sử ở Liên Xô, và nói chung, ở các nước cộng sản đó sao ? Thời tôi còn là sinh viên khoa sử ở đại học và là đảng viên cộng sản trẻ, tôi biết rõ bài bản này lắm : phải đợi « Bộ Chính Trị » vạch ra chân lí ; rồi các trí thức đảng viên mới làm việc, nghĩa là « minh hoạ » chân lí ấy bằng những thí dụ uyên bác – nhưng được chọn lọc theo đúng yêu cầu. Đó là nói về thế hệ chúng tôi, tương đối không bị kiểm chế. Trước thời chúng tôi, Jean Bouvier, nhà sử học lớn, đã phải viết về sự kiện mùa hè 1939 (1) những dòng chữ mà cho đến chết, ông không bao giờ tự tha thứ cho mình được.

Cho nên, ngày nay tôi xin phép được mở cờ trong bụng để nói rằng : các dân biểu đảng UMP, đảng UDF, và những người đi theo vết chân của họ, những người « minh hoạ » cho họ, là những *stalinien* hoá thạch.

### **Với tư cách một nhà sử học....**

... tôi khẳng định : khái niệm « tính sở thành tích », tích cực hay tiêu cực, là không thể chấp nhận. Ở điểm này, cách đây không lâu, chính những người cộng sản (2) đã nêu gương

(xấu). Lịch sử không phải là một Toà án để người ta cân đong một bên là « mặt tích cực » một bên là « mặt tiêu cực ». Nhà sử học không phải là thẩm phán suốt đời ngồi tích lũy chứng tích các tội phạm, cũng không phải là trạng sư tìm cách bào chữa cho thân chủ, mà là người quan sát cận kề, thu thập, lựa chọn, xếp thứ tự và phân loại các yếu tố của hiện thực để (tìm cách) hiểu hiện thực hơn.

Nói thế không có nghĩa là nhà sử học không có quyền phát biểu ý kiến, nhưng có ý kiến gì là *sau khi đã làm xong công tác sử học của mình*.

### **Và đây là ý kiến của tôi về chủ nghĩa thực dân**

Tôi cho rằng lỗi lầm cơ bản của công cuộc thực dân là đã làm đứt đoạn quá trình lịch sử của các dân tộc (thực ra họ không yêu cầu gì cả), và đã phủ nhận sự tồn tại của các quốc gia – đã được xác lập hay đang hình thành. Do đó, người bị chinh phục phải đề kháng, và họ bị phủ nhận tư cách : 1/ của những người yêu nước, 2/ của những người văn minh, 3/ thậm chí tư cách đơn thuần của những con người, nghĩa là *hơi bị nhiều*. Đáp lại sự kháng cự ấy là bạo lực gắn liền với hệ thống thuộc địa, và ở những mức độ khác nhau. Bạo lực cực điểm với những vụ tàn sát hàng loạt : những cuộc đốt nhà (hun khói) trong chiến tranh chinh phục Algérie, những cuộc hành quân đẫm máu ở Bắc Kì, việc sử dụng máy bay oanh tạc thường dân ngay từ năm 1914 (ở Maroc), máy chém kéo lê khắp nơi (xin hãy đọc lại những trang viết của Victor Hugo !), bấy nhiêu bóng đê đẫm máu trên lá cờ của Pháp... phải chăng đó chỉ là những tiêu tiết (3) ? Bom na-pam rải trên đất nước Việt Nam (trước Mĩ !), rồi ở Algérie... cũng thanh lí luôn khi tính sổ sao ? Côn Đảo, Hải Phòng, Núi Rif, Sétif, khu Casbah ở Alger, Madagascar, Ouvea... quên luôn cả những địa danh này nữa sao ? Còn bạo lực « nhỏ nhỏ », thường ngày, nó thể hiện qua những lời lẽ xúc phạm (trong hơn một thế kỉ, dân tộc đa số ở Algérie không hề được gọi tên là người An-giê-ri, cũng như người Việt Nam không hề được gọi là người Việt Nam), bằng lối xưng hô mày tao, bằng tác phong thượng căng tay hạ căng chân đối với « bọn bồi, cu-li lười biếng ». Phải thấy rằng sự hạ nhục và chà đạp lòng tự trọng như cơm bữa này cũng tác động mạnh mẽ không kém những cuộc đàn áp tàn bạo, dẫn tới cuộc nổi dậy của người dân thuộc địa. Nuốt hận, nuốt nhục là khái niệm trung tâm trong cuộc sống của dân thuộc địa. Có lần nữ kí giả Andrée Viollis hỏi một nhà lãnh đạo phong trào dân tộc Tunisie rằng ông có chắc, khi người Pháp đi rồi, cuộc sống sẽ khá lên không, và được trả lời : « Chưa chắc, nhưng nếu người Tunisie có bị đá đít, thì ít nhất cũng là do người Tunisie đá đít ».

Để biện minh cho cụm từ « khía cạnh tích cực », người ta quăng vào mặt chúng ta nào là đường sá, nhà thương, trường học... Người ta nhắc lại tấm gương những giáo viên sống gần như nông dân trong các làng xóm Bắc Phi, những y sĩ « lương y như từ mẫu » (ôi chao, ai chẳng nhớ hình ảnh diễn viên Pierre Fresnay thủ vai bác sĩ Schweitzer thời điện ảnh đen trắng của tuổi thơ !), những nữ tu chăm lo người hủi, Brazza đi từ làng này sang làng khác ở châu Phi (« *Các người hãy sờ tay vào lá cờ này, và các người sẽ trở thành những con người tự do!* »), Pavie lặn lội ngược dòng Mêkông « chinh

phục trái tim » người Lào... Trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, có lúc người ta có thể, chắc thế, có ý phủ nhận tất cả những điều đó. Làm như vậy là thiếu khoa học và không thuyết phục được ai.

Vâng, Pháp đã xây dựng đường sá, mở đường hoá xa... bằng bàn tay của « người bản xứ ». Có cần nhắc lại những bài phóng sự của Albert Londres về con đường xe lửa nối liền sông Congo với đại dương, trong đó nhà báo lão thành này nhấn mạnh rằng « nguyên vật liệu » của công cuộc mở đường này là... « le nègre » (mọi đen) ?

Vâng, « Pháp quốc » đã xây dựng những hạ tầng cơ sở hiện đại hơn hẳn cơ sở vật chất của các nước bị chiếm... nhưng người phải trả giá cho các công trình ấy lại chính là « dân bản xứ ». Liệu những người đang bênh vực cho « khía cạnh tích cực » có dám mang sổ kế toán của « xứ Đông Pháp » ra không ? Có những năm, hơn một nửa ngân sách Đông Dương là do « R.O. » và « R.A. » (độc quyền thuốc phiện và rượu của chính quyền thực dân) cung cấp. Cụ thể nghĩa là công sứ hay các quan đầu tỉnh bắt mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi làng xã phải mua ma tuý và rượu của Nhà nước và các đại lí của Nhà nước !

Vâng, sự tận tâm rất đáng khâm phục của các y sĩ thuộc địa, của nhân viên Viện Pasteur và của các nữ tu đã đẩy lui nhiều bệnh tật... song cũng không nên quên rằng có những bệnh mới (như bệnh lao) đã xuất hiện.

Vâng, hàng trăm ngàn trẻ em và thiếu niên đã đi học, nhưng hàng triệu em khác vẫn mù chữ, ngay cả trong những năm 1960. Tại tất cả các thuộc địa của Pháp, chưa bao giờ đa số trẻ em được cấp sách đến trường. Tôi thách thức ai dám nói ngược lại.

Vả lại, cũng nên sòng phẳng : chế độ thực dân xây dựng (hay đúng hơn, như ta vừa thấy, bắt người dân thuộc địa xây dựng) cơ sở hạ tầng là vì chính nó cần. Cũng bởi vì nó cần nhân công nên nó « chăm sóc sức khoẻ » cho người dân bản xứ. Nó cần cán bộ thừa hành địa phương nên nó đào tạo một bộ phận thanh thiếu niên. Toàn quyền Albert Sarraut, ngay từ năm 1923, đã viết nhiều trang hết sức huych toẹt. Luận văn của ông ta mang nhan đề : *La mise en valeur des colonies françaises* (Công cuộc khai thác các thuộc địa Pháp). Khai thác để ai hưởng lợi ? Hệ thống thuộc địa chạy theo lợi nhuận, điều đó cũng lô gích thôi. Nhưng xin miễn che đậy những tính toán ấy bằng bức màn thương người vô vị lợi.

Có nhiên trong chế độ thực dân, có những người có tư tưởng nhân bản (vô tình họ được dùng để biện minh cho chế độ), nhưng bản thân nó cơ bản là một thứ chủ nghĩa phản – nhân bản thực dụng và ghê gớm !

### **Với tư cách một công dân....**

... tôi nhận thấy sự kiêu căng khinh thị của phái hữu ở Pháp chính nó đã tạo ra biết bao sự căng thẳng và oán thù. Tuy nhiên, đáng buồn thay, tôi cũng phải nói thêm là phản ứng nhút nhát (và chỉ thu hẹp ở nghị viện) của phái tả (kể cả Đảng cộng sản) thật không xứng với tầm vóc của vấn đề. Tạm bỏ qua đi ? Thì tạm thời, ta hãy bỏ qua, với điều kiện là một ngày kia, phải trở lại vấn đề này.

Bây giờ, chúng ta hãy thử suy nghĩ một chút. Chúng ta thử đặt mình vào vị trí những công dân Pháp mang tên là Mohamed hay Diallo suốt ngày bị người ta nhắc nhở thân phận con cháu người dân thuộc địa của mình. Trong suốt năm qua, phái hữu Pháp đã nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần tới quá khứ thực dân, khi thì bóng gió, lúc thì huých toẹt.

Đứng giữa khu 4000 có lăm màu [da] ở thị xã La Courneuve, một bộ trưởng (4) ngang nhiên tuyên bố sẽ dùng vòi nước « Karcher » để tẩy uế khu này. Thông điệp của ông ta là gì, nếu không phải là sẽ tẩy cho trắng ?

Đề (tìm cách) giải quyết khủng hoảng trong đó đa số những người nổi loạn là người da màu và đa số cảnh sát viên là người da trắng, thì chính phủ mang ra thi hành một đạo luật đã được thông qua từ thời chiến tranh Algérie. Làm sao lại có thể... nói sao cho đúng đây, vụng về ? mù quáng ? khiêu khích ? điên cuồng đến như thế ? có thể nào bị tiếm thức « tha hoá » hơn thế nữa chẳng ?

Thế mà có những nhà lãnh đạo quốc gia, trong tình hình như vậy, không biết làm gì hơn là ca ngợi thời kì thực dân ! Hai bộ trưởng (không phải hạng xoàng) đã đỡ đầu « sáng kiến » này (sau đó thì im thin thít) : Michèle Alliot-Marie (bộ quốc phòng) và Philippe Douste-Blazy (bộ ngoại giao), tức là cánh tay vũ trang và tiếng nói của nước Pháp trên thế giới ! Ta có thể chúc bà bộ trưởng quốc phòng nhiều may mắn khi phải biện bạch cho đạo luật này lúc gặp một bộ trưởng Việt Nam mà ông nội hay ông ngoại có thể đã ném mìn bom napan của quân đội Pháp, xác chôn ở nghĩa trang Vĩnh Yên. Ta có thể ước gì biến thành chú chuột nhất, chứng kiến cuộc gặp giữa hai bộ trưởng ngoại giao Pháp và Algérie, để nghe bộ trưởng ngoại giao Pháp trở tài biện sĩ cho lọt tai một người mà thân sinh có thể đã từng bị tra điện trong trận Alger.

Tôi được đọc, dưới ngòi bút của một dân biểu thuộc đảng UMP (5), rằng « bọn trẻ ở ngoại ô » chẳng ai đọc bản văn đạo luật ấy đâu (ý nói : họ đang bận làm chuyện khác). Vậy thì ngại gì mà không bỏ phiếu thông qua nhỉ ! Sự khinh miệt của kẻ quyền quý tới mức đó là hết. Nghiêm trọng hơn, nó chứng tỏ họ không thể nào hiểu nổi cái điều mà thanh niên ngoại ô không nói ra lời, thậm chí không tư duy (một cách thuần lí được), nhưng đang sống, đang trải nghiệm một cách mãnh liệt nhất. Điều đó đơn giản thôi : đó là cảm nhận về bất công. Nếu những người trẻ ấy căm ghét cái nước Pháp nào đó, thì không phải vì bản năng bẩm sinh (như Finkelkraut đã dám nói như vậy). Chức năng của người trí thức không phải – hay không chỉ là – mô tả sự thể ra sao ; mà là soi sáng nguyên do của nó. Một đề tài lí thú biết bao, nhưng lại làm nhiều người hơi bị phiền lòng.

Vậy thì tại sao một bộ phận người Pháp lại cảm thấy mình không phải là... người Pháp ?

Bởi vì họ biết, mang máng hay không, rằng đất nước này vẫn chưa giải quyết xong vấn đề kì thị chủng tộc. Rằng chủ nghĩa chủng tộc đã bắt rễ từ lịch sử thuộc địa của chúng ta. Nạn kì thị chủng tộc không phải là thường trực, cũng không nhất thiết là của đa số, dưới dạng thức hung hăng nhất : những đứa bé cười phá lên khi thấy người lính da đen trong phim quảng cáo của hãng sôcôla *Y'a bon Banania*, tất nhiên « không giết ai » cả, những người Pháp hàng ngày mở miệng

ra là « mọi » với « rệp » không nhất thiết là những người xấu. Nhưng...

Bởi vì nước Pháp, nơi họ đang sống, năm 1914 đã đưa ông cố của họ sang chiến đấu, và sau năm 1918, kiến thiết lại đất nước.

Bởi vì nước Pháp, nơi họ đang sống, năm 1939 đã đưa ông của họ sang chiến đấu, và sau năm 1945, kiến thiết lại đất nước (không biết đến ngày nào mới có người nói tới vai trò của những người thợ nề, thợ sơn, những OS (công nhân không tay nghề) Bắc Phi và Phi Châu trong « Ba mươi năm quang vinh » [1945-1975] ?)

Rồi, sau năm 1918 và sau năm 1945, chính cũng nước Pháp này đã mang trả họ về với những túp lều « gourbi » tồi tàn ở nước họ, hay là để họ sống trong những căn phòng cho thuê thảm hại hoặc những khu ổ chuột đầu tiên của nước Pháp ?

Bởi vì đất nước mà họ sinh trưởng đã gây chiến với quê hương của cha ông họ, những người được gọi là « viet » hay « fellouze ».

Nếu họ huyết sáo la ó ở sân vận động khi ban nhạc cử hành bản quốc thiều La Marseillaise, thì cũng bởi vì kinh nghiệm sống của ba bốn thế hệ đã chồng chất tầng tầng lớp lớp nay tức nước vỡ bờ : hoá ra cái « thứ máu nhơ nhuốc » (6) mà bài quốc ca tố giác chính là dòng máu của họ sao ?

Những lời tuyên bố đó, đạo luật tháng 2-2005 này, và cái nảo trạng mà các văn bản ấy chuyển tải đang đào khoét cái hồ sâu đã xuất hiện từ cách đây mấy thập niên. 'Hồ sâu thuộc địa'. Hồ sâu giữa « người Pháp chính gốc » và « dân bản xứ của chế độ cộng hoà », như có người đã viết.

Người ta đã phê phán những công thức đó. Công thức « hồ sâu thuộc địa » rất đáng được bàn kĩ. Công thức thứ nhì có lẽ cũng đáng phê phán thật. Người viết bài này có thể thoải mái luận bàn vì không hề tham gia hai nhóm chủ trương này.

Cố nhiên, người ta có thể cãi rằng nước Pháp ngày nay từ lâu không còn là nước Pháp thực dân nữa, rằng « dân bản xứ » ngày xưa làm sao có quyền kí kiến nghị và xuống đường biểu tình như bây giờ. Đúng đấy, nhưng lí sự như thế cũng hơi cùn. Bởi vì lí sự chặt chẽ đến đâu chẳng nữa cũng không ngăn cản nổi sự thực là những công thức nói trên phản ánh cuộc sống của hàng trăm ngàn thanh niên trong cơn khủng hoảng hiện nay. Không còn ai dám gọi họ là « bọn bản xứ », « bọn anh-đi-gien » nữa. Nhưng họ vẫn cảm thấy mình là một thứ « anh-đi-gien ». Vấn đề là ở đó, một vấn đề nổi cộm.

Trong tình hình đó, việc thông qua đạo luật hồi tháng hai, và xác quyết nó trong tháng 11 vừa qua là một hành động – tôi cân nhắc từng chữ trước khi viết câu này – ít nhất phải nói là vô trách nhiệm, nếu không nói là có ý gây hấn. Bất luận thế nào, đó là một dấu hiệu vượt xa sự phần nộ đơn thuần của các nhà sử học. Nó liên quan tới tương lai của nước Pháp, không hơn không kém.

Vì vậy mà, xét cho cùng, tôi quyết tâm phản đối đạo luật với tư cách một người dân của đất nước này. Là nhà nghiên cứu, là nhà sử học, tôi chỉ cần trả lời họ : « Cứ nói nhảm nữa đi ! ». Nhưng với tư cách một công dân quan tâm tới sự thống nhất của quốc gia, tôi phải kêu to : « Nguy to rồi ! ».

## Một thế giới chính trị Pháp vừa mù vừa điếc

Có thể tìm hiểu tại sao có sự tái hiện này. Cái gì đã thúc đẩy những chính trị gia, đáng lẽ có bao nhiêu việc khác phải làm, lại đi giữ lại những trang sử thuộc địa và tìm cách áp đặt việc viết lại lịch sử ?

Đúng là chương sử « phải gió » này làm cho nhiều thế lực chính trị phải đau đầu !

Trước tiên, chúng ta hãy trở lại cái mà tôi vừa gọi là sự nhút nhát của phe tả. Phái tả Pháp bước ra khỏi thời kì thuộc địa, « chữ trình chẳng còn lại chút gì »... Từ Moutet đến Mollet, hành động của Đảng xã hội Pháp nhiều phen chỉ đơn thuần là đàn áp. Phe cánh Mitterrand thì phần khởi đi theo vết xe đổ của chủ trương « Pháp-Phi » theo kiểu De Gaulle (7). Còn Đảng cộng sản Pháp thì tên tuổi đã gắn liền với những cuộc vận động lớn chống chế độ thực dân trong thế kỉ XX, song đôi khi tinh thần quốc tế cũng áp úng (như ở Sétif năm 1945), hoặc để những ưu tiên chính trị ở chính quốc lấn át cuộc đấu tranh ở thuộc địa (vụ bỏ phiếu trao « quyền hành đặc biệt » cho chính phủ Guy Mollet năm 1956). Và giờ đây, ĐCS Pháp rõ ràng là quá yếu, không mong gì làm động lực cho phong trào phản đối.

Còn phái hữu truyền thống của Pháp, tập hợp chung quanh hai nhánh « gaulliste » (theo De Gaulle) và « liberal », thì vốn ít nhiều nuôi tiếc quá khứ thực dân. Chúng ta chớ nên quên rằng trong suốt thế kỉ XX, họ đã liên tục chủ trương và biện minh « sứ mạng khai hoá » của Pháp. Chớ nên quên trách nhiệm của họ trong cuộc giải thực đẫm máu từ 1945 đến 1962. Chớ nên quên rằng De Gaulle, người cha sáng lập của họ, tuy đã có một chính sách thực tế trong những năm 1960-62, song trước đó đã hằng hái chủ trương chính sách thực dân (xu hướng cải lương). Các dân biểu phái hữu hiện nay là hậu duệ của những xu hướng kể trên. Họ không hề « phản bội » chủ nghĩa De Gaulle hay chủ nghĩa « liberal » : họ kế thừa và tiếp tục thực hiện chúng.

Hiện tượng nổi bật là dự án luật này và những lời bình luận đi kèm đã biểu lộ mối liên hệ giữa tư tưởng phái hữu và tư tưởng cực hữu.

Bởi có một yếu tố cuối cùng mà tôi muốn nêu ra vì dự luận ít cảm nhận được nó : đó là sự hoạt động của những « lobby » ít nhiều dính dấp tới cánh cực hữu. Mọi người còn nhớ những cuộc vận động quái dị nhằm phục hồi danh dự cho tổ chức khủng bố OAS và những tên sát nhân của nó (Wissous, Toulon, Marignane). Mọi người cũng biết trong cuộc khủng hoảng vừa qua, Le Pen đã lớn tiếng tố cáo người nhập cư, hằng hái như thời trẻ xa xưa của y. Báo chí cực hữu nói tới « chiến tranh sắc tộc ». Nhưng vụ phục hồi quá khứ thực dân của nước Pháp vượt hẳn quy mô của nhóm cực hữu « chính thức ». Những tạp chí lịch sử, đài phát thanh, những trạm internet đã liên tục rả rã vận động những đại diện dân cử, những chính trị gia, những trí thức. Cuộc vận động này được tiến hành rất đúng bài bản, theo đúng truyền thống « tuyên truyền, vận động, tranh thủ ». Đó là nói về mặt kĩ thuật. Còn về nội dung thì quá tồi tệ. Chỉ là những lời cay đắng, nuôi tiếc quá khứ một cách mù quáng, mỉa dân đặc biệt hướng về những người « pieds-noirs » (« chân đen », tức là những người Âu đã

lập nghiệp hay sinh trưởng ở Algérie, sau năm 1962 phải về Pháp) và « harkis » (những người Algérie phục vụ cho quân đội Pháp), nay lại bị sử dụng, bị biến thành công cụ, như trong thời gian từ 1954 đến 62. Nội dung ấy mang tên : chủ nghĩa phủ nhận.

Chúng ta đang sống một thời kì khó khăn. Sử học phê phán vừa trải qua một thất bại không thể chối cãi. Nhưng trong lãnh vực này cũng như trong các lãnh vực khác, chỉ có những người không chịu làm gì và những người lừng khừng sẽ là kẻ thua trận.

**Alain RUSCIO (8)**

Bản dịch của Kiến Văn

### CHÚ THÍCH của người dịch :

- (1) Ý nói đến việc J. Bouvier biện bạch cho hiệp ước giữa Liên Xô và Đức quốc xã tháng 8-1939 (chú thích của người dịch).
- (2) Tháng niên 1970, ông Georges Marchais, tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp, mỗi lần nói tới Liên Xô, thường dùng công thức « bilan globalement positif » (thành tích nói chung là tích cực). Công thức này trở thành đề tài mỉa mai trong dư luận và làm giảm uy tín của ĐCS Pháp.
- (3) Khi nói tới cuộc diệt chủng Do Thái của chế độ Hitler, Jean-Marie Le Pen, lãnh tụ đảng cực hữu « Front National » (Mặt trận Quốc gia) tuyên bố « đây là một tiểu tiết ».
- (4) Nicolas Sarkozy, bộ trưởng nội vụ, nhân vật số 2 của chính phủ, người chuẩn bị ra tranh cử tổng thống, thay thế Jacques Chirac.
- (5) Union pour la Majorité Présidentielle (Liên minh đa số ủng hộ tổng thống) là đảng lớn nhất của phái hữu Pháp, nay do Nicolas Sarkozy làm chủ tịch.
- (6) « Lấy dòng máu như nhuộm (của quân thù) này tưới luống đất đồng ruộng ta » (lời quốc ca Pháp *La Marseillaise*)
- (7) « Françafrique », từ ghép hai danh từ « France » (Pháp) và « Afrique » (Phi Châu), để chỉ chính sách thực dân kiểu mới của Pháp từ năm 1960 trở đi, khi chính quyền De Gaulle, về danh nghĩa, « trao trả độc lập » cho các nước thuộc địa châu Phi.
- (8) nhà sử học, chủ tịch trung tâm CID Vietnam (Trung tâm Thông tin & Tư liệu Việt Nam, Montreuil).

### Tin buồn

Được tin

#### Ông ĐỖ BÁ KHÊ

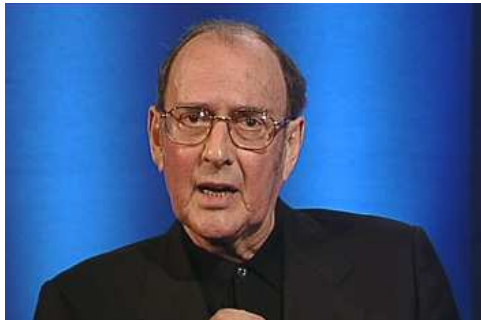
đã từ trần ngày 24-12-2005 tại Walnut Creek, California, thọ 83 tuổi.

Tang lễ đã cử hành ngày 30-12-2005

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Phước, chị Kim Ánh và toàn thể tang quyến.

Harold Pinter – Diễn Từ Nobel (2005) (\*)

## Nghệ Thuật, Sự Thật & Chính Trị



Năm 1958, tôi viết như sau :

“ Không có sự phân biệt rạch ròi giữa cái gì là thật và cái gì là ảo, cũng như giữa điều đúng và điều sai. Một sự việc không nhất thiết phải hoặc đúng hoặc sai ; nó có thể vừa đúng vừa sai ”.

Tôi tin rằng khẳng định này vẫn còn ý nghĩa và vẫn thực sự thích hợp cho việc thăm dò hiện thực bằng nghệ thuật. Vậy, là nhà văn, tôi ủng hộ cách nhìn ấy, nhưng là công dân thì tôi không thể. Khi là công dân, tôi phải hỏi : Cái gì đúng ? Cái gì sai ?

Sự thật trong kịch nghệ thì muôn đời lẫn khuất. Ta sẽ không bao giờ thực sự tìm thấy nó, nhưng không thể không đi tìm nó. Cuộc truy tìm, rõ ràng đó là điều thôi thúc ta hành động. Truy tìm là việc ta phải làm. Rất nhiều khi bạn va phải sự thật trong khoảng tối mù, có lúc húc thẳng vào nó, có lúc chỉ thoáng thấy một hình ảnh, một bóng dáng, có cái gì có vẻ liên hệ đến nó, nhưng rồi bạn vẫn không nhận ra là mình đã gặp nó. Nhưng chân lý đích thực là chẳng bao giờ tìm thấy trong kịch nghệ cái gì là sự thật duy nhất. Có nhiều sự thật. Những sự thật này thách thức lẫn nhau, xua đuổi nhau, phản chiếu nhau, quay lưng lại với nhau, trêu chọc nhau, và mù tối về nhau. Đôi lúc bạn cảm thấy như đã nắm được sự thật của một thời điểm, vậy mà nó lại trôi tuột qua kẽ tay và mất hút.

Người ta thường hỏi tôi, các vở kịch của tôi nảy sinh thế nào. Chẳng biết nói sao. Tôi cũng không thể tóm tắt các vở kịch của mình, trừ phi bảo rằng nó xảy ra như thế đó. Nhân vật nói như vậy. Nhân vật làm những điều như vậy.

Hầu hết các vở kịch được thai nghén từ một câu, một chữ hay một hình ảnh. Có được một chữ nào đó rồi thì thường hay có một hình ảnh đi liền theo sau. Đây là hai ví dụ về hai dòng chữ từ đâu đó hiện về trong đầu tôi, kéo theo sau một hình ảnh, và theo sau đó là tôi.

Hai vở kịch là *The Homecoming* (\*\*) và *Old Times*. Dòng đầu tiên của *The Homecoming* là ‘Anh để cái kéo ở đâu rồi ?’ Dòng đầu của *Old Times* là ‘Sẫm’.

Trong cả hai trường hợp tôi không còn có thêm thông

tin nào khác.

Trong trường hợp đầu, ai đó rõ ràng đang tìm cái kéo và vặn hỏi một ai khác, mà anh ta ngỡ chắc đã ăn cắp cái kéo, xem cái kéo ở đâu. Nhưng có cái gì đó bảo tôi rằng người bị hỏi thì hoàn toàn không để ý gì đến cái kéo, và cũng chẳng đếm xỉa gì đến cả cái anh chàng đang hỏi kia.

‘Sẫm’, tôi thấy như là để chỉ màu tóc của ai đó, tóc một phụ nữ, và là câu trả lời cho một câu hỏi. Trong mỗi trường hợp, tôi cảm thấy bị thôi thúc phải biết tiếp câu chuyện. Như được nhìn tận mắt, một sự kiện rất từ từ hiện ra, từ khoảng tối ra ánh sáng.

Tôi luôn bắt đầu một vở kịch bằng cách gọi các nhân vật là A, B và C.

Trong vở kịch sau này trở thành vở *The Homecoming*, tôi nhìn thấy một người đàn ông đi vào một gian phòng trống trải, và đặt câu hỏi cho một người đàn ông trẻ hơn, đang ngồi đọc báo cá ngựa trên một cái ghế dài xấu xí. Tôi ngỡ ngỡ rằng, A là ông bố và B là con ông ta, nhưng không có gì chứng minh. Song, một chốc sau đó, điều này được xác nhận, khi B (sau này là Lenny) nói với A (sau là Max), ‘Bố, mình nói sang chuyện khác được chứ ? Cho con hỏi một câu. Món ăn tối vừa rồi mình dùng, gọi là gì nhỉ ? Sao bố không mua một con chó ? Bố chỉ giỏi nấu cho chó. Thiệt đó. Bố tưởng mình nấu cho một bầy chó ư’. Vì B gọi A bằng ‘bố’ như thế, nên tôi thấy mình có giả định rằng họ là cha con thì cũng hợp lí thôi. A rõ ràng là đầu bếp và món ông ấy nấu chừng như cũng không được coi trọng cho lắm. Như thế thì có phải là không có bà mẹ ? Tôi không rõ. Nhưng, như lúc đó tôi đã tự nhủ, mọi bắt đầu của chúng ta không hề biết gì về những kết cục.

‘Sẫm’. Một khung cửa sổ lớn. Trời đêm, Một người đàn ông, A (sau là Deelay), và một người đàn bà, B (sau là Kate), ngồi trước những li rượu. ‘Béo hay gầy ?’ người đàn ông hỏi. Họ nói về ai thế ? Nhưng rồi tôi nhìn thấy, đứng bên cửa sổ, một người đàn bà, C (sau đó thành Anna), dưới quang sáng khác, quay lưng về phía họ, tóc sẫm.

Khoảnh khắc ấy thật lạ kì, cái thời điểm sáng tạo các nhân vật cho tới lúc đó chưa hề hiện hữu. Những gì tiếp theo thì thật thường, bất định, mang cả tính ảo giác, mặc dù đôi lúc như một dòng thác không sao ngăn nổi. Tác giả ở một vị trí kì cục. Phần nào đó, hẳn không được các nhân vật niềm nở chào đón. Nhân vật cưỡng lại tác giả, sống với nhân vật thật là vất vả, không cách gì định nghĩa được nhân vật. Tất nhiên là ta không thể sai khiến họ. Có thể nói, ta với họ cùng chơi một trò chơi bất tận, mèo với chuột, bịt-mắt-bắt-dê, trốn tìm. Nhưng rốt cuộc ta nhận ra là mình có trong tay những con người bằng xương bằng thịt, những con người với ý chí và độ nhạy cảm riêng, hình thành từ những bộ phận mà ta không thể nào thay đổi, leo lái hay bóp méo.

Thế nên ngôn ngữ trong nghệ thuật vẫn là một sự trao đổi cực kì mập mờ, một bãi cát lầy, một tấm bạt nhày, một mặt hồ đóng băng có thể làm bạn, người tác giả, sụp chân bất cứ lúc nào.

Nhưng, như tôi đã nói, cuộc truy tìm sự thật không bao giờ ngừng được. Không thể đình chỉ nó, không thể hoãn nó lại. Cần phải đổi mặt nó, ngay tại chỗ, liền tại trận.

Kịch chính trị lại đặt ra một nhóm những vấn đề hoàn toàn khác. Bằng mọi giá, phải tránh việc rao giảng. Tính khách quan là cốt yếu. Nhân vật phải được để cho thở không khí riêng của họ. Tác giả không thể đóng khung hay gò bó họ để thỏa khẩu vị, ý đồ hay thiên kiến riêng của mình. Tác giả phải sẵn sàng tiếp cận nhân vật từ nhiều góc cạnh, từ cả một loạt phối cảnh không bị hạn chế. Đôi khi, có thể đặt nhân vật vào thế bất ngờ, nhưng dù sao vẫn phải cho họ tự do đi theo bất kì hướng nào họ muốn. Không phải lúc nào kết quả cũng đạt. Và dĩ nhiên là châm biếm chính trị sẽ không tuân theo bất kì lời chỉ giáo nào vừa nêu, mà thực ra nó còn làm hoàn toàn ngược lại, đúng với chức năng thật sự của nó.

Trong vở *The Birthday Party* tôi nghĩ rằng mình đã để cho một loạt chọn lựa tung hoành giữa một rừng những khả dĩ, trước khi cuối cùng tôi tập trung vào một hành vi khuất phục.

Vở *Mountain Language* lại không vở vĩnh với các thao tác kiểu ấy. Nó một mạch tàn bạo, ngắn ngủi và đáng ghét. Nhưng vẫn dành cho mấy người lính trong đó đôi chút vui thú. Đôi khi ta quên rằng những kẻ tra tấn người rất mau chán. Họ cần tí cười để tiếp tục hưng phấn. Dĩ nhiên, điều này được xác minh qua các vụ việc ở Abu Ghraib, Baghdad. *Mountain Language* chỉ dài có 20 phút, nhưng nó có thể kéo hết giờ này sang giờ khác, cứ như thế như thế, cùng một đoạn mẫu ấy lập đi lập lại, trở tới trở lui, hết giờ nọ sang giờ kia.

Mặt khác, vở *Ashes to Ashes* đối với tôi lại giống như xảy ra dưới nước. Một người đàn bà chết đuối, tay bà ta chới vói giữa các lượn sóng, chìm mất tăm, vói tìm tay của ai khác, nhưng chẳng tìm được ai, cả trên lẫn dưới mặt nước, chỉ tìm thấy những chiếc bóng, ánh phản chiếu, trôi dạt; người đàn bà một hình tượng lạc lõng trong một cảnh trí chết chìm, một người đàn bà không thể thoát khỏi cái tử phạt chừng như chỉ thuộc về những kẻ khác.

Nhưng khi họ chết, bà ta cũng phải chết.

Ngôn ngữ chính trị, qua cách dùng của chính trị gia, không hề bén mảng đến vùng đất này vì, theo các chứng cứ ta có, điều quan trọng đối với đa số các chính khách không là sự thật mà là quyền lực và việc duy trì quyền lực ấy. Để duy trì được quyền lực thì thiết yếu dân chúng phải đắm chìm trong ngu tối, phải sống mà không biết gì về sự thật, ngay cả sự thật về chính cuộc đời họ. Cho nên, chung quanh chúng ta là một tấm màn khổng lồ dệt bằng gian trá, dùng cho chúng ta bú mớm.

Như mọi người ở đây đều biết, lý do đưa ra để biện minh cho việc xâm lăng Iraq là, Saddam Hussein có một mớ vũ khí sát hại hàng loạt thật nguy hiểm, vài thứ trong đó có thể khai hoả sau 45 phút, mang theo sức tàn phá kinh hoàng. Chúng ta được đoan chắc đó là sự thật. Đó không phải sự thật. Người ta bảo rằng Iraq có quan hệ với Al Qaeda và cùng chịu trách nhiệm trong biến cố thảm khốc ở New York hôm 11 tháng 9 năm 2001. Chúng ta được đoan chắc đó là sự thật. Đó không phải sự thật. Người ta bảo rằng Iraq đe dọa an ninh thế giới. Chúng ta được đoan chắc đó là sự thật. Đó không phải sự thật.

Sự thật là một điều hoàn toàn khác. Sự thật liên quan

đến cách Hoa Kỳ hiểu vai trò của họ trên thế giới và cách họ chọn lựa để thể hiện vai trò ấy.

Nhưng trước khi tôi quay trở lại với hiện tại, tôi muốn nhìn lại quá khứ gần đây, ý tôi muốn đề cập đến chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ từ sau Thế chiến Thứ hai. Tôi tin rằng chúng ta bắt buộc phải tra vấn giai đoạn này, mặc dù có giới hạn, trong chừng mực mà thời gian ở đây cho phép.

Ai cũng biết những gì đã xảy ra ở Liên Xô và khắp Đông Âu trong giai đoạn hậu chiến: hung ác có hệ thống, tàn bạo rộng khắp, mọi tư tưởng độc lập bị loại trừ thẳng tay. Tất cả đều đã được ghi thành hồ sơ và kiểm chứng đầy đủ.

Nhưng điều tôi muốn nói ở đây là tội ác của Hoa Kỳ trong cùng giai đoạn ấy lại chỉ được nhận thức một cách hời hợt, nói chi đến việc lập hồ sơ, nói chi đến thừa nhận, lại còn nói chi đến chuyện chỉ đích danh đó là tội ác. Tôi tin rằng điều này cần được xử lý, và sự thật ấy can hệ đáng kể đến tình trạng hiện nay của thế giới. Dù bị kềm chế phần nào, do sự hiện hữu của Liên Xô, hành động của Hoa Kỳ trên khắp thế giới cho thấy rõ Hoa Kỳ đã tự cho mình toàn quyền muốn làm gì thì làm.

Trực tiếp xâm lược một quốc gia có chủ quyền thực ra không phải là phương pháp ưu tiên đối với Mỹ. Về cơ bản, nước này vẫn thích hơn cái mà nó gọi là "xung đột cường độ thấp". Xung đột cường độ thấp có nghĩa là hàng nghìn người chết, nhưng thủng thẳng hơn là khi ta dội bom ào xuống đầu họ. Có nghĩa là ta nhiễm trùng vào trái tim của một đất nước, là ta cấy vô đó một khối u ác tính rồi canh chừng cho vùng hoại tử lan rộng. Khi dân chúng đã bị khắc chế -- hay đánh chết -- như nhau cả thôi -- và bạn bè ta, giới quân sự và các đại công ti, đã an vị thoải mái trong quyền lực, ta sẽ ra trước ống kính và tuyên bố dân chủ đã thắng. Đây là bài bản quen thuộc của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, trong những năm tôi vừa đề cập.

Bi kịch của Nicaragua là một trường hợp nhiều ý nghĩa. Tôi chọn đưa ra đây như một thí dụ hùng hồn về quan điểm của Mĩ đối với vai trò của chính nó trên thế giới, từ trước đến nay.

Tôi có mặt trong một buổi họp tại Sứ quán Hoa Kỳ ở London, vào cuối thập niên 1980.

Quốc hội Hoa Kỳ đang chuẩn bị quyết định liệu có cho thêm tiền cho phe Contras trong chiến dịch chúng chống lại Nhà nước Nicaragua. Tôi là thành viên một phái đoàn phát biểu đại diện cho Nicaragua, nhưng thành viên quan trọng hơn cả của đoàn là Linh mục John Metcalf. Đứng đầu bên phía Hoa Kỳ là Raymond Seitz (bấy giờ là nhân vật số hai sau đại sứ, sau đó ông ta là đại sứ). LM Metcalf nói: "*Thưa ông, tôi phụ trách một giáo xứ ở miền bắc Nicaragua. Giáo dân của tôi xây một trường học, trung tâm y tế, và trung tâm văn hóa. Chúng tôi sống trong yên bình. Mấy tháng trước, một lực lượng Contra tấn công giáo xứ. Họ tàn phá tất cả: trường học, trung tâm y tế, trung tâm văn hóa. Họ cưỡng dâm các y tá và cô giáo, giết các bác sĩ, một cách vô cùng tàn bạo. Họ hành xử như lũ man rợ. Xin ông vui lòng đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ rút lại việc hỗ trợ cho những hành vi khủng bố khủng khiếp này*".

Raymond Seitz vẫn được tiếng tốt là người biết phải quấy, có trách nhiệm và khá lịch lãm. Ông ta rất được nể

trọng trong giới ngoại giao. Ông ta lắng nghe, tư lự, đoạn nói, giọng hơi trầm xuống: “ Thưa cha, để tôi nói đôi điều. Trong chiến tranh, người dân vô tội luôn chịu khổ”. Tất cả sững sờ im lặng. Chúng tôi nhìn xoáy vào ông ta. Ông ta không nao núng.

Quả vậy, người dân vô tội luôn chịu khổ.

Sau cùng, ai đó nói: “ Nhưng, ở đây ‘người dân vô tội’ lại là nạn nhân của một trong nhiều chuyện dã man ghê tởm được chính phủ của ông tài trợ. Nếu Quốc hội Mỹ cho bọn Contras thêm tiền thì những chuyện dã man như vậy sẽ tiếp diễn. Không phải vậy hay sao? Chính phủ của ông, như thế có phải là đã can tội yểm trợ cho những hành động sát nhân và huỷ hoại đối với các công dân một quốc gia có chủ quyền? ”

Seitz vẫn điềm nhiên. Ông ta nói: “ Tôi không đồng ý rằng những sự kiện vừa được trình bày là đủ để hỗ trợ cho những gì quý vị nói ”.

Khi chúng tôi rời Sứ quán Mĩ, một trợ lí phía Hoa Kỳ bảo tôi rằng ông ta thích thú các vở kịch của tôi. Tôi không đáp.

Có lẽ tôi cần nhắc quý vị, lúc ấy tổng thống Reagan đã tuyên bố như sau: “ Nhóm Contras về mặt đạo lý là tương đương với các Nhà Lập Quốc của chúng ta ”.

Hoa Kỳ hỗ trợ cho chế độ độc tài tàn bạo Somoza ở Nicaragua trong hơn 40 năm. Năm 1979, nhân dân Nicaragua, dưới sự lãnh đạo của nhóm Sandinistas, lật đổ chế độ này trong một cuộc cách mạng phi thường của quần chúng.

Những người Sandanistas không phải toàn hảo gì. Họ cũng kiêu ngạo không kém ai và triết lí chính trị của họ cũng hàm chứa lắm yếu tố mâu thuẫn. Nhưng họ thông minh, biết lí lẽ và văn minh. Họ chọn con đường xây dựng một xã hội ổn định, tử tế và đa nguyên. Bãi bỏ án tử hình. Hàng trăm nghìn nông dân cùng khổ được vực lên từ chỗ chết. Hơn 100 000 gia đình được cấp đất đai. Hai nghìn trường học được xây dựng. Một phong trào dạy chữ rất hay đã làm giảm nạn mù chữ xuống còn dưới một phần bảy. Họ thiết lập một nền giáo dục miễn phí và một nền y tế miễn phí. Tử suất sơ sinh giảm một phần ba. Bệnh sốt tê liệt (Polio) bị xóa sổ.

Hoa Kỳ kết án các thành tựu này là một âm mưu Mác-xít/Lê-nin-nít. Dưới mắt chính phủ Hoa Kỳ, đó là một điển hình nguy hiểm đang hình thành. Nếu Nicaragua được tự do thiết lập các tiêu chuẩn căn bản về công lí xã hội và kinh tế, tự do nâng cao các tiêu chuẩn về y tế và giáo dục và xây dựng đoàn kết xã hội và lòng tự trọng dân tộc, các quốc gia láng giềng tất sẽ đặt ra những câu hỏi tương tự và làm những điều tương tự. Cùng lúc, dĩ nhiên còn có sự quyết liệt chống đối lại nguyên trạng ở El Salvador.

Tôi có nhắc ở trên đến ‘tấm màn dệt bằng gian trá’ chung quanh chúng ta. Tổng thống Reagan thường mô tả Nicaragua như một ‘nhà ngục toàn trị’. Giới truyền thông nói chung, và tất nhiên chính phủ Anh, đều coi đây là một phán đoán chính xác và công bằng. Nhưng, thực tế là không có gì cho thấy đã có các đội ám sát dưới thời chính phủ Sandanista. Không có gì cho thấy đã có tra tấn. Không có gì cho thấy quân đội đã có hành vi tàn bạo một cách qui mô và chính thức. Không có linh mục nào bị ám sát ở

Nicaragua. Sự thực là có ba linh mục trong chính phủ, hai linh mục dòng Tên và một nhà truyền giáo Maryknoll. Những nhà ngục toàn trị thì thực ra ở ngay bên cạnh đấy, ở El Salvador và Guatemala. Hoa Kỳ đã triệt hạ một chính phủ được bầu cử dân chủ ở Guatemala, năm 1954, và người ta ước tính có hơn 200 000 nạn nhân của các chế độ độc tài quân sự nối tiếp nhau.

Một tiểu đoàn của trung đoàn Alcatl, từng được huấn luyện tại Fort Benning, Georgia, USA, đã sát hại thật ác độc sáu tu sĩ dòng Tên kiệt xuất của thế giới, ở Central American University, San Salvador, năm 1989. Tổng giám mục vô cùng dũng cảm Romero bị ám sát trong lúc đang làm lễ. Người ta phỏng đoán có 75 000 người đã chết. Tại sao họ bị giết? Họ bị giết vì họ tin rằng có thể có một cuộc sống tốt đẹp hơn và con người phải đạt cho được cuộc sống ấy. Niềm tin đó tức khắc mệnh danh họ là cộng sản. Họ chết vì họ dám thách thức nguyên trạng, cái mặt bằng bất tận của nghèo khổ, bệnh tật, tha hóa và áp bức, vốn gắn chặt với họ từ thuở chào đời.

Rốt cục Hoa Kỳ đã triệt hạ được chính phủ Sandanista. Cũng mất đến vài năm và một sự chống trả đáng kể, nhưng biện pháp trừng phạt kinh tế kiên trì và 30 000 mạng người cuối cùng rồi cũng làm suy sụp tinh thần của người dân Nicaragua. Họ kiệt sức và lại trầm luân trong nghèo khổ. Các sông bạc lại dòi trở về Nicaragua. Y tế và giáo dục miễn phí chấm dứt. Các đại doanh nghiệp quay lại, ào ạt khí thế. ‘Dân chủ’ đã thắng.

Nhưng, ‘chính sách’ này không hề giới hạn ở Trung Mĩ. Nó được thực hiện trên toàn thế giới. Nó không bao giờ cáo chung. Và cứ như là nó chưa hề xảy ra.

Hoa Kỳ hỗ trợ, và trong nhiều trường hợp tạo dựng ra, tất thảy các chế độ độc tài quân sự hữu khuynh trên thế giới từ sau Thế chiến thứ hai. Tôi nói đến Indonesia, Greece, Uruguay, Brazil, Paraguay, Haiti, Turkey, Philippines, Guatemala, El Salvador, và, dĩ nhiên, Chile. Sự khủng khiếp do Hoa Kỳ gây ra ở Chile năm 1973 sẽ không bao giờ bị xóa được và sẽ không bao giờ tha thứ được.

Hàng trăm nghìn cái chết trên cùng khắp các quốc gia ấy. Chúng có thực đã xảy ra chăng? Và có thật là mọi trường hợp đều có thể gán cho chính sách ngoại giao Hoa Kỳ? Câu trả lời là chúng xảy ra thực và có thể gán chúng cho chính sách ngoại giao Hoa Kỳ. Nhưng đó ai biết đấy.

Nó không hề xảy ra. Đâu có việc gì xảy ra. Ngay khi nó đang xảy ra, nó cũng vẫn đâu có xảy ra. Chẳng mắc mớ gì cả. Có gì đáng để ý đâu. Những tội ác của Hoa Kỳ vốn có hệ thống, liên tục, độc ác, tàn nhẫn, nhưng rất ít người thật sự nói về chúng. Ta phải thần phục Mĩ. Nó đã vận dụng quyền lực trên toàn thế giới một cách khoa học lạnh lùng, trong khi vẫn giả dạng như một thế lực làm điều thiện cho trần thế. Một màn thôi miên tài tình, phải nói là ngoạn mục, rất mực thành công.

Tôi xin thưa với quý vị rằng, không còn nghi ngờ gì nữa, Hoa Kỳ chính là một vở diễn vĩ đại nhất. Hoa Kỳ có thể tàn bạo, vô cảm, khinh miệt và nhẫn tâm thật đấy, nhưng Hoa Kỳ cũng rất chi khôn khéo. Trong vai kẻ chào hàng, nó tự mình rao bán chính mình và món hàng bán chạy nhất của nó chính là lòng tự yêu mình. Món đó là nhất. Hãy thử lắng

nghe tất cả các tổng thống Mĩ trên truyền hình nói về mấy chữ “ nhân dân Mĩ ”, như trong câu, « *Tôi nói với nhân dân Mĩ, đây là lúc cầu nguyện và bảo vệ các quyền của nhân dân Mĩ và tôi kêu gọi nhân dân Mĩ hãy tin tưởng tổng thống của họ khi ông nhân danh nhân dân Mĩ để hành động* ».

Thật là mưu thần chước quỷ. Ngôn ngữ thật sự được dùng để ngăn chặn tư tưởng không cho tới gần. Mấy chữ “ nhân dân Mĩ ” là cả một tấm đệm êm ái ru ngủ. Ta không còn phải nghĩ ngợi. Cứ nằm kên ra trên đệm ấy. Nó có thể làm ngộp trí thông minh và khả năng phê phán của ta đấy, nhưng mà nó dễ chịu biết dường nào. Điều này dĩ nhiên không áp dụng cho 40 triệu người sống dưới mức nghèo khổ và hai triệu đàn ông và đàn bà bị giam trong mạng lưới lao tù bao la, trải rộng ra trên khắp Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ không còn bận tâm về các vụ xung đột cường độ thấp. Nó không còn thấy cần phải kín đáo hay thậm chí nói vòng vo. Nó ném tất các con bài lên bàn, không thêm không bớt. Đơn giản là nó chẳng coi Liên Hợp Quốc, luật quốc tế hay những người chống đối phê phán, mà nó coi là bất lực và vô nghĩa, ra cái thái gì cả. Nó lại còn có con cừu, với sợi dây cột cổ, lùn đùn bám theo đằng sau kêu be be, cái Vương quốc Anh ngu ngơ để bảo trông đến thăm.

Cảm ứng đạo đức của chúng ta đâu rồi ? Chúng ta thật đã có cảm ứng gì không ? Mấy chữ đó nghĩa là gì vậy ? Liệu nó có liên quan gì đến một từ hiếm hoi hiện nay – lương tâm ? Một lương tâm không chỉ đối với những hành vi của chính mình mà còn đối với trách nhiệm chia sẻ trên hành vi của kẻ khác ? Những khái niệm ấy đã chết hết rồi ư ? Cứ nhìn Guantanamo Bay mà xem. Hàng trăm con người, không hề bị kết tội, bị giam cầm hơn ba năm nay, không được có đại diện pháp lí hay xét xử đúng theo qui tắc, trong thực tế là bị giam cầm vô thời hạn. Cả cái cơ cấu hoàn toàn phi pháp này được duy trì bất kể Qui ước Geneva. Không những nó được dung dưỡng mà còn không được cái mệnh danh là “ cộng đồng quốc tế ” ghé mắt đến. Sự si nhục ác nghiệt này lại xuất phát từ một quốc gia tự xưng là “ lãnh tụ của thế giới tự do ”. Chúng ta có nghĩ tới những người ở Guantanamo Bay không ? Giới truyền thông nói gì về họ ? Thi thoảng họ cũng được lộ diện – qua một mẫu tin nhỏ nơi trang sáu. Họ bị cầm cố trong một vùng cấm địa, và có lẽ sẽ không bao giờ từ nơi ấy trở về. Hiện thời, nhiều người trong bọn họ -- kể cả những cư dân của nước Anh -- đang tuyệt thực, bị ép ăn. Cách ép ăn thì chẳng từ tế gì. Không thuốc ngủ, thuốc tê. Chỉ có cái ống luông vào mũi xuống cổ họng bạn. Bạn sẽ ói máu. Đó là tra tấn. Bộ trưởng Ngoại giao Anh đã nói gì về việc này ? Không nói gì cả. Thủ tướng nước Anh đã nói gì về việc này ? Không nói gì cả. Sao không ? Vì Hoa Kỳ đã bảo : phê phán cách chúng tôi cư xử ở Guantanamo Bay là đồng nghĩa với một hành động không thân thiện. Các anh hoặc theo chúng tôi hoặc chống chúng tôi. Thế cho nên, Blair cầm họng.

Cuộc xâm lược Iraq là một hành động kẻ cướp, một hành động khủng bố cấp nhà nước đích thực, thể hiện sự tuyệt đối miệt thị ý niệm về luật pháp quốc tế. Cuộc xâm lăng đó là một hành động quân sự độc đoán dựa trên hết dối trá này tới dối trá khác, cùng trò thao túng thô bạo với giới truyền thông, và qua đó, công luận ; một hành động nhằm ổn cố sự kiểm soát quân sự và kinh tế của Mĩ ở

Trung Đông, núp dưới mặt nạ của một cuộc giải phóng – như phương sách cuối cùng – sau khi mọi biện minh khác đều không thể nào biện minh được. Đó là sự ra uy thẳng thừng của một quân đội đã gây ra chết chóc và thương tật cho hàng vạn người dân vô tội.

Chúng ta đã mang đến cho người dân Iraq tra tấn, bom chùm, bom uranium nghèo, vô số cuộc giết người bừa bãi, cùng khốn, điểm nhục và chết chóc ; và gọi đó là « *mang tự do và dân chủ đến Trung Đông* ».

Phải giết đến bao nhiêu người thì mới đáng được coi là kẻ sát nhân hàng loạt và là một tên tội phạm chiến tranh ? Một trăm nghìn ? Quá đủ, tôi nghĩ vậy. Cho nên đem Bush và Blair ra xử trước Tòa án Tội phạm quốc tế là công bằng. Nhưng Bush tinh ranh lắm. Ông ta đã không phê chuẩn Tòa án Tội phạm quốc tế. Cho nên, nếu một tên lính Mĩ nào, hay một chính khách cũng vậy thôi, mà bị lôi ra trước tòa án ở đâu thì Bush đã cảnh cáo trước rằng ông ta sẽ gọi thủy quân lục chiến tới đó. Nhưng Tony Blair thì có phê chuẩn Tòa này và do đó có thể bị đem ra xét xử. Ta có thể cho Tòa địa chỉ của ông ta, nếu họ cần. Đó là, số 10, phố Downing, Luân Đôn.

Cái chết trong trường hợp này là không can hệ. Cả Bush lẫn Blair đều đặt cái chết xuống hàng rất thứ yếu. Ít nhất có 100 000 người Iraq bị bom và hoả tiễn Mĩ giết chết trước khi cuộc nổi dậy bắt đầu. Những nạn nhân ấy nhẹ như không. Cái chết của họ là không hề có. Họ là khoảng trắng. Mà họ cũng không được ghi nhận là đã chết. Tướng Mĩ Tommy Franks nói, « *Chúng tôi không đếm xác* ».

Buổi đầu của cuộc xâm lược, có một tấm ảnh đăng trên trang bìa báo chí Anh, hình Tony Blair hôn lên má một bé trai Iraq. Với phụ chú : “ *Một đứa trẻ biết ơn* ”. Vài ngày sau, có một bài và ảnh, ở một trang trong, một bé trai 4 tuổi khác, không có tay. Gia đình em bị hoả tiễn thổi văng. Em là người duy nhất sống sót. Em hỏi : « *Khi nào thì tôi có tay trở lại ?* ». Tin này không có tiếp nối. Ấy, Tony Blair đâu có ôm em bé đó trong tay, hay ôm thân thể của bất kì đứa bé bị thương tật nào khác, hay một xác chết máu me nào. Máu thì bắn thiu. Nó làm bắn áo và cà vạt của ta khi ta lên truyền hình để đọc một bài diễn văn chân thành.

Con số 2 000 người Mĩ chết là một phiến toái. Họ được mang ra huyết mộ trong đêm tối. Các đám tang diễn trong âm thầm, tránh gây hệ lụy. Kẻ thương tật mục rã trên giường bệnh, một số sẽ tiếp tục mục rã trong suốt phần đời còn lại. Như thể người chết và người bị thương đều mục rã, trong những thú huyết mộ khác nhau.

Đây là một trích đoạn bài thơ “ *Tôi giải thích đôi điều* ” của Pablo Neruda :

*Rồi một buổi mai tất cả đều bốc lửa  
một buổi mai lửa cháy  
từ lòng đất vọt ra  
nuốt chửng con người  
và lửa có từ đây,  
thuốc súng có từ đây,  
và từ đây máu chảy.  
Bọn cướp với máy bay và lũ đánh thuê,  
bọn cướp đeo nhẫn cặp kẻ mệnh phụ,  
bọn cướp áo choàng đen vung vẩy phép lành*



*chúng giết trẻ thơ từ vòm trời xanh,  
và máu trẻ thơ chảy tràn đường phố  
chảy đơn sơ, như máu trẻ thơ.*

*Này thứ sói lang đến sói lang còn xua đuôi,  
này loài đá cò gai cắn vào phải khạc ra,  
này lũ rắn độc mà rắn độc tằm lợm !*

*Chạm mặt chúng mày, ta đã nhìn thấy  
Tây Ban Nha máu dâng trào  
đim chẹt lũ bầy chỉ một ngọn triều  
của niềm kiêu hãnh, của những lưỡi dao.*

*Này lũ tướng tá  
bội phản :  
nhìn kia ngôi nhà ta đã chết,  
nhìn kia Tây Ban Nha nát tan:  
nhưng từ xác mỗi căn nhà kim loại mọc lên nóng bỏng  
thay chỗ những đóa hoa,  
nhưng từ từng hẻm đất Tây Ban Nha  
Tây Ban Nha trôi dạt,  
nhưng từ mỗi xác trẻ thơ một khẩu súng trợn trừng đôi mắt,  
nhưng những viên đạn nảy sinh từ từng tội ác  
sẽ có ngày tìm thấy  
đúng chỗ tìm chúng mày.*

*Và bạn sẽ hỏi : sao thơ anh không nói  
về những giấc mơ và những lá cây,  
hay những hòa sơn nơi quê hương hùng vĩ ?*

*Hãy đến nhìn máu đổ trên đường,  
Hãy đến nhìn  
máu đổ trên đường,  
Hãy đến nhìn máu đổ  
Trên đường !*

Cần nói cho rõ, khi trích dẫn bài thơ của Neruda tôi không hề có ý so sánh Cộng hòa Tây Ban Nha với Iraq của Saddam Hussein. Tôi trích Neruda vì không tìm đọc được ở đâu, trong thơ đương đại, những hình ảnh mô tả việc ném bom thường dân một cách xé lòng và mãnh liệt như thế.

Lúc này tôi có nói rằng Hoa Kỳ giờ đây huých toẹt đặt các con bài của mình trên bàn. Tình hình là như thế. Chính sách công khai hiện nay của nước này được gọi là “*không chế trên mọi phương diện*”. Đây không phải là từ ngữ của tôi, của họ đấy. “*Không chế trên mọi phương diện*” có nghĩa là kiểm soát các vùng đất, biển và trời và mọi thứ tài nguyên đi kèm.

Hoa Kỳ hiện nay chiếm dụng 702 cơ sở quân sự ở 132 nước trên toàn thế giới, dĩ nhiên là với biệt lệ đáng kính của Thụy Điển. Chúng ta không biết bằng cách nào họ đã đến được những nơi ấy, nhưng rõ ràng là họ đang ở đó.

Hoa Kỳ có 8 000 đầu đạn hạt nhân còn hoạt động và điều động được. Hai ngàn cái đặt trong tình trạng báo động nóng, sẵn sàng phóng đi trong vòng 15 phút sau cảnh cáo. Hoa Kỳ đang phát triển lực lượng hạt nhân mới, đặt tên là ‘phá bung lô cốt’. Người Anh, đồng minh lúc nào cũng sốt sắng, đang có ý thay thế hệ thống hỏa tiễn hạt nhân, Trident, của họ. Tôi tự hỏi, họ nhắm bắn vào ai đây ? Osama bin Laden ? Các bạn ? Tôi ? Joe Dokes ? Trung quốc ? Paris ? Đố ai biết ? Điều mà chúng ta biết là sự rồ dại ấu trĩ ấy – việc thủ đắc và đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân –

nằm ngay trong tâm điểm của triết lí chính trị Mĩ hiện giờ. Chúng ta phải tự nhắc nhở mình rằng, Hoa Kỳ lúc nào cũng ở tư thế quân sự và không hề có dấu hiệu hòa hoãn.

Hàng nghìn người, nếu không là hàng triệu người, ở ngay tại Hoa Kỳ rõ ràng đã phát ón, đã thấy nhục nhã và tức giận trước những hành động của chính phủ họ, nhưng trong hiện tình họ không - chưa - là một lực lượng chính trị chặt chẽ. Nhưng, nổi bức xúc, bất an và sợ hãi đang gia tăng mỗi ngày mà ta thấy ở Hoa Kỳ rất khó có thể thuyên giảm.

Tôi biết Tổng thống Bush dùng nhiều người viết diễn văn hết sức tài ba, nhưng bản thân tôi lại muốn xưng phong làm công việc ấy. Tôi đề nghị tuyên bố ngắn sau đây, để ông ấy phát biểu trên truyền hình cho cả nước. Tôi hình dung ông ấy trịnh trọng, tóc chải cẩn thận, nghiêm chỉnh, trong tư thế thẳng tắn, thành thật, lắm khi dễ mến, đôi khi dùng một nụ cười hơi méo, hấp hẫng lạ lùng, một nam nhi đáng mặt nam nhi.

*« Thượng đế tốt lành. Thượng đế vĩ đại. Thượng đế tốt lành. Thượng đế của tôi tốt lành. Thượng đế của Bin Laden xấu xa. Thượng đế của hắn xấu xa. Thượng đế của Saddam xấu xa, có điều hắn không có Thượng đế. Hắn là một tên man rợ. Chúng ta không phải là những tên man rợ. Chúng ta không chặt đầu thiên hạ. Chúng ta tin vào tự do. Thượng đế cũng vậy. Tôi không phải là một tên man rợ. Tôi là người lãnh đạo được bầu ra một cách dân chủ của một xã hội yêu chuộng tự do dân chủ. Chúng ta là một xã hội nhân ái. Chúng ta dùng lỗi tra điện nhân ái và chích thuốc tử hình nhân ái. Chúng ta là một đất nước vĩ đại. Tôi không phải là nhà độc tài. Nó độc tài. Tôi không là kẻ man rợ. Nó man rợ. Nó nữa. Tất cả chúng nó man rợ. Tôi có uy tín đạo đức. Có thấy nắm đấm này không ? Đó là uy tín đạo đức của tôi. Và các người đừng có mà quên nó ».*

Đời sống của một nhà văn là một hoạt động hết sức mong manh, gần như trần truồng. Chúng ta không cần than vãn cho điều ấy. Nhà văn chọn lựa và dính chặt vào sự chọn lựa ấy. Nhưng, cũng phải nói rằng ta phan người ra hứng mọi luồng gió, kể cả vài luồng gió thật buốt giá. Ta một mình một thân, treo trên sợi chỉ mảnh. Ta không nơi ẩn trú, không gì che chở – trừ phi ta nói láo – trong trường hợp đó, ta tự tạo cho mình một sự bao che và, có thể nói, trở thành chính trị gia.

Tối nay, tôi nhắc đến cái chết khá nhiều. Giờ xin trích ra đây một bài thơ của tôi, gọi là ‘Chết’.

*Xác được tìm thấy ở đâu ?  
Ai tìm ra xác ?  
Xác kia có thực đã chết khi được tìm ra ?  
Làm thế nào đã tìm ra xác ?  
Xác ấy là ai ?  
Ai là cha là con gái là anh  
Hay chú hay em hay mẹ hay con  
Của xác đã chết và bị bỏ rơi ?  
Xác đã chết rồi khi bị bỏ rơi ?  
Xác ấy có bị bỏ rơi ?  
Ai bỏ rơi xác ấy ?  
Xác ấy trần truồng hay phục sức cho một chuyến đi ?  
Cái gì cho phép anh nói xác kia đã chết ?  
Anh có bảo xác kia đã chết ?  
Anh có biết rõ không về xác chết kia ?  
Làm sao anh biết là xác kia đã chết ?*

Anh có tấm rửa giùm cho xác  
 Anh có vuốt cho hai mắt khép  
 Anh có chôn cất xác  
 Anh có bỏ rơi xác  
 Anh có hôn lên xác

Khi nhìn vào gương ta nghĩ rằng, hình ảnh đang đối mặt ta là trung thành. Nhưng chỉ xê dịch đi một milimét thôi, hình ảnh ấy đã đổi thay. Ta thật ra đang nhìn một chuỗi bất tận những hình phản chiếu. Nhưng, đôi khi nhà văn phải đập vỡ tấm gương – vì chính từ phía bên kia của tấm gương, sự thật đang nhìn ta chăm chú.

Tôi tin rằng, cho dù phải vượt qua những trở ngại khổng lồ hiện nay, nghĩa vụ trọng yếu của tất cả chúng ta, với tư cách công dân, là sự quyết tâm không nao núng, không chệch hướng và dững mãnh của tri thức nhằm định nghĩa sự thật *chân chính* của đời sống chúng ta và xã hội. Thực ra đó là việc bắt buộc phải làm.

Nếu một quyết tâm như vậy không thể hiện ngay trong viễn kiến chính trị của chúng ta, thì không hi vọng gì phục hồi được cái điều gần như đã biến mất khỏi chúng ta – phẩm giá của con người.

Bản dịch của Hoàng Tuấn Khanh

(\*) dịch từ nguyên bản tiếng Anh, có tham khảo nguyên văn bài thơ của Pablo Neruda bằng tiếng Tây Ban Nha. Xin xem diễn từ của Harold Pinter, và nhiều bản dịch qua các tiếng khác, tại :

<http://nobelprize.org/literature/laureates/2005/pinter-lecture.html>

(\*\*) Chúng tôi xin không dịch tên các vở kịch, vì chưa rõ tất cả các nội dung. Sau đây là nghĩa thông thường của tên các vở kịch xuất hiện trong bài này, theo thứ tự :

- The homecoming : Trở về nhà
- Old Times : Quá khứ (hay : Những ngày trước đây)
- The Birthday Party : Bữa ăn (hay Dạ hội) mừng sinh nhật
- Mountain language : Ngôn ngữ của núi

Thư từ Mỹ	tiếp theo trang 8
<p>Gần đây lại thêm một đám mây đen vần vũ ở chân trời của đảng Cộng Hoà liên hệ đến tham nhũng, cụ thể là vụ Jack Abramoff, một người chuyên “chạy chọt”, bị truy tố hồi lộ hàng chục quan chức của đảng này. Dân biểu Tom DeLay phải từ chức thủ lĩnh đảng Cộng hoà ở Hạ viện vì tội “rửa tiền” (và cũng dính líu đến Abramoff). Bill Frist, thủ lĩnh đa số ở Thượng viện, cũng bị hoen ố vì nhiều vụ tiền bạc làng nhàng khác.</p> <p>Sống ở Mỹ lúc này không thể tránh cảm tưởng là chính trị nước này sắp có những cơn địa chấn rất lớn. Bầu không khí hiện tại làm tôi nhớ những năm 1972-74, khi Watergate bắt đầu như một “vụ trộm hạng ba”. Lại giống hơn nữa với những vụ chính quyền Bush vừa bị phanh phui là Lầu Năm Góc rình rập các tổ chức chống chiến tranh, Bush kí mật lệnh cho phép tình báo nghe trộm điện thoại, đọc lén email của dân Mỹ mà không cần trát toà, và tin Mỹ gài các bài báo tuyên truyền cho Mỹ vào nhiều cơ quan công luận nước ngoài.</p> <p>Nhưng thôi, thư đã dài. Hẹn bạn thư sau sẽ kể tiếp.</p> <p style="text-align: right;"><b>Tiểu Hằng Ngôn</b> 20-12-2005</p>	

**V**ăn là người. Ý tưởng bất hủ đó xuất phát từ bài diễn văn về văn phong của Buffon [1] :

« Chi những tác phẩm viết hay mới được lưu truyền hậu thế: lượng kiến thức, những sự kiện độc đáo và ngay cả những phát minh mới lạ đều không đảm bảo chắc chắn sự vĩnh cửu: nếu những tác phẩm lưu chứa chúng chỉ bàn chuyện nhỏ nhen, bị trình bày thiếu nhã nhặn, thanh cao, thiên tài, chúng sẽ tiêu vong, bởi vì kiến thức, sự kiện và phát minh đều có thể bị rút đi, chuyển đi nơi khác và có khi nên được những bàn tay khéo léo hơn sử dụng. Tất cả những thứ ấy ở ngoài con người, [trong khi đó] văn phong [của một con người] là chính nó. [2] »

Qua thời gian, câu « *le style est l'homme même* » biến thành : *Le style, c'est l'homme*. Quả thực, dưới hình thái ấy, câu văn cô đọng, quyết liệt, bao quát hơn. Có *style* hơn! Nó đáng lưu truyền hậu thế, trở thành phổ cập. Nhưng không ai biết văn phong ấy là người nào! Ngày nay ý tưởng ấy đã trở thành một sự thật phổ biến, một ý-chung [3]. Ý-chung ấy đã ám ảnh không biết bao nhiêu thế hệ nhà văn, nhà phê bình hay lý luận văn chương, văn học. Trong tiếng Việt, hầu như ta không thể bàn về vẻ đẹp của một tác phẩm mà không luôn miệng : *văn phong của Flaubert*, chẳng hạn. Với ý ngầm sau : đây là lối viết đặc thù của Flaubert, không ai khác viết được, nó thể hiện chính Flaubert. *Văn là người*. Thực không? Làm gì có *văn phong của Flaubert*! Làm sao có được? Nếu có, nó ở đâu? Chính Flaubert đã nói: ông đã say sưa khoan khoái viết *hết mình* khi ông thảo quyển *La tentation de Saint Antoine* [4]. Quyển ấy bị... chê. Ngược lại, cũng do ông tiết lộ, quyển *Madame Bovary* đã khiến tinh thần ông căng thẳng gấp bốn lần khi ông viết *La tentation de Saint Antoine*. Ông đã phải vận dụng đủ thứ kỹ thuật, kiến thức, lý luận, những phần ít hồn nhiên nhất của nhà văn để xây dựng tiểu thuyết ấy. Thiên hạ thấy nó trác tuyệt. Vậy, *văn phong của Flaubert* là văn phong nào? Có lẽ ai cũng nghĩ tới *Madame Bovary*. Nếu thế, văn phong trong *La tentation de Saint Antoine* là *văn phong của ai*, không lẽ không phải của Flaubert? Flaubert đã đăng nhiều tác phẩm khác, hay có, dở có, không tác phẩm nào như *Madame Bovary* cả. *Văn phong của Flaubert* là một huyền thoại, một chuyện hão.

Ở Pháp, thế kỷ 20, đã xảy ra chuyện hi hữu sau. *Goncourt*, giải văn chương số một ở Pháp biểu dương một nhà văn *mới*, chỉ ban cho mỗi nhà văn được giải một lần thôi. Thế mà có người lĩnh hai lần. Đó là Romain Gary, nhà văn nổi tiếng khắp thế giới. Một hôm, ông quyết định đăng tiểu thuyết dưới bút hiệu Émil Ajar. Ông lại đoạt giải *Goncourt*. Cứ thế cho tới chết, ông đăng liên tục nhiều tiểu thuyết đều thành công. Cả ban giám khảo *Goncourt*, cả nước Pháp, cả dịch giả độc giả khắp thế giới không ai phát hiện rằng Romain Gary và Émil Ajar là một. Vậy, *văn phong của ông* là văn phong nào?

Tác phẩm của Antoine de Saint-Exupéry lại càng cho ta thấy điều ấy rõ nét hơn: không tác phẩm nào có văn phong của *Le petit prince* [5] cả, dù chi hao hao giống thôi. Văn phong *Le petit prince*... độc nhất vô nhị. Không ai, ngay cả Antoine de Saint-Exupéry, viết lại được.

# Văn không là người

Phan Huy Đường

Với Camus cũng vậy. Văn phong của *La Peste*<sup>[6]</sup>, *La Chute*<sup>[7]</sup>, chẳng dính dáng gì với văn phong của *L'Étranger*<sup>[8]</sup>. Vậy *văn phong của Camus* là văn phong nào ?

Chắc ai cũng biết tác phẩm *Les Champs magnétiques*<sup>[9]</sup> do Breton và Soupault viết chung năm 1920 để nghiệm sinh điều họ gọi là *hành văn tự động, écriture automatique*. Một tác phẩm độc đáo đích thực. Văn phong trong đó là *văn phong của ai* ? Của Breton hay của Soupault ? Của cả hai ? Nếu thế, *văn phong không thể là người* : ngoài những quái thai, trên đời này làm gì có nhà văn hai đầu, bốn tay, bốn đùi ? Cả Breton lẫn Soupault, không ai nhận là *văn phong của mình* cả. Chỉ là ngôn ngữ tự giải phóng khỏi sự trói buộc của tư duy duy lý để thể hiện thế giới siêu thực.

Đọc tác phẩm của J-P Sartre, còn kinh hoàng hơn. Tuy thể loại, tùy vấn đề, văn phong hoàn toàn khác : triết, truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu luận, kịch, bút chiến, v.v. chẳng văn phong nào giống văn phong nào cả. Đọc triết, nhưc đầu liền. Đọc truyện ngắn *Le mur*<sup>[10]</sup>, mê ngay. Đọc *Les chemins de la liberté*<sup>[11]</sup>, có thể ngáp dài dài. Tiểu luận, kịch, bút chiến, đọc bao nhiêu cũng không chán. Riêng tác phẩm *Les Mots*<sup>[12]</sup> mà thiên hạ cho rằng có tính văn chương nhất, người Pháp không biết xếp loại nó, bèn đưa nó vào thể loại mơ hồ nhất trong lý luận văn học của họ : *littérature*, văn chương ! Đọc đi đọc lại vẫn mê hỗn. Vậy, văn phong của Sartre là văn phong nào ? Tác phẩm của Sartre chỉ có một mẫu số chung thôi : triết lý của ông, ai biết, nhận ra liền. Chưa ai phát hiện mâu thuẫn nào giữa triết lý và văn chương của ông. Nhưng nhiều người chia xẻ triết lý ấy, không ai viết như ông cả, ngay khi viết triết, cứ đọc Francis Jeanson trình bày lại triết lý ấy trong quyển *Le problème moral et la pensée de Sartre*<sup>[13]</sup> thì thấy. Kenzaburo Oe công nhận mình chịu ảnh hưởng tư tưởng của Sartre. Nhưng ông viết tiểu thuyết rất khác Sartre. Như thế *văn của Sartre* không thể tìm thấy cả trong hình thức lẫn nội dung của các tác phẩm của Sartre. Nó là gì, ở đâu ?

Câu *văn của X* có nghĩa trong rất ít trường hợp.

Có lẽ tiêu biểu nhất là trường hợp Isidore Ducasse, nhà văn đã đăng tác phẩm trác tuyệt *Les chants de Maldoror* dưới bút hiệu Vicomte de Lautréamont, rồi... chết. Nói rằng văn phong trong *Les chants de Maldoror* là *văn phong của Isidore Ducasse* thì không ngoa : ngoài tác

phẩm ấy, Isidore Ducasse không có tác phẩm văn chương nào khác.

Trường hợp ít tiêu biểu hơn : có nhà văn suốt đời chỉ mài giũa *một* bút pháp thôi. Có người sáng tác được một hay vài tác phẩm hay. Thí dụ tiêu biểu : Claude Simon, Nobel văn chương, tác giả tiểu thuyết *La route des Flandres*<sup>[14]</sup>. Đúng, đọc Claude Simon ta luôn luôn đụng những câu văn tràng giang đại hải kéo dài hàng trang giấy có lúc hàng chục trang liền mà không cần chấm phẩy gì hết. Thường thường ta buồn ngủ, xếp sách lại, vút lên kệ. Thế mà tôi đọc *La route des Flandres* một mạch, miên man, không bao giờ muốn ngừng, như đọc *Cent ans de solitude* của Marquez vậy. Trong trường hợp này, nói tới văn phong của Claude Simon thì có lý : ngoài kiểu viết ấy, ông không viết kiểu nào khác. Nhưng kiểu viết ấy chỉ *thành văn* trong *La route des Flandres* thôi. Trong những tác phẩm khác, nó không thành văn, nói rằng đó là *văn phong của Claude Simon* thì tội nghiệp cho ông ấy : độc giả ngáp ! Đối với tôi thôi. Tôi chưa đọc hết tác phẩm của Claude Simon. Sau *La route des Flandres*, tôi đọc thêm vài quyển, nuốt không trôi nên không đọc nữa. Mình đâu có nhiệm vụ đọc Claude Simon toàn tập. Chỉ có tình này thôi : *La route des Flandres* cực hay. Vậy, cách nói chính xác nhất, đối với tôi, là : văn phong của *La route des Flandres* cực hay. Thế thôi. *Văn phong của Claude Simon* là gì, tôi không biết. Còn *văn là người* trong nghĩa *văn La route des Flandres* là Claude Simon, chắc chắn đúng, ngoài ông không ai có thể viết tiểu thuyết ấy. Đúng trong nghĩa nào, ta bàn sau.

Cuối cùng, chắc ai cũng công nhận điều này. Khi ba người đọc cùng một tác phẩm trong cùng thời điểm, cùng hoàn cảnh, trong đầu họ hình thành ba tác phẩm khác nhau ! Ngoài ba tác phẩm ấy, chẳng có gì có thể gọi là tác phẩm cả, chỉ có giấy trắng lem nhem mực thôi. Tác phẩm hình thành xuyên qua quá trình đọc của độc giả. Một người đọc một tác phẩm ở hai thời điểm khác nhau trong đời mình thì cũng hình thành hai tác phẩm khác nhau ! Văn của tác giả là văn của tác phẩm nào ?

Ý tưởng trừu tượng của Buffon bao hàm ý này : nội dung anh viết không quan trọng lắm vì ai cũng có thể hiểu được. Khi người ta đã hiểu, ý tưởng đó là của người ta. Nếu người ta có tài văn chương, người ta sẽ biểu hiện nó dưới hình thức đáng lưu truyền hậu thế hơn điều anh viết. Tính văn chương cơ bản ở hình thức : cách viết. Đúng thế. Bản thân thân phận câu văn của Buffon chứng minh điều ấy. *Le style est l'homme même*, không ai nhớ cả. Nhưng *Le style, c'est l'homme*, cả nhân loại nhại đi nhại lại hơn 250 rồi. Y như câu *Je pense, donc je suis*<sup>[15]</sup> của Descartes hay câu *L'enfer, c'est les autres*<sup>[16]</sup> của Sartre. Câu nói cùng hình thức sau cũng đã lưu truyền hậu thế : *L'État, c'est moi* của vua Louis 14. Phải chăng văn phong đơn thuần nhờ hình thức mà thành ? Không chắc tí nào. Câu *L'Esprit, c'est Dieu* chẳng hạn. Tuy nó biểu hiện một niềm tin phổ cập trong các nền văn hoá Tây Âu, chẳng ai thêm nhớ. Vì sao ? Vì nội dung xoàng xĩnh !

Tại sao câu văn « của » Buffon được loan truyền, ngưỡng mộ đến thế, khiến hàng mấy thế hệ nhà văn, nhà

lý luận văn học trên khắp thế giới lừa chính mình và lừa nhau vào ngõ cụt tư duy ? Vì nó vận dụng một lối suy luận hình thức rất bổ ích trong một số quan hệ giới hạn của con người với thế giới nhưng lại vô cùng nguy hiểm khi ta hồ đồ vận dụng nó vào quan-hệ tổng-hợp giữa người với người xuyên qua ngôn-ngữ chung của họ.

Trong câu *Văn phong là người*, ta dùng hai khái niệm hình thức *không có định nghĩa* : *văn phong* và *người*. Rồi ta dùng một nguyên lý lôgic hình thức, *là*, để « đồng nhất » hai khái niệm rộng tuếch ấy. Kết quả đương nhiên : một câu nói *không có nội dung đích thực, không có nghĩa*. Thế thôi. Nỗi đau của tôi đó, nỗi đau của một thằng trí thức do Tây Âu nhào nặn, đeo có nghĩa, đeo có tình. Tính chất lơ mơ hàm hồ của câu nói lồng vào hình thức cô đọng, mãnh liệt của nó khiến ta bùi tai, nghe rất « siêu » nhưng ai muốn hiểu sao cũng được. Ai thích loại văn chương lơ mơ hàm hồ, thích ra vẻ siêu kiểu ấy ắt mê câu của Buffon do người đời cải biến.

Người đời nhớ câu nói của Buffon cũng không tình cờ. Nó chứa một ý đúng tuy không đầy đủ : bất kể với nội dung nào, tác phẩm đáng lưu truyền hậu thế *phải* có hình thức hoàn chỉnh.

Nhưng nếu chỉ thế thôi, thành « tác phẩm » chẳng ? Không chắc tí nào. « Tác phẩm » không có nội dung đáng lưu truyền, chỉ có văn vẻ kêu keng mượt mà... thường không tồn tại quá vài mùa thời trang. Người Pháp hiểu điều ấy từ thế kỷ... 17. Cứ đọc lại *Les précieuses ridicules* của Molière thì thấy. Tác phẩm loại ấy, đọc thấy hay hay. Đọc xong, quên liền.

Trong thế kỷ 19, người Pháp tổng kết vấn đề như thế này :

« Kiểu cách bắt đầu khi văn phong chấm dứt.

Nó gồm những hình thái, dáng vẻ, kiểu ăn nói, ẩn dụ và, để nói gọn, tất cả những thủ thuật ngôn ngữ dùng để che đậy sự thiếu hụt một ý ban đầu hoặc, đơn giản hơn, khi nó được dùng để thăng hoa một ý-chung kém cỏi. Đó là điều dị hợm lạ lùng nhưng phổ cập : độc giả thường ngại ý mới. Một kiểu cách mới luôn luôn quyến rũ họ.

Nói chung, sự quyến rũ ấy không lâu bền và hậu thế luôn luôn xác định điều ấy. Nhưng khi nó còn tác dụng, đối với thế hệ chứng kiến sự ra đời của nó, nó có sức quyến rũ bất khả kháng của một thời trang. » [17]

Ý đúng trong câu nói của Buffon sẽ hoàn chỉnh nếu ta thêm vào đó ý này, có trong câu nói ấy nhưng hết sức nhạt mờ, hàm hồ, không cơ bản : muốn có hình thức hoàn chỉnh, không nên dây dưa với chuyện nhỏ nhen. Xin nói rõ ngay : trong văn chương không có đề tài nào *tự nó* nhỏ nhen, từ khát khao tâm linh tới khát vọng tình dục của con người. Chỉ có ý-tưởng, suy-luận của nhà văn về chúng nhỏ nhen thôi. Văn bạo dâm, loạn dâm của người đời hiện nay thường nhỏ nhen vì tác giả chẳng có điều gì đáng nói ngoài chuyện ngủ nghê. Chỉ đủ mua vui vài giờ rồi quên. Vì thế trong văn chương Pháp suốt thế kỷ 20, chẳng còn mấy tác phẩm loại ấy đáng để đời. Văn bạo dâm của Sade không nhỏ nhen. Ông có nhiều kiến thức, văn hoá. Không những ông hiểu rằng cách mạng tư sản vĩnh viễn khai thị

một nền văn minh, khai tử giai cấp quý tộc của ông, nó còn dẫn loài người vào ngõ cụt về mặt giá trị. Cứ đọc *Français, encore un effort si vous voulez être républicains !* [18] của ông thì biết. Văn dâm có nội dung văn hoá, tư tưởng là thế, không phải ai cũng viết được. Không phải tình cờ mà tên ông đã trở thành tính từ trong văn chương, văn học Tây Âu. Chúng ta nên hiểu, không nên bắt chước. Đã bắt chước, toi mạng văn chương.

Chữ nghĩa chỉ có nội dung thôi, không thành văn. Trừ mấy ngài lý luận bằng thơ, không ai lẫn lộn « khoa học nhân văn » với văn chương nghệ thuật cả. Chữ nghĩa không có nội dung đáng lưu truyền cũng không thành văn. Không ai lẫn lộn Delyly với André Gide. Chữ nghĩa loạn xạ ngẫu không thể thành văn. Chữ nghĩa chỉ có hình thức bùi tai đẹp mắt kêu keng thôi cũng vậy. Để ngôn ngữ thành văn, phải có nội dung đáng nói với người đời *và* phải có hình thức hoàn chỉnh biểu hiện nó trong một tiếng nói của con người.

*Văn là người*. Đúng, trong ý giới hạn này : nó *đã là một người ở một thời điểm nhất định, trong một quan-hệ nhất định với thế-giới*. Thế thôi. Sau đó, nếu nó đạt mức nghệ-thuật, nó không là người đó nữa vì người đó đã trở thành người khác rồi, nó trở thành *người đời*. Thế mới đáng gọi là văn.

Mỗi lúc, mỗi người đều có nhiều gương mặt khác nhau, tùy trong quan-hệ nào với đời, với chính mình. Khi ta hiện-thực những quan-hệ ấy bằng văn-chương, ở cùng thời điểm, ta có thể có nhiều văn-phong khác nhau.

Ở những thời điểm khác nhau trong đời mình, nhà văn có thể có nhiều văn-phong khác nhau, tùy quan-hệ nó muốn hiện-thực với người đời, với chính nó trong lĩnh vực nào đó của kiếp người.

Khi nó không còn khao khát ấy, khi nó đánh mất niềm say đắm *làm người cùng với tha nhân*, nó biến thành *thợ chữ*, trường hợp phổ biến với không ít nhà văn : nhại lại chính mình, văn chỉ còn xác, mất hồn. Đúng hơn, văn vô tình, rỗng ý, chỉ còn hình thức : nhạt phèo, ai cũng viết được. Có đây thí dụ.

Tôi từng nghiệm-sinh những điều trên. Xin lỗi bạn đọc. Chẳng gì trơ trẽn hơn là nói về mình, phải không ? Nhưng có lúc phải nói. Chính mình. Nếu mình muốn không *chỉ là* mình thôi, lại điên cuồng muốn *làm* mình, cái mình khôn nạn lê lét qua thế kỷ 20. Nếu mình muốn chân tình nói với nhau một chuyện đáng nói.

Vậy, nghiệm-sinh của tôi thế này.

Khi tôi cho đăng tập truyện *Un amour métèque* [19], Bùi Mộng Hùng tinh mắt nhận định : ba truyện ngắn trong quyển sách ấy tài ba văn phong rất khác nhau. Văn nào là PHD ? Cả ba *và* chẳng cái nào cả. Khá dễ hiểu : chúng thể hiện ba quan-hệ khác nhau của một người với thế-giới ở hai thời điểm khác nhau trong đời mình. Hai truyện *Un squelette d'un milliard de dollars* và *Vacance*, tôi viết cùng lúc, song song, trong cùng hoàn cảnh : lê lét ngồi café đợi vợ. Nhưng chúng thể hiện hai quan-hệ khác nhau với thế-giới. Trong truyện đầu, quan-hệ của một người với cái thế giới đang toàn cầu hoá dưới dạng thị

trường tư bản. Trong truyện sau, quan-hệ của một người di dân với quê hương và tuổi thiếu thời của mình sau một cuộc chiến tranh kéo dài. Truyện *Un amour métèque*, tôi viết từ hơn... 10 năm trước, nó thể hiện quan-hệ của một người với chính mình trong con khủng hoảng. Không thể sử dụng cùng một văn phong. Văn *Un amour métèque*, tôi viết theo cảm tính. Văn hai truyện kia, tôi hành văn có ý thức.

Tất cả, xưa kia, đều là tôi. Hôm nay, đã là tôi, tôi công nhận. Nhưng không còn là tôi trong nghĩa này: tôi không chỉ là thể, không mãi mãi là thể. Không lẽ tôi không có quyền hành văn, sáng tạo, làm người nữa? Mọi người đều có quyền ấy, đều thực sự xử dụng nó dưới hình thái này hay hình thái nọ. Tôi cũng vậy. Thế thôi.

Từ nay ta không nên nói « văn của X », chỉ nên nói « văn trong tác phẩm Y ». Nếu thói quen ngôn ngữ trói buộc ta, khiến ta vẫn viết « văn của X », độc giả chỉ nên hiểu « văn của X trong tác phẩm Y » mà ta đang bàn. Chỉ khi nào nhà văn đã chết, câu văn là người mới có nghĩa và chỉ nghĩa này thôi: tác giả là toàn bộ những gì nó đã viết đã đăng đã nói và... đã làm nữa chứ! Nó chẳng thể là gì khác hơn vì nó chẳng thể làm gì khác nữa. Địa ngục là tha nhân nghĩa là thế đó. Huis-clos mà. Lúc đó, người đời cảm nhận, hiểu, đánh giá tác phẩm nó để lại đời theo kiến-thức, nghiệm-sinh, lịch-sử chung và cá biệt của chính mình. Năm thì mười họa mới có người biết quên mình một tí, âu yếm tìm, đằng sau chữ nghĩa chết, khát khao làm người của một người đã từng sống, đã từng hành văn, sự hiện diện ở đời của một con người. Cuộc gặp gỡ này, khi có, không chỉ là kiến thức, tri thức. Không chỉ là lý trí đương thời. Nó là quan-hệ-sống-có-ý-thức của một người với đời, với chính mình xuyên qua quan-hệ ngôn-ngữ của mình với một người đã chết. Mỗi tác phẩm văn chương đích thực đều là một người đã qua, đã vượt qua chính mình, đi vào một cuộc đời khác. Cuộc gặp gỡ ấy là tình, là văn, là nghệ-thuật. Nó là ta trong khát khao làm người với mọi người. Nó là em là anh là... mình, quan-hệ đặc thù nhân tính xuyên qua ngôn-ngữ giữa hai con người, tác giả và độc giả. Vì thế nó có thể « tồn tại » vượt kiếp người.

Văn không là người, nó hiện-thực dưới dạng ngôn-ngữ quan-hệ của một người với thế-giới ở một thời điểm nhất định của đời mình trong một vấn đề và một hoàn cảnh lịch-sử nhất định của loài người. Khi quan-hệ cá nhân ấy có nội dung mới đích thực và đáng tồn tại đối với một nền văn hoá và khi nó được biểu hiện hoàn hảo đến mức người đời cảm nhận: không thể trình bày ý đó, tình đó hay hơn, thì ngôn ngữ biến thành văn, tác phẩm đạt mức nghệ-thuật, đáng lưu truyền hậu thế. Nó có chung với mọi tác phẩm nghệ-thuật đặc tính này: độc nhất vô nhị. Thế thôi.

Ôi, biết đến bao giờ ta mới biết hành văn, mới viết được một tác phẩm nghệ-thuật? Hề hề...

Phan Huy Đường

12-2005

Chú thích :

[1] Georges-Louis Leclerc, comte de BUFFON / *Discours sur le style* / Paris, J.Lecoffre 1872.

[2] « Les ouvrages bien écrits seront les seuls qui passeront à la postérité : la quantité des connaissances, la singularité des faits, la nouveauté même des découvertes, ne sont pas de sûrs garants de l'immortalité : si les ouvrages qui les contiennent ne roulent que sur de petits objets, s'ils sont écrits sans goût, sans noblesse et sans génie, ils périront, parce que les connaissances, les faits et les découvertes s'enlèvent aisément, se transportent, et gagnent même à être mises en oeuvre par des mains plus habiles. Ces choses sont hors de l'homme, le style est l'homme même. »

Discours prononcé à l'Académie française le 25 août 1753, p.23

[3] Những khái niệm được trình bày một cách bất thường như « thể-giới » thay vì « thể giới » là những khái niệm riêng đã được định nghĩa trong quyển *Penser Librement và Tư Duy Tự Do* (đăng đăng từng kỳ trong web : <http://amvc.free.fr>)

[4] Điều quyền rừ Thánh Antoine.

[5] Hoàng tử bé con.

[6] Dịch hạch.

[7] Sự sa ngã hay sự đày đoạ.

[8] Kê xa lạ.

[9] Những từ trường.

[10] Bức tường.

[11] Những nẻo đường tự do.

[12] Ngôn từ.

[13] Vấn đề luân lý và tư tưởng của Sartre.

[14] Con đường dẫn tới vùng Flandre.

[15] Ta tư duy, vậy ta có thực.

[16] Địa ngục, chính là tha nhân.

[17] SARCEY / Quarante ans de théâtre (1) / Bibliothèque des Annales politiques et littéraires 1900

« La manière commence où le style finit.

Elle se compose des formes, tours, façons de parler, métaphores, et pour tout dire d'un mot, des procédés de langage au moyen desquels on déguise l'absence de l'idée première, à moins qu'ils ne servent simplement à relever l'insuffisance d'un lieu commun. C'est une anomalie étrange, mais bien souvent constatée : le public rechigne souvent à des idées nouvelles. Une manière nouvelle le séduit toujours.

En général, ce charme ne dure pas bien longtemps, et la postérité en fait toujours justice. Mais tant qu'il dure, il a pour la génération qui l'a vu naître, l'attrait irrésistible de la mode. »

< Jules Janin, 29 juin 1874, p.76 >

[18] Hỡi người Pháp, hãy cố gắng lên một bước nếu anh muốn trở thành người cộng hoà.

[19] Một mối tình ngu cư.

## LY HOÀNG LY

### *Khúc đêm*

Quay lưng lại là đêm  
Quay lưng lại là đêm  
Quay lưng lại là đêm  
Quay lưng lại là đêm  
Quay lưng lại là đêm  
Chỉ thấy đêm khi tâm thấy đêm  
Chỉ thấy đêm khi tâm thấy đêm  
Chỉ thấy đêm khi tâm thấy đêm  
Phía trước mặt là đêm  
Phía trước mặt là đêm  
Phía trước mặt là đêm  
Phía trước mặt là đêm  
Không muốn đêm cũng thấy đêm  
Không muốn đêm cũng thấy đêm  
Trên đầu là đêm  
Dưới chân cũng là đêm  
Có người nằm trong đêm  
Có người ôm lấy đêm  
Có người sống trong đêm  
Có người chết trong đêm  
Có người sinh trong đêm  
Có người khóc trong đêm  
Có người cười trong đêm

Có người cười trong đêm  
Có người điên trong đêm

Nhắm mắt  
Trùm kín chắn  
Nghe đêm cuộn quanh mình

2002

### *Con quẩn chiếu*

Nằm cuộn như con quẩn chiếu  
Cảm xúc cũng quẩn chiếu  
Đừng đụng vào tôi  
Đừng đụng vào tôi !

Đá tảng rơi trước mặt nhẹ tênh  
Một hạt cát sà buốt óc  
Rúm rịt  
Chân chẳng chặt  
Cắt hết chân đi !

2002



### *Mở nút đêm*

Châm chậm, mở một chiếc nút áo  
Soi vào gương chằm chằm, mở hai chiếc nút áo

Châm chậm, mở ba chiếc nút áo  
Soi vào gương, chằm chằm, mở chiếc nút thứ tư

Châm chậm, mở năm chiếc nút áo  
Soi vào gương, chằm chằm, mở nút thứ sáu...

Tìm hoài không thấy nút thứ sáu  
Soi vào gương, cố tìm nút thứ sáu,  
nút thứ bảy, thứ tám, thứ chín...

Mở mãi, muốn mở mãi  
Mở bầu trời đêm trong lồng ngực

Nhưng áo chỉ năm nút  
Nhưng đêm là vô tận

Mở mãi, muốn mở mãi  
Mà bầu ngực vẫn trắng, không đêm

Mở mãi, muốn mở mãi  
Bầu ngực này căng đêm  
Soi vào gương  
Bất lực và khóc

Trong vô vàn những giọt nước mắt  
Một giọt đêm ứa ra từ bầu ngực trắng  
2001

Ba bài thơ này trích từ tập thơ **LÔ LÔ** của Ly Hoàng Ly (Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2005). Đây là tập thơ thứ nhì, sau tập **CỔ TRẮNG** (cùng nhà xuất bản, 1999). Sinh năm 1975 tại Hà Nội, Ly Hoàng Ly là họa sĩ, tác giả nhiều sắp đặt (installation) và tác phẩm biểu diễn (Performance Art).

# Phát triển bền vững nhìn từ góc độ con người

Văn Ngọc

## 1 - Con người, trung tâm của vấn đề phát triển

Nói đến phát triển bền vững, là nói đến sự phát triển về mọi mặt của xã hội : kinh tế, văn hoá, phẩm chất đạo đức, kiến thức, và quyền hạn của con người trong xã hội đó.

Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, kinh tế thị trường xâm nhập vào nước ta, cùng với quá trình toàn cầu hoá, đem theo những biến đổi cơ bản về mặt kinh tế, văn hoá và xã hội. Do sự bất bình đẳng xã hội vốn có từ ngàn xưa, và không chỉ ở Việt Nam, những lợi ích của sự phát triển đó, đương nhiên không được chia đồng đều cho tất cả mọi thành viên và mọi tầng lớp xã hội.

Tuy nhiên, dựa trên cơ sở nhân quyền, mà trải qua bao nhiêu thế kỷ đấu tranh nhân loại đã giành được - *con người sinh ra có quyền hưởng tự do, hạnh phúc, như tất cả mọi người* - những lợi ích của sự phát triển xã hội, cũng như những bổn phận của mỗi công dân lẽ ra phải được chia đều.

Dẫu sao, trung tâm của vấn đề phát triển, trước sau vẫn là con người, với những điều kiện sinh tồn và phát triển của y trong khuôn khổ một cộng đồng xã hội.

Người ta thường cho rằng, sự phát triển hay sự suy thoái của một xã hội trong lịch sử, ở một giai đoạn nào đó, không tuỳ thuộc vào sự giàu có về mặt của cải vật chất, cũng như không tuỳ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay những phương tiện kỹ thuật, mà chủ yếu là tuỳ thuộc vào phẩm chất đạo đức, trình độ hiểu biết và những hoạt động có tính sáng tạo, hay không, của những thành viên của xã hội đó, ở vào giai đoạn đó.

Con người có kiến thức, có óc sáng tạo, là nhân tố quyết định, vì y vừa là công cụ vừa là mục đích của sự phát triển.

## 2 - Những vướng mắc và những giải pháp được nêu lên cách đây trên ba thập kỷ :

Kinh tế thị trường, toàn cầu hoá hay không, trước sau vẫn chỉ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận tối đa. Cũng vì vậy mà ngay từ những năm 70 của thế kỷ XX, một số nhà kinh tế học có tầm nhìn xa đã gióng lên những tiếng chuông báo động.

E.F. Schumacher, với tác phẩm nổi tiếng : "*Small is beautiful*" (Nxb Blond & Briggs Ltd, London, 1973 ; Nxb Contrepoint/Le Seuil, 1978 ; Collection Point 1979), đã phân tích một cách khá đầy đủ và sâu sắc những vướng mắc trong vấn đề phát triển và đã đưa ra một số biện pháp. Cuốn sách này ngay khi ra đời đã gây chấn động trong giới trí thức trẻ, và trở thành cơ sở lý thuyết cho nhiều phong trào đấu tranh cho một xã hội lành mạnh, và làm nảy sinh ra nhiều sáng kiến mới mẻ trong các lãnh vực khác nhau : năng lượng, công nghệ, kiến trúc, quy hoạch, môi trường...(Cái tựa của cuốn sách nghe có vẻ hơi tiêu, nhưng thực ra bao hàm một ý nghĩa sâu sắc : cái gì

phù hợp với kích thước và tâm lý của con người, cái đó là "thích ứng" : những dự án sản xuất cỡ nhỏ và vừa, "thích ứng" hơn, nhân bản hơn là những dự án quá lớn lao).

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hoá của nền kinh tế thị trường, những vướng mắc đó không những vẫn còn y nguyên, mà còn có nguy cơ nhân lên gấp nhiều lần, chính cũng bởi vì người ta có xu hướng cho rằng mục đích cuối cùng của một xã hội là phát triển tối đa về mặt vật chất, và mục đích của mỗi cá nhân là làm giàu bằng đủ mọi cách để đạt tới hưởng thụ và hạnh phúc.

Ngay từ trước cuộc khủng hoảng đầu tiên về năng lượng (dầu lửa) vào những năm 1970-74, một vài nhà kinh tế học, trong đó có E.F. Schumacher, đã vạch ra những nhược điểm của nền sản xuất ở các nước công nghiệp, nguồn gốc của những nguy cơ trước mắt và lâu dài :

1.1. Sự tiêu thụ một cách lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là những nguồn năng lượng không hoàn nguyên (không tái tạo lại được), như : dầu lửa, than mỏ, khí đốt, v.v. Thậm chí, những tài nguyên thiên nhiên như gỗ rừng, đá núi, lâm sản, hải sản, v.v. đôi khi cũng đã bị khai thác đến kiệt quệ, và không có cơ hồi phục.

1.2. Sự không tôn trọng môi trường sinh thái trong sản xuất công nghiệp (các chất thải, khí CO<sub>2</sub> và hiệu ứng nhà kính, v.v.), chưa kể những công trình công nghiệp làm đảo lộn cân bằng sinh thái và phá hoại cảnh quan (những chiếc đập, những nhà máy thủy điện khổng lồ, v.v.).

1.3. Sự phát triển chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, một trong những nguyên nhân duy trì sự nghèo đói và nạn thất nghiệp triền miên trên khắp hoàn cầu.

1.4. Chủ nghĩa thực dụng và lòng ham muốn làm giàu bằng mọi cách, kiếm lợi nhuận bằng mọi thủ đoạn, quên đi cái mục đích chính là hạnh phúc của con người.

Đồng thời, E.F. Schumacher cũng đã vạch ra một số hướng giải quyết :

1. Tiết kiệm năng lượng không hoàn nguyên ; khai thác các nguồn năng lượng hoàn nguyên (năng lượng mới) : năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh học (năng lượng xanh), hoặc các nguồn năng lượng cổ điển, ở một quy mô khiêm tốn, như thủy điện nhỏ, v.v.

Mặt khác, E.F. Schumacher cũng đã cảnh báo về nguy cơ sử dụng năng lượng nguyên tử, vừa đòi hỏi những phương tiện to lớn, lại vừa có nguy cơ làm ô nhiễm môi trường trong một thời gian lâu dài bởi các chất thải có tính phóng xạ cao.

2. Tận dụng những phương thức sản xuất có quy mô vừa phải, phù hợp với những điều kiện thực tế tại chỗ, và không làm ô nhiễm môi trường : đây chính là bước đầu của các nền "công nghệ thích ứng".

3. Thay đổi cung cách sống (ăn ở, đi lại, làm việc, giải trí, v.v.) : thay đổi từ quan niệm về phương pháp sản xuất, đến thói quen tiêu thụ, và thái độ ứng xử đối với thiên nhiên, và môi trường sinh thái.

4. Tăng cường việc giáo dục cho người dân, vì đó là nguồn *nguyên liệu* đầu tiên của sự phát triển. Không có giáo dục thì không thể có được những tri thức cần thiết cho sự tiến bộ và cho sự sáng tạo, cũng như không thể có được khả năng thẩm định và phán xét một cách khoa học.

5. Phát triển nông thôn và các tỉnh lỵ, thị trấn nhỏ, để tránh

tình trạng tập trung dân cư tại các thành phố lớn, nguyên nhân của nhiều vấn đề nan giải : công ăn việc làm, nhà ở, trật tự, an ninh, v.v.

Toàn cầu hoá, đối với các nước tư bản phát triển, chắc chắn đã và sẽ tháo gỡ được cho các nhà tư bản và các nhà nước tư bản một số vấn đề của khâu sản xuất và của thị trường tiêu thụ, chủ yếu nhằm mục đích trước mắt là mở rộng sản xuất, bành trướng thị trường và tăng thêm lợi nhuận. Song, những vướng mắc của vấn đề phát triển vừa nêu ở trên vẫn còn nguyên đó. Ngoài ra, toàn cầu hoá còn đề ra nhiều vấn đề phức tạp khác, cả về mặt kinh tế, kỹ thuật, lẫn về mặt văn hoá, xã hội, nhất là đối với những nước đang phát triển.

### 3 - Những vấn đề đặt ra cho các nước đang phát triển

Mặc dầu bị lôi cuốn và bị lệ thuộc ít nhiều vào tiến trình toàn cầu hoá về các mặt kinh tế và văn hoá, song một nước đang phát triển trong quá trình hội nhập, có thể có được chẳng một đường lối kinh tế và văn hoá riêng biệt : một đường lối phát triển thích ứng với những điều kiện của mình ?

Một số phương hướng chung mà E.F. Schumacher và một vài nhà kinh tế đã nêu lên vào những năm 70, không những đã có tác dụng cảnh tỉnh và dự báo ngay tại lúc đó, mà ngay cả cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, và có thể áp dụng được, đặc biệt cho các nước đang phát triển.

#### 3.1 Vấn đề năng lượng

Riêng về vấn đề khai thác các nguồn " năng lượng hoàn nguyên ", và tạo ra những " công nghệ thích ứng ", nhiều phong trào đã ra đời ngay từ lúc đó, hưởng ứng những ý tưởng mới mẻ này. Nhiều công trình nghiên cứu trong các lãnh vực khác nhau đã được công bố, từ lãnh vực năng lượng đến các lãnh vực công nghệ và xây dựng. Nhiều dự án đã trở thành hiện thực.

Ở Ai Cập, Hassan Fathy đã áp dụng những lý thuyết tương tự của chính mình vào kiến trúc, và đưa ra sáng kiến xây nhà bằng gạch đất phơi nắng, vừa tiết kiệm được chất đốt và các vật liệu đất tiền, lại xây dựng được một nền kiến trúc " thích ứng ", đồng thời hiện đại hoá các làng mạc, cải thiện đời sống ở nông thôn. Ý tưởng mới mẻ của Hassan Fathy không chỉ có ý nghĩa kinh tế, mà còn có một ý nghĩa văn hoá sâu sắc : xây dựng cái mới, cái " thích ứng " từ chính những điều kiện thực tế của nước mình, và từ chính những truyền thống của dân tộc mình. Từ đó mới có thể có được một nền văn hoá - nghệ thuật giàu bản sắc.

Ở Brasil, ngay từ năm 1975, chính phủ nước này đã mạnh dạn đầu tư 400 triệu USD vào việc sản xuất cồn Ethanol từ mía và cao lương để thay thế cho xăng.

Một số dự án về quạt gió, bếp, lò sấy và lò sưởi dùng năng lượng mặt trời, trạm thủy điện nhỏ, v.v. đã được một vài kỹ sư Việt kiều nghiên cứu và gửi về trong nước. Bản thân tác giả bài viết này cũng đã nghiên cứu hai dự án, một là : xây nhà bằng đất theo phương pháp hiện đại, với mục đích tiết kiệm nhiên vật liệu, xây dựng một nền kiến trúc thích ứng, chủ yếu áp dụng vào môi trường nông thôn ; dự án thứ hai là : khai thác khí sinh vật từ bèo Nhật bản, ở quy mô làng xã, với lò ủ bằng đất. Nhưng ở vào thời điểm những năm 70-80, nước ta đang ở trong thời kỳ " bao cấp ", với nền kinh tế hoạch định tập trung, với những hạn chế về mặt quản lý, ngân quỹ, v.v. nên chưa có những điều kiện thuận lợi để khai thác, nghiên cứu và thử nghiệm những ý tưởng mới mẻ, vì không nằm ở trong chương trình và ngân sách đã được hoạch định cho từng thời kỳ.

Trong khi đó, cũng vào thời kỳ này, ở các nước công nghiệp phát triển, người ta bắt đầu tận dụng ngay cả các bộ phận trong một ngôi nhà để khai thác năng lượng mặt trời, từ mái, đến tường, nhằm mục đích tiết kiệm điện trong khâu sưởi ấm, và sản xuất nước nóng, v.v.

Tất cả những ý tưởng và nỗ lực trên, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, và chờ đợi những chính sách áp dụng và khai thác triệt để hơn từ phía các nhà cầm quyền, nhất là ở các nước đang phát triển.

#### 3.2 Sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn

Một trong những vấn đề nan giải nhất, mà cho đến nay vẫn làm cho các nhà kinh tế đau đầu, là sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Nhà kinh tế học Vũ Quang Việt đã cho biết ý kiến của ông về vấn đề này :

*" Thành thị hoá là quá trình tất yếu của phát triển. Việc tập trung dân ở các thành thị là quá trình kinh tế tự nhiên nhằm sử dụng hiệu quả sản xuất lớn, tăng hiệu quả và giảm giá cung cấp dịch vụ thiết yếu cho hoạt động sản xuất (giao thông phân phối, thị trường cung ứng và tiêu thụ, điện, nước, điện thoại, lao động trí óc, thông tin, tiếp nhận những ảnh hưởng ngoại vi khác).*

*Phát triển thành phố cùng với công nghiệp và dịch vụ, giảm dân nông thôn là con đường duy nhất để nâng cao đời sống của trên 75% dân số là nông dân. Khi khả năng tăng thu nhập bằng nông nghiệp thấp thì việc giảm dân là cách duy nhất để nâng cao thu nhập đầu người của những người còn lại.*

*Thành thị hoá vừa là kết quả của phát triển vừa là động lực đẩy mạnh phát triển, nhưng ở một nước đông dân và địa lý trải dài như Việt Nam, không thể chỉ tập trung phát triển một hai thành phố, mà phải chủ động trải rộng sự phát triển ra nhiều vùng, tạo động lực phát triển cả nước, đồng thời tranh thủ hút nông dân vào một vài thành phố.*

*Việc này cần chính sách của nhà nước, đòi hỏi chuyển thuế thu ở vùng giàu sang vùng nghèo để xây dựng hạ tầng cơ sở. Tốc độ phát triển của cả nền kinh tế có thể thấp xuống, nhưng đó là cái giá phải trả, dựa trên công lý tạo ra lợi ích lớn nhất cho những người không may mắn nhất. "* (Vũ Quang Việt, **Kinh tế thị trường và xã hội công dân như một hệ thống : trường hợp Việt Nam** - 2005).

#### 3.3 Các tệ nạn xã hội

Chủ nghĩa thực dụng, nảy sinh từ quy luật cạnh tranh và sự chạy theo lợi nhuận trong kinh tế thị trường, đã ảnh hưởng sâu sắc đến cung cách ứng xử, đến thái độ của con người đối với xã hội, đối với giáo dục, văn hoá, và nói chung, đối với tất cả các giá trị nhân văn truyền thống : lý tưởng nhân đạo, tình bạn, tình yêu, quan hệ trong gia đình, thậm chí cả những giá trị văn hoá, nghệ thuật cũng bị chà đạp, thay vào đó là giá trị hàng hoá, có tính chất thuần tuý thương mại.

Gần đây, trong một bài phân tích xã hội học, tác giả Lê Thi, trên Tạp chí Triết học, cho biết :

*" Hiện nay, trong xã hội Việt Nam, quyền lợi cá nhân, lợi ích cá nhân, tư duy cá nhân, được nêu lên hàng đầu. Đồng thời, cũng có sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ đặt cái tôi lên trên hết.*

*Trong hôn nhân đã nảy sinh khuynh hướng chủ nghĩa thực dụng ; không ít người lấy nhau, bỏ nhau, vì động cơ*



tiền tài, địa vị, danh vọng. Tỷ lệ ly hôn, ly thân, của các gia đình ở nước ta có xu hướng tăng lên hàng năm. Đồng thời, đã định hình thành quan niệm dễ dãi trong quan hệ tình dục nam nữ gắn với sự chung sống tạm bợ, không tính đến chuyện hôn nhân nghiêm túc và lâu dài... ". Mặt khác :

" Chủ nghĩa cá nhân ích kỷ trong quan hệ vợ chồng dẫn đến sự không ổn định và thiếu bền vững của nhiều cuộc hôn nhân, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái...

Gia đình phổ biến là có ít con, thu nhập lại tăng lên nên có điều kiện nuôi con tốt hơn, thậm chí sinh ra chiều chuộng con, nhiều lúc quá đáng. Đồng thời cha mẹ đi làm suốt ngày, phần lớn ở xa nhà, ít có thời gian ở gần con, săn sóc, theo dõi việc học tập, vui chơi, kết bạn của con. Họ phó mặc cho nhà trường và các đoàn thể cả việc giáo dục văn hoá và xây dựng đạo đức, nhân cách của con. Họ cung cấp tiền học, đồ chơi, ngày nay lại sắm máy vi tính cho con chơi"r(! ở nhà và nghĩ rằng đã làm hết nghĩa vụ.

Như vậy, điều nổi bật hiện nay là quan hệ cha mẹ và con cái khá lỏng lẻo trong một số gia đình. Con cái họ trưởng thành chủ yếu từ môi trường xã hội : nhà trường, bạn bè, hội hè. Hội hè có khi chỉ là những nhóm thanh thiếu niên tụ tập nhau theo một ý thích chung, như đua xe máy, đi hát karaoke, đến vũ trường, đánh bạc, hút sách, chè chén, nhậu nhẹt, và do vậy dễ sa vào con đường trộm cắp, cướp giật khi thiếu tiền. " (Lê Thi, **Mối quan hệ cá nhân - gia đình trong bối cảnh Việt Nam đi vào toàn cầu hoá**, Tạp chí Triết học, 07-2005).

Những nhận xét trên cho ta thấy, một xã hội có thể "khá lên" về mặt của cải vật chất, nhưng lại có thể đánh mất đi một số giá trị tinh thần truyền thống. Điều này chỉ có thể xảy ra khi những thành viên của cái xã hội ấy không còn tin tưởng vào những giá trị tinh thần của cộng đồng nữa.

Cũng như thể câu chuyện ngày xưa, có anh chàng nọ, nhà nghèo, yêu một cô gái con nhà khá giả. Để chiếm được trái tim của người con gái ấy, anh ta nghĩ rằng mình phải rời làng nước đi xa làm ăn, khi nào giàu có trở về cưới cô ta. Và anh ta đã bỏ nhà ra đi bôn ba đây đó làm ăn, nhưng đến khi giàu có trở về, thì trong trái tim khô cằn của anh, hình ảnh người con gái kia cũng đã phai nhạt. Xem như vậy, sự giàu sang đã không thay thế được cái tình yêu mà anh ta đã đánh mất đi đối với người con gái nọ, hơn thế nữa, anh ta đã đánh mất đi chính mình.

#### 4 - Giáo dục, tri thức và nhân lực

Giáo dục là một trong những khâu trọng yếu nhất của vấn đề phát triển, vì chính nó mới là *nguồn tài nguyên* cần thiết nhất cho sự phát triển, song ở nước ta, đây lại là khâu yếu kém nhất, và đang gặp nhiều vướng mắc nhất.

Phải chăng, chủ nghĩa thực dụng, cộng với chế độ lương bổng không tương xứng, đã gây nên nhiều tệ nạn xã hội, trong đó trước tiên phải kể đến tệ nạn tham nhũng, đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền giáo dục, đến chính sách giáo dục và đào tạo, đến lương tâm nhà nghề của các thầy giáo, cô giáo, và thái độ của học sinh, sinh viên đối với mục đích của việc học và bổn phận của mình đối với xã hội ?

Nói đến phát triển, không thể nào không nói đến sự cần thiết của tri thức khoa học và vốn hiểu biết về văn hoá của người dân, nói chung, và điều này đòi hỏi phải có một chính sách văn hoá và một nền giáo dục lành mạnh.

Ngược lại, một nền giáo dục mà chỉ nhằm những lợi ích trước mắt, ngắn hạn, những bằng cấp, học vị rơm, và sự thăng tiến vì quyền lợi vật chất và hư danh, sẽ không thể nào phục vụ hữu hiệu được cho việc xây dựng con người và sự phát triển lành mạnh và bền vững của xã hội.

Thái độ và cách ứng xử của con người đối với tài nguyên thiên nhiên, đối với môi trường sinh thái, cũng như đối với xã hội ; sự chọn lựa những hình thức ăn ở, sinh hoạt, lao động, giải trí, sản xuất, hay kinh doanh ; cũng như quan niệm về các giá trị văn hoá, nghệ thuật ; tất cả đều tùy thuộc vào trình độ giáo dục và văn hoá của mỗi cá nhân, và nói rộng ra của cộng đồng, dù cho đó là một cộng đồng văn hoá, hay một quốc gia.

Phát triển bền vững là phát triển dựa trên những điều kiện thực tế của nước mình : từ nguồn tài nguyên thiên nhiên, từ điều kiện địa lý, khí hậu, đến trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý, kinh doanh, đến những cơ sở nghiên cứu và thử nghiệm, đến nguồn nhân lực, và các nguồn vốn đầu tư.

Trong lãnh vực sản xuất, cần có những nền công nghiệp và công nghệ đáp ứng những nhu cầu về mọi mặt của đời sống và của nền kinh tế thị trường, những công nghệ có quy mô vừa phải và sử dụng những phương pháp thích ứng, tiết kiệm năng lượng, và không làm kiệt quệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cũng như không phá hoại môi trường.

Nói tóm lại, phát triển kinh tế cần có kiến thức khoa học kỹ thuật và óc sáng tạo, mà kiến thức và óc sáng tạo chính là sản phẩm của văn hoá và giáo dục. Do đó, phát triển kinh tế đòi hỏi phải phát triển tối đa văn hoá và giáo dục.

Một nhà kinh tế học Thụy Điển, G.S. Ari Kokoo, khi được hỏi về những ưu tiên trong đầu tư phát triển ở Việt Nam, đã trả lời nhà báo Nguyễn Anh Tuấn (VietnamNet.vn/dhqt) như sau :

" [...] *Cần ưu tiên đầu tư vào giáo dục. Các công ty sẽ cần đến tri thức, đến nguồn nhân lực, cũng như công nghệ, để tiến lên phía trước. Tất cả đều là sản phẩm của giáo dục. Bởi vì trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay, nếu không có những năng lực nổi trội ở tầm vĩ mô, cùng với hệ thống thể chế tốt để đào tạo con người, thì sẽ không phát triển một cách nhanh chóng được. [...] Để tạo nên sự thâm nhập thị trường thực sự, cần phải tiến tới một nền giáo dục tốt hơn (từ tiểu học đến đại học), cần có những đại học đẳng cấp quốc tế, tận dụng những tri thức sẵn có ở nước ngoài để "lôi kéo" những đối tác mạnh của nước ngoài tham gia xây dựng và điều hành trường.* " (G.S. Ari Kokoo, *Trả lời phỏng vấn của VietnamNet* - 12.12.2005).

Song, như chúng ta đã biết, khâu giáo dục lại là khâu yếu kém nhất hiện nay ở nước ta và ở một số nước đang phát triển, do những nguyên nhân tiêu cực đã nêu ở trên, và do khoảng cách quá lớn về tri thức khoa học kỹ thuật giữa các nước này và các nước công nghiệp tiên tiến, đã đi trước hàng mấy thế kỷ trong nhiều lãnh vực.

Dù muốn hay không, khoảng cách này cũng sẽ chỉ có thể rút ngắn lại được bằng cách tăng cường tối đa đầu tư vào giáo dục, với mục đích xây dựng con người, tạo nguồn tài nguyên về nhân lực có trình độ tri thức cao, tận dụng những tri thức tiên tiến nhất về khoa học kỹ thuật, về quản lý, kinh doanh, mà nhân loại đã đạt được.

Đó chính là cách phát triển bền vững nhất và có chất lượng nhất, đồng thời cho phép hội nhập một cách hữu hiệu vào kinh tế thị trường ở thời đại toàn cầu hoá này.

Văn Ngọc

# Văn hoá truyền thống và Khoa Học (4)



Hàn Thủy

## 6. Triết học cổ đại Trung quốc : bản thể luận

Thời đại kéo dài khoảng 700 năm cho đến Tây lịch là một thời đại thần kỳ, góp phần không nhỏ trong việc định hình các nền văn hoá truyền thống. Ấn Độ, Trung Quốc và Hy Lạp có gì chung trong thời ấy mà lại đột nhiên đều sáng ngời hào quang như thế? Ở đây chỉ xin nêu ra cái khung cảnh vĩ mô để gợi ý : đó là thời chuyển biến từ văn minh đồ đồng sang văn minh đồ sắt, rồi sự phổ cập đồ sắt. Mật độ và khối lượng dân chúng đều tăng, thành hình các vương quốc rõ rệt, đấu tranh với nhau. Thành thị, nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, đều phát triển ; các giai cấp phân hoá rõ rệt ; thế giới chuyển mình để đi tìm một trật tự mới. Chiến chinh cùng với các nhu cầu tổ chức kinh tế xã hội khác thúc đẩy tư duy, chữ viết ra đời và được hoàn thiện để trở nên công cụ cho nó. Từ ấy con người không ngừng tư duy về thiên nhiên, về xã hội, và về bản thân mình. Ngoài ra, có thể có chăng những lý do đặc thù để xây nên từng nền văn hoá đặc thù, là điều không dám lạm bàn.

Vấn đề hạn hẹp đặt ra trong loạt bài này là đi tìm cái tương quan giữa văn hoá truyền thống và tinh thần khoa học. Lần này xin đi qua bản thể luận của Trung Quốc cổ đại, lần sau sẽ xin đề cập đến nhận thức luận và những tiến triển triết học sau khi Phật giáo du nhập.

### 6.1. Những mốc lịch sử và địa dư

Lịch sử cổ đại của Trung Quốc, không kể thời kỳ truyền thuyết, có thể coi như bắt đầu từ thời nhà Hạ, từ khoảng -2200<sup>1</sup> ; và nhà Thương 商 (còn gọi là nhà Ân 殷), từ khoảng -1800 hay -1600. Nhưng những xáo trộn lớn và tư tưởng nảy sinh mạnh mẽ là kể từ thời nhà Chu (từ khoảng -1100 đến -256) ; trong đó được chia ra : Tây Chu (từ -1100 đến -771), Đông Chu (-770, -256), thời Xuân Thu (-722, -481), thời Chiến Quốc (kể từ -403) (nhà Chu bị diệt trong thời này), cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc năm -221.

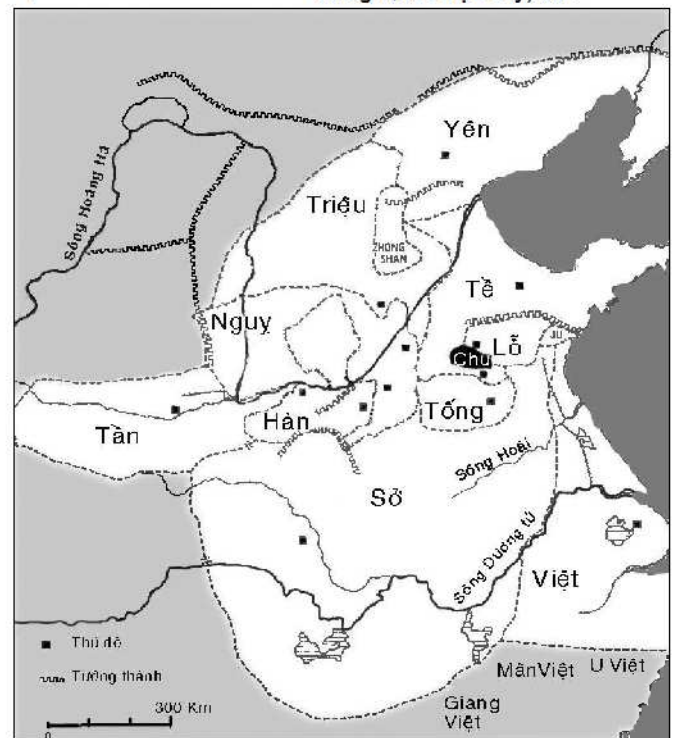
Tất cả các nhà tư tưởng nền tảng của Trung Quốc, ngoài Phật Giáo, như Khổng Tử (-551, -479), Lão Tử (tk-6, tk-5)<sup>2</sup>,



Mặc Tử (tk-5, tk-4), Mạnh Tử (-380, -289), Trang Tử (-370, -300), Tuân Tử (nửa đầu tk-3), Châu Diên (nửa đầu tk-3), Hàn Phi Tử (? , -233), ... đều sống trong thời Xuân Thu – Chiến Quốc. Dĩ nhiên sau đó tư tưởng Trung Quốc không ngủ yên, nhưng có thể nói mọi tác gia về sau đều phát triển và kết hợp những tư tưởng của các triết gia đạo gia cổ đại, và với tư tưởng Phật Giáo. Với bách gia chư tử đa dạng như vậy thì một bộ sách lớn cũng không nói hết. Tuy nhiên, ở đây chỉ chủ yếu ghi lại những quan điểm về tự nhiên, trong khi đó gần như toàn bộ tư tưởng Trung Quốc cổ đại, kể cả đạo Lão và đạo Phật, là xoay quanh con người và xã hội.



Trung Quốc hiện nay, và...



... Trung Quốc thời Chiến Quốc (khoảng - 350)

(theo La Chine ancienne, Jacques Gernet, PUF 1964, Que sais je ?)

### 6.2. Ảnh hưởng của chữ Hán

Mọi sự tìm hiểu về văn hoá Trung Quốc xưa cũng như nay đều cần nhắc đến những đặc điểm của chữ Hán : chữ Hán được hình thành trong thời nhà Thương, ở hai bên bờ sông Hoàng Hà (chỗ nước Hàn và nước Ngụy trên bản đồ). Người ta đã tìm thấy trong vùng này rất nhiều mu rùa có khắc chữ để bói toán (giáp cốt văn), số chữ tìm lại được dưới dạng giáp cốt văn lên tới hàng nghìn<sup>3</sup>. Rồi dần dần người Hán đã đồng hoá và truyền chữ viết cho các dân chung quanh. Trong đó có phần lớn các dân tộc Việt, gồm nước Việt (của Câu Tiễn), và các bộ lạc Việt khác ở phía nam sông Dương Tử. Điều này không cản trở việc nhiều tiếng nói của các dân tộc khác, theo chiều ngược lại, đã làm giàu thêm cho tiếng Hán. (Xem Lê Thành Khôi,

Độc sách Trần Ngọc Thêm, Diễn Đàn số 125-126, 01-02.2003).

Mặt khác, nếu ý kiến của ông trong bài trên – về tầm quan trọng của chữ viết trong sự phát triển triết lý và khoa học – có thể giảm nhẹ phần nào cho hệ ngôn ngữ Ấn-Âu<sup>4</sup>, vì tiếng nói đa âm đã mang theo nó cấu trúc của khái niệm; thì với ngôn ngữ Hán ý kiến đó tuyệt đối đúng. Chữ Hán là chữ biểu ý, tiếng Hán là đơn âm, các từ đồng âm rất nhiều, do đó tầm quan trọng của chữ viết là hơn hẳn tiếng nói, khác với các ngôn ngữ Ấn-Âu.

Trong văn hoá Hán chữ tức là khái niệm, và khái niệm tức là chữ. Sáng tạo và truyền đạt những khái niệm trừu tượng đồng thời là sáng tạo và truyền đạt một hệ thống chữ viết. Do đó, luận cứ cho rằng Kinh Dịch, hay/ và thuyết Ngũ Hành (chẳng hạn) là do người Việt truyền cho người Hán, là không có cơ sở. Và để nói đến một điều khác quan trọng hơn, nếu quên đi việc « chữ tức là khái niệm » thì không thể hiểu rõ thế nào là « *chính danh* », thế nào là « *danh khả danh phi thường danh* » ; bởi lẽ « danh » ở đây không chỉ là tên gọi ước lệ và ngẫu nhiên cho khái niệm ; « **danh** » là **chữ**. Nếu « danh » chỉ là tiếng nói ước lệ và ngẫu nhiên thì hai câu trên đâu có gì để được hần sâu trong nền văn hoá Hán gần 2500 năm.

### 6.3. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành

Một điều phổ biến trong tư tưởng loài người là : các khái niệm luôn luôn đi từ cụ thể đến trừu tượng hơn. Hai khái niệm cơ bản (ngoài Phật giáo) của Trung Quốc là Âm Dương và Ngũ Hành cũng vậy.

Ngũ Hành (kim, mộc, thủy, hoả, thổ) khởi đầu được quan niệm như năm nguyên tố tạo thành vạn vật, rất tương tự như bốn nguyên tố (đất, nước, gió, lửa) của người Hy Lạp Epédocle (đầu tk -5), hay của trường phái Vaisheshika của Ấn Độ. Theo Cao Xuân Huy (Tư tưởng phương Đông..., tr.380), trong « Quốc Ngữ », một cuốn sách thời Xuân Thu, có câu « Thổ cùng kim, mộc, thủy, hoả, trộn lẫn nhau mà thành trăm vật ». Đơn giản thế thôi, bước đầu nhìn sự vật như tự nó là, chúng tỏ ý thức về một thế giới khách quan có thể phân tích, không phải như một sản phẩm xuất hiện « trọn gói » do một quyền uy nào.

Âm 陰 và Dương 陽 cũng là cặp khái niệm phổ biến trong loài người, dưới những tên khác nhau (thí dụ nóng/lạnh với người Hy Lạp), do việc quan sát những hiện tượng lưỡng nguyên tràn ngập cuộc sống : mặt trời mặt trăng, sáng tối, nóng lạnh, ngày đêm, nam nữ. Nguyên nghĩa<sup>3</sup> của Dương là sáng – vẽ hình sườn núi có mặt trời và ánh nắng –, và Âm là tối – vẽ hình sườn núi có mây che : ở bên phải trên là chữ kim chỉ cách đọc, dưới là chữ vân –. Từ đó đi tới quan niệm vạn vật biến chuyển và sinh hoá do tương tác giữa hai yếu tố này, là một bước nhảy khá tự nhiên của tư duy. Âm Dương khi ấy là sự kết hợp giữa nhận thức lưỡng tính và nhận thức vạn vật luôn đổi thay, đó thực sự là tư tưởng biện chứng.

Hai chữ Âm và Dương đã có từ rất sớm, chữ Dương được tìm thấy trong giáp cốt văn, và cả hai chữ này (với nghĩa cụ thể, hay mới bắt đầu trừu tượng) có trong kinh Thư<sup>5</sup>, đó là một tập hợp những văn bản từ đầu thời Xuân Thu, được Khổng Tử san định lại. Nhưng khái niệm « Âm Dương » như một vũ trụ quan thì trễ hơn, và được thấy cả trong kinh Dịch lẫn trong sách « Lão Tử ». Hai cuốn sách

này thực ra được viết sau Khổng tử và Lão tử cỡ hai trăm năm ; những công trình nghiên cứu khảo cổ và văn bản học ngày nay ở Trung Quốc, Nhật Bản và Tây phương, cho biết như thế. Sách « Lão Tử » được viết khoảng cuối tk-4 đầu tk-3. Xin để ý là điều này đảo ngược thứ tự truyền thống giữa sách Trang tử và sách Lão tử<sup>6</sup>.

Đến cuối thời Chiến quốc, « Âm Dương » phát triển theo hai hướng : một là thuyết Âm Dương Bát Quái trong Kinh Dịch của Nho gia, và hai là thuyết Âm Dương Ngũ Hành của Âm Dương gia, mà tiêu biểu là Châu Diễn.

« Âm Dương » thì biện chứng, « Ngũ hành » thì duy vật. Do đó nếu kết hợp âm dương với ngũ hành thì rõ ràng thành ra một tư tưởng « duy vật biện chứng » độc đáo và khá hoàn chỉnh. Ta sẽ thấy nó khác với tư tưởng duy vật biện chứng hiện đại ở chỗ nó quay vòng chứ không « đi lên », cũng như dĩ nhiên nó còn sơ khai và càng mơ hồ khi phân tích những đối tượng phức tạp của tư duy.

Châu Diễn<sup>7</sup> ở cuối thời chiến quốc đã tổng hợp Âm Dương và Ngũ Hành như sau : Giữa những « hành » có hai quan hệ là tương sinh và tương khắc. Tương sinh là giúp cho nảy nở : *mộc sinh hoả, hoả sinh thổ...* ; tương khắc là cản trở : *mộc khắc thổ, thổ khắc thủy...* xin xem bảng tóm tắt phía dưới. Theo đó, nếu ta có A sinh B và B sinh C thì cũng có A khắc C ; chứ không chỉ có A sinh C theo lôgic hình thức. Ở đây hai quan hệ đồng hiện hữu, mâu thuẫn với nhau, nhưng theo hai thời đoạn (moments dialectiques) khác nhau. Cộng vào sự chuyển hoá đó là sự chuyển hoá của âm dương : mộc được coi là dương non, hoả là dương thịnh, thổ là trung hoà, kim là âm non và và thủy là âm thịnh. Như thế « hành » đã không đơn thuần là một cấu phần của thực thể nữa, mà là một cấu phần đang vận động trong sự tương tác với những cấu phần khác, dưới ảnh hưởng của âm dương trong trời đất. Nguyên nghĩa của chữ « hành » 行 là « vật đang chuyển động », về một con đường và hai ngã rẽ !

Sau khi có được mô hình vận động biện chứng như vậy, điều còn lại là phân tích mọi sự vật và hiện tượng theo ngũ hành, bằng liên tưởng trực giác, cũng như nói « thủy khắc hoả » chỉ vì nước dập tắt được lửa... như vài thí dụ trong bản tóm tắt dưới đây.

Âm Dương	Dương non	Dương thịnh	Trung hoà	Âm non	Âm thịnh
Tương khắc	←	←	←	→	→
Tương sinh	←	→	→	←	←
Hành	Mộc	Hoả	Thổ	Kim	Thủy
Mùa	Xuân	Hạ	Chuyển mùa	Thu	Đông
Hướng	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Màu	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng	Đen
Cơ thể	Gan	Tim	Lá lách	Phổi	Thận

Châu Diễn còn khái quát hoá (?) đến độ gán ngũ hành một cách thần bí cho cả những triều đại nối tiếp nhau : Doanh Chính khi lên ngôi lấy hiệu là Tần Thủy Hoàng chính vì nghe tán rằng triều đại của mình là thuộc hành Thủy<sup>7</sup>. Mô hình « duy vật biện chứng » này quả thực

phong phú đến vô tận. Chỉ có một điều là trong tâm thức của người xưa không có khái niệm mô hình, với họ bản thể của mọi hiện tượng và sự vật thực sự là như vậy.

#### 6.4. Thái cực đồ : một « mô hình chuẩn »

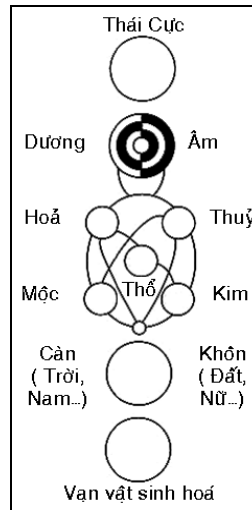
Âm dương Ngũ hành của Châu Diễn mô tả một thực tại năng động nhưng vô thủy vô chung. Như thế còn thiếu câu trả lời cho một câu hỏi vũ trụ quan : vũ trụ sinh ra từ đâu, như thế nào ? Trong thời Chiến Quốc nhiều trường phái tìm cách trả lời câu hỏi đó<sup>8</sup>, nhưng còn lảng động đến ngày nay có lẽ chỉ còn một « mô hình chuẩn »<sup>9</sup> thoát thai từ kinh Dịch và thuyết Ngũ hành, được hoàn thiện qua bàn cãi tranh luận hơn một thiên niên kỷ. Trong kinh Dịch một mô hình « Âm Dương Bát Quái » được phát triển độc lập với Âm Dương Ngũ Hành. « Bát Quái » và « Ngũ Hành » chỉ được hợp nhất hai hay ba thể kỷ sau Châu Diễn.

« Kinh Dịch » (thật ra phải gọi chính xác hơn là sách « Chu Dịch ») gồm có hai phần ; phần đầu, « Dịch kinh », cái cốt lõi xưa nhất, chỉ là một cuốn sách bói toán. Dịch kinh giải thích ý nghĩa của các quẻ (việc gieo quẻ sử dụng 50 thẻ tre một cách khá phức tạp, nhưng tương đương với việc thả ba đồng xu, ba giá trị xấp/ngửa (âm/dương) kết hợp lại thành một trong 8 quẻ khác nhau) : quẻ đơn gieo một lần ; và quẻ kép gieo hai lần, cho  $8 \times 8 = 64$  trường hợp. Một trong những trường hợp đó là câu trả lời cho câu hỏi mà người gieo quẻ đã khẩn. Tâm linh của người xưa, xin miễn bàn vì ngoài phạm vi khoa học.

Phần thứ nhì, quan trọng hơn, là tác phẩm triết học « Dịch truyện » đi kèm cuốn « Dịch kinh » bói toán nói trên. Trước đây người Nho học cho rằng Khổng tử theo thuyết Âm Dương Bát Quái của Dịch kinh, vì dựa trên một câu nói duy nhất của ông trong Luận ngữ, và trên truyền thuyết ông là tác giả của « Dịch truyện ». Nhưng, như ở trên đã nói, kinh Dịch chỉ có thể được viết vào cuối thời Chiến Quốc, sau Khổng tử cỡ hai trăm năm<sup>10</sup>. Vậy Dịch truyện có thể là một tập nhiều bình luận về Dịch của các tác giả khuyết danh. Nó gồm mười thiên, trong đó thiên « Hệ Từ » là nơi viết : « Dịch có Thái cực, sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh ra Tứ tượng, Tứ tượng sinh ra Bát quái. »<sup>11</sup>... Người ta không thấy ở đây tư tưởng của Khổng tử, thực ra đó là tư tưởng Lão Trang, mà Nho gia đã thu nhập.

Khởi đầu phải có một cái gì chung nhất, trước khi có Âm Dương, đó là « Khí ». Có nhiều cách hiểu khác nhau về « khí », về sự hiện hữu và tác dụng của nó trên vũ trụ hiện tồn ; « khí » của Đạo gia khác với « khí » của Mạnh tử... Còn về sự hình thành vũ trụ, có thể tóm tắt quá trình ấy theo Đạo gia như sau : khởi đầu không có gì hết, đó là cái « Vô » trong sách Lão tử. Từ cái Vô sinh ra Một, Một là « khí » ở trạng thái nguyên thủy, vũ trụ chỉ tràn đầy cái khí đó mà thôi, điểm khởi đầu tối hậu mà Một được sinh ra đó gọi là Thái Cực. Rồi Một sinh ra Hai, tức là từ Thái Cực vũ trụ được phân cực hoá thành Âm Dương, hay lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái... vân vân, và hình thành vũ trụ với vạn vật<sup>12</sup>.

Rồi vạn vật sinh hoá cùng sự luân chuyển của « khí » giữa hai cực Âm Dương ; tùy theo cơ cấu ngũ hành của bản thân, sự tương sinh tương khắc giữa chúng ; và tùy theo sự tác động của những « hành » trong các sự vật có tương tác với nó. Thí dụ cơ thể đầu ốm vì « hoả » quá « vượng » thì



phải uống những thứ âm hàn thuộc hành thủy. « Mô hình chuẩn » như vậy bắt đầu hình thành thời Tiên Hán, thấy trong sách « Hoài Nam Tử »<sup>13</sup> (-139). Hơn 1000 năm sau, « Thái cực đồ » kèm đây là do Chu Đôn Di (1017-1073) thời nhà Tống vẽ ra. Còn hình vẽ « Thái cực Đồ » phổ biến hơn, trang trí ở tựa bài này, thì người viết không tìm ra nguồn gốc.

#### 6.5. Thiên, Nhân, Đạo, Đức, Lý.

Triết học cổ điển Trung Quốc thường được chia thành sáu nhà : Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Danh gia, Mặc gia, và Pháp gia.

Thế giới quan như đã trình bày ở trên chủ yếu là từ Âm dương gia và Đạo gia. Các trường phái khác đều chú trọng về tu thân và trị nước mà hầu như không để ý gì đến tự nhiên, riêng Danh gia đặc biệt chỉ chú trọng đến nhận thức luận. Tuy nhiên, vì bản thể luận cần thiết để nói đến bản chất của con người và xã hội, nói chung họ đều chấp nhận « mô hình chuẩn » nói trên và thêm vào một số khái niệm khác mà ta có thể tìm hiểu qua vài chữ « chìa khoá » đã nêu ở tiểu tựa.

Chữ *Thiên* đã xuất hiện trong kinh Thư, thường đi với *thiên mệnh* (mệnh trời). Nhà Chu, và mọi triều đại kể từ đó đến thời hiện đại đều dùng *thiên mệnh* để khẳng định tính chính đáng của mình (dựa trên Nho giáo). Niềm tin này bắt nguồn từ huyền thoại khá phổ quát của cả loài người về một thế giới siêu nhiên của các thần linh có nhân tính. Với người Trung Quốc từ đời Thương đó là thế giới ở trên trời, đứng đầu là *Thượng đế*<sup>14</sup>. Như vậy trong vũ trụ quan Nho giáo Trung Quốc được thêm vào một khái niệm siêu hình, một thực thể nằm ngoài thế giới tự nhiên<sup>15</sup> và có ảnh hưởng tới nó một cách cơ bản. Không còn là một vũ trụ quan nhất nguyên như trong « mô hình chuẩn » nữa.

*Thiên* tác động đến thế giới vật chất, con người, và xã hội, như thế nào ? đó là những điểm khác biệt giữa các triết thuyết, cũng vì thế có thêm những chữ như *Thiên đạo*, *Thiên lý* (hay *Lý*). Nho giáo một mặt tăng cường quyền lực bao trùm của thiên mệnh đến toàn vũ trụ, một mặt đặt con người vào giữa tự nhiên ở địa vị cao quý nhất, cho rằng nó là giống loài duy nhất có khả năng hiểu được thiên mệnh (chẳng hạn thông qua những điềm gở hay điềm lành xảy ra trong tự nhiên hay trong xã hội). Do đó trong thuyết thiên mệnh có sự thống nhất giữa con người, tự nhiên, và ý trời, « *thiên nhân hợp nhất* ». Đây chỉ xin nói qua về chữ *Nhân* trong tự nhiên, nhưng dĩ nhiên chữ *Nhân* luân lý và xã hội mới là trọng tâm của Nho gia.

Về mặt xử thế, Nho giáo có khi cho rằng không cưỡng được mệnh trời, có khi lại nói *nhân định thắng thiên*, qua việc chấn chỉnh đạo đức xã hội. Vậy có hai khuynh hướng năng động, *thiên đạo* và *nhân đạo* ảnh hưởng lẫn nhau<sup>16</sup>. Âm hưởng của chữ Đạo gọi lên sự tôn kính vì nó mang theo những yếu tố siêu hình, *Đạo* của Nho giáo như vậy bao gồm cả *thiên đạo* và *nhân đạo*, nhân đạo chính là làm sao sống hài hoà với thiên đạo.

*Đạo* của Lão Trang khác với *Đạo* của Nho giáo, vì Lão Trang phủ nhận ảnh hưởng của *Thiên*. Chính *Đạo* mới là cái bản thể của vũ trụ, cái vừa hữu vừa vô, và làm nảy sinh ra Thái cực. Sự chuyển nghĩa của chữ *Đạo* : từ con đường đi tìm cái bản thể, thành ra chính bản thể, thực thú vị. Còn *Đức*<sup>17</sup> là cái năng động tính, cái tác dụng của *Đạo*.

Cuối cùng là chữ *Lý* : nghĩa của nó vẫn còn phổ quát trong « lý trí », « luận lý »... Theo từ nguyên, *lý* là *vết đẹp của ngọc*<sup>18a</sup>, rồi thành *trật tự đã có trong tự nhiên* (*Trang tử*<sup>18b</sup>, *Mạnh tử*<sup>18c</sup>). Với Vương Bật (226-249)<sup>18d</sup>, mỗi vật đều có cái *lý* riêng, tức vị trí của nó trong cái trật tự chung. Đến Nho giáo đời Tống<sup>18e</sup> chữ *Lý* đã năng động hơn, mang ít nhiều tính « quy luật của trời / của tự nhiên » : nếu *Khí* là cái đi về giữa hai cực âm dương để vận động vạn vật, thì *Lý* chính là nguyên tắc mà *Khí* phải tuân theo để đưa vạn vật về cái trật tự tự nhiên của chúng, đó là « lẽ trời ».

## 6.6. Tạm kết

Từ một thế giới quan nhất nguyên, Âm dương Ngũ hành đã được bổ túc bằng những khái niệm siêu hình, *Thiên* hay *Đạo*, tuy trường phái mà gọi tên bản thể ; *Lý* hay *Đức* là phương tiện của *Thiên* hay *Đạo* để vận hành thế giới hiện tượng của tự nhiên, xã hội và con người.

Tuy nhiên, độc lập với chiều sâu siêu hình, Âm Dương Bát Quái cũng như Âm Dương Ngũ Hành là những lý thuyết đủ giàu có và mềm dẻo để có thể mô tả mạch lạc những hiện tượng cùng những chuyển biến trong xã hội và tự nhiên. Từ đó người ta tích tụ dần kinh nghiệm để phát biểu được một số quy luật thực dụng và giải thích chúng. Những quy luật này cho phép tiên đoán, cơ sở của hành động. Tiên đoán có thể sai, nhưng chúng sẽ được quên đi, hay sẽ được dùng để điều chỉnh cách giải thích. Do phương pháp luận không phải là diễn dịch chặt chẽ, mà phần lớn là so sánh tương tự, mỗi hiện tượng (và điều ngược lại) đều có thể có nhiều giải thích.

Sau hơn 2000 năm, người ta có được những hiểu biết thực dụng trong y học và nhân văn<sup>19</sup> ... nhiều khi đúng và độc đáo. Khi không giải thích chặt chẽ được thì khoa học cổ điển có khi gạt ra ngoài một số hiện tượng có thực, mà những lý thuyết mềm dẻo và mơ hồ như Bát Quái và Ngũ Hành chấp nhận, vì dễ dàng chấp vá (bricolage) các giải thích hậu nghiệm. Kho tàng những kết quả thực dụng đó rất đáng kể<sup>20</sup> và đang được nghiên cứu nghiêm chỉnh với phương pháp khoa học phổ quát. Như vậy có nghĩa quan điểm Âm dương Ngũ hành, Bát quái... đã bị bác bỏ ngay trong việc giải thích những hiện tượng mà nó đã giải thích, nói gì đến những nghịch lý của vật lý hiện đại.

## Hàn Thủy

### Ghi chú

1 Những mốc thời gian trong bài này đều theo : Anne Cheng (A. Cheng), *Histoire de la pensée chinoise*, nxb Seuil, Paris 1997 ; có nhiều mốc thời gian chỉ là gần đúng thôi, không ảnh hưởng đến chủ đề nên xin không phân biệt. Dấu trừ có nghĩa : trước Tây lịch.

2 tk-6 : thế kỷ -6, tức những năm từ -600 đến -501, vì thế kỷ -1 là từ năm -100 đến năm -1, không có năm 0.

3 Lý Lạc Nghị, *Tim về cội nguồn chữ Hán* (từ điển từ nguyên), nxb Thế giới, Hà Nội 1998.

4 Kinh Vệ Đà, tương đối phức tạp, đã phát triển qua truyền khẩu

trong nhiều thế kỷ ; tuy nhiên chỉ sau khi có chữ viết (khoảng -850), triết học Ấn Độ mới phát triển vượt bậc với Upanishad.

5 Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử triết học Đông phương, viết năm 1956. quyển 1, tr. 113-116 ; và A. Cheng, sđd, tr. 249-250.

6 Trang Tử sống vào đầu tk-4 (A. Cheng, sđd, tr. 102-103 ; Cao Xuân Huy (CX Huy) cũng bàn như vậy, sđd, tr.415-417). Cuộc đời Trang Tử được biết rõ, trong khi người ta có rất ít chi tiết về Lão Tử. Nhân vật Lão tử có thể không có thực. Nếu giả định rằng Lão Tử là nhà hiền triết sống cùng thời với Khổng Tử – bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên (sống khoảng từ -185 đến -86) có nói đến một cuộc gặp gỡ giữa họ – thì sách « Lão Tử » là do người đời sau viết ra, với ít nhiều tư tưởng của ông hay/và của Trang Tử.

7 Không để lại tác phẩm, Châu Diễn chỉ được biết đến qua Sử Ký của Tư Mã Thiên, tuy thuyết Âm Dương Ngũ Hành của ông được ghi lại trong « Lã thị xuân thu » (-241,-235), một « bách khoa toàn thư » do Lã Bất Vi, tể tướng nhà Tần, chủ xướng. A. Cheng, sđd , tr. 237-239, 245-247 ; CX Huy, sđd, tr. 234-236, 245-249.

Nói chung, gán những khái niệm *duy vật* hay *duy tâm* cho tư tưởng cổ đại thật không khỏi khiên cưỡng. Ta thường được đọc : *có những yếu tố duy vật, có những yếu tố duy tâm...* như thế thực khó hiểu, đã *duy* thì làm sao phân nọ phần kia được ! Như thế chính vì dù *duy vật* hay *duy tâm* đều hàm ý *nhị nguyên* : có thể giới ý tưởng và có thể giới vật chất, cái này sinh ra và phản ảnh cái kia. Thí dụ có hình tròn lý tưởng, và có các vòng tròn cụ thể. Nhưng, với *Âm dương Ngũ hành* chẳng hạn, không có quan hệ phản ảnh giữa trừu tượng và cụ thể. **Chỉ có một thế giới** trong đó cái trừu tượng *vừa sinh sản ra vừa vẫn nằm trong* những cái cụ thể hoàn toàn khác nó trong một quan hệ trật tự cao thấp, như hình thái cực đồ cho thấy. Có thể gọi đó là *nhất nguyên* chăng ?

8 A. Cheng, sđd, tr. 237-241.

9 Người viết bài này đánh liều dùng khái niệm đó của vật lý hiện đại, tương đồng ở chỗ đó là cái nền đồng thuận tối thiểu từ đó tiếp tục nghiên cứu. Nhưng bắt cặp ở chỗ trong vật lý mọi sự đều được định nghĩa chặt chẽ, còn các tác gia cổ đại chỉ đồng thuận ngầm một cách mơ hồ về hệ thống ngôn từ và khái niệm, rồi qua đó mỗi người thêm bớt và diễn dịch theo quan điểm của mình.

10 CX Huy, sđd, tr. 541-543 ; A. Cheng, sđd, tr. 254-258 ; Thêm nữa câu nói của Khổng tử có thể đọc theo cách khác, theo đó chữ « dịch » trong ấy không phải là Dịch kinh.

11 CX Huy, sđd, tr. 556.

12 Bát quái là phương pháp đánh số nhị nguyên, khám phá vĩ đại, dễ hiểu tại sao ở đây có sự mê hoặc về các con số (cũng như Pythagore), người ta cho rằng số là bản thể của vũ trụ.

13 A. Cheng, sđd, tr. 278, 281-285.

14 A. Cheng, sđd, tr. 48-49. Các giáo sĩ dòng Tên sang TQ truyền đạo đầu tk17 đã dùng cả hai chữ *Thượng đế* và *Thiên chúa* (tân từ) để dịch chữ *Dieu*, họ còn dùng chữ *Lý*, hay *Thiên lý*, để dịch chữ *Logos* (theo Trần Văn Đoàn, GS ĐH Quốc gia Đài Loan, đọc qua Internet). Lẽ ra họ nên tránh chữ *Thượng đế*. Văn hoá dân gian TQ là đa thần, và các trường phái triết học TQ nói chung đều vô thần, chỉ dùng khái niệm *Thiên* như nguyên lý siêu hình. Vì vậy *Thượng đế* của Tây phương khác hẳn *Thượng đế* của huyền thoại TQ, vẫn còn sống trong vai *Ngọc hoàng thượng đế* của đạo Lão.

15 Thái cực và Khí nằm trong thế giới tự nhiên. Mỗi ngày vẫn có bao nhiêu người tập *Khí công* hay *Thái cực quyền*.

16 Chữ *Đạo* 道, bên trái là bộ *sước* 辵, hàm ý *đi đứng*, bên phải là chữ *thủ* 首, *cái đầu*, hay *dẫn đầu* ; nghĩa đen là con đường (danh từ), hay dẫn đường (động từ) ; nghĩa bóng (danh từ) là sự cư xử, sự tu tập, đạo ; hay (động từ) là giảng giải, hướng dẫn.

17 CX Huy, sđd, tr. 419-421.

18 A. Cheng, sđd : a) tr.51, b) tr. 118 , c) tr. 166 d) tr. 311, e) ch. 18.

19 Về kỹ thuật thì những phát minh quan trọng như la bàn, thuốc súng... đều tương đối đơn giản và không cần đến lý thuyết để sử dụng tốt. Một ngành đặc biệt là thiên văn (khác từ vi hay chiêm tinh), thì đã dựa trên quan sát và toán học thực sự.

20 Một thí dụ cụ thể là khoa châm cứu của Đông Y.

*Mấy ý kiến nhỏ về tập*  
**HỒI ỨC VÀ SUY NGHĨ**  
*của Trần Quang Cơ*

Tôi hầu như đọc *Hồi ức và Suy nghĩ* (\*) của Trần Quang Cơ – bản 23/1/2001 và bản 22/5/2003 gần như cùng một lúc, vào khoảng đầu tháng 6/2003, khi bản thứ hai vừa ra đời, được tác giả gọi lên tặng.

**1** Cảm tưởng đầu tiên sau khi đọc xong tài liệu này là sự kính phục, khâm phục sâu sắc. Một ông già nghỉ hưu, lúc đó đã ngoài 70 tuổi, sức khoẻ lại không tốt (tác giả đã bị xuất huyết não nhẹ, đi lại, cử động có khó khăn nhất định), không còn đầy đủ phương tiện như khi còn là một uỷ viên Trung ương Đảng, một thứ trưởng Bộ Ngoại giao... đã một mình đứng ra tổng kết một giai đoạn đầy những đa đoan trong công tác đối ngoại của nước nhà, nhằm tìm ra “*những cái đúng, cái sai, cái nên làm và không nên làm*” (1) để “*rút ra những bài học bổ ích và đích đáng cho ngoại giao ta hiện tại và tương lai, với mục đích tối cao là đảm bảo được lợi ích của dân tộc trong mọi trường hợp*” (2)...

Tinh thần yêu nước cao cả và sự làm việc hết mình của tác giả, đáng để cho những người khoẻ mạnh (cả về thể xác và tinh thần) đang giữ các chức vụ lớn nhỏ khác nhau ở các nơi, các cấp, trước hết là trong ngành Đối ngoại, nghiêm túc học tập.

**2** Với những lời ghi chép chân thực và những tư liệu có xuất xứ, có nguồn gốc rõ ràng, khách quan kèm theo bản Đại sự ký từ năm 1975 đến năm 1991, tác giả đã cung cấp cho người đọc những chứng cứ xác thực, những vấn đề mà những người bình thường, người ngoài cuộc khó có thể biết được. Điều này chắc chắn sẽ có ích cho các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khi muốn tìm hiểu, đánh giá công tác đối ngoại của Việt Nam trong thời đoạn lịch sử này.

Nó sẽ còn giúp cho những nhà nghiên cứu lịch sử thế hệ sau, khi không còn bị ràng buộc, e sợ bởi điều này phép nọ, có thể thấy rõ được đúng, sai, nhất là của đảng cầm quyền và “*công, tội*” của một số “*nhân vật lịch sử*” giai đoạn đó.

**3** Là một người làm công tác nghiên cứu về Mỹ nhiều năm, những đề cập của tác giả về quan hệ Việt-Mỹ trong thời gian trên đã giải đáp được nhiều khúc mắc. Tuy vậy, một vấn đề lớn như vẫn còn đó: vì sao hai nước Việt Mỹ phải mất 20 năm mới bình thường được quan hệ. Người Việt Nam có lỗi gì? Người Mỹ có lỗi gì? Ai được lợi, ai thua thiệt vì sự chậm trễ đó? Bài học mà cả hai bên cần rút ra là gì? Những sự

kiện mà tác giả dẫn ra, đã lý giải được phần nào. Phải chăng cái “*kiêu ngạo cộng sản*” cộng thêm sự hiểu biết kiểu “*tiểu nông, tiểu trí thức*” đã làm hoa mắt một số người. Họ không thấy đâu là đúng-sai, phải-trái khi bạn-thù, hoàn cảnh quốc tế đã thay đổi, nên đã đưa đất nước lâm vào hết tai hoạ này đến tai hoạ khác. Cái giá mà dân tộc đã phải trả cần được phân tích, mổ xẻ sâu sắc hơn, phải nói cho đau hơn nữa thì người đọc và thế hệ sau mới thấm thía.

Những người huênh hoang, tự đắc một thời, thực ra còn lâu mới bằng được cha ông. So với Nguyễn Trãi & Lê Lợi, Ngô Thì Nhậm & Quang Trung và Hồ Chí Minh, họ chỉ là mấy chú lùn đáng thương hại.

**4** Tuy không phải là người phụ trách vấn đề Trung Quốc của Bộ Ngoại giao, nhưng những bài học mà tác giả đã rút ra lại chiếm phần lớn số trang trong Hồi ức. Một số toan tính của “*người anh em*” khi đã trở mặt thật đáng sợ; và đáng buồn hơn cả là những ngây thơ, ấu trĩ của một số nhà lãnh đạo Việt Nam lúc đó; từng câu, từng chữ, như xát muối vào lòng! Tôi chỉ tiếc là một số “*miếng*” quen dùng của người láng giềng không lồ, đầy tham vọng như: “*không bao giờ chơi một con bài*”, “*người tốt với ta một, ta tốt với người mười; người xấu với ta một, ta xấu với người trăm*”... cũng như thái độ ngạo mạn nước lớn... chưa được nói đủ liều. Và một vấn đề lớn hơn là “*vì sao có cuộc chiến tranh biên giới năm 1979*” vẫn chưa được tác giả hé mở.

Sau mấy lần chỉ huy đánh thắng quân xâm lược Nguyên-Mông, trước khi mất, Trần Hưng Đạo đã khuyên dặn Vua Trần: “*Trên dưới đồng lòng, vua tôi hoà thuận, nói sức dân để làm kế lâu dài*”; và Trần Quang Khải, trong bài thơ hào sảng sau chiến thắng đã viết: “*Thái bình tu nỗ lực, Vạn cổ thù giang san*” (*Thái bình nên cố sức, Non nước ấy nghìn thu*) – coi đây là kế sách lâu dài đối xử với phong kiến phương Bắc. Gần chúng ta hơn, Phan Huy Chú đã tổng kết chính sách “*trong Đế ngoài Vương*” trong xử sự với Trung Hoa. Có thể coi những điều nói trên là những bài học lớn mà tổ tiên chúng ta đã rút ra được trong đối phó với phong kiến Trung Quốc. Chính quyền cộng sản Trung Quốc mới thành lập được hơn 50 năm; nhưng chỉ 30 năm sau ngày dựng nước, họ đã huy động đại quân, định “*dạy*” cho “*người anh em như môi với răng*” một bài học. Để đối phó tốt nhất với “*Trung Quốc cộng sản*”, chúng ta nên như thế nào?

Thế hệ Trần Quang Cơ và thế hệ kế tiếp còn nợ câu trả lời này.

Hà Nội, tháng 11/2005

**Dương Danh Dự**

(\*) Bản in nội bộ, độc giả có thể đọc trên mạng internet của Diễn Đàn:

<http://zdfree.free.fr/diendan/dossiers/HoikyTQC.html>

(1), (2) Trần Quang Cơ: *Hồi ức và Suy nghĩ*, tr.1 bản in, tức là

[http://zdfree.free.fr/diendan/dossiers/HoikyTQC\\_00.html](http://zdfree.free.fr/diendan/dossiers/HoikyTQC_00.html)

Bùi Ngọc Tấn

## Những yếu tố nằm ngoài các nhà văn



Nhà văn Bùi Ngọc Tấn trước tác phẩm Cửa Địa Ngục (Viện bảo tàng Rodin, Paris, 9-2004)

Ngày 25/11/2005, tại thành phố Hải Phòng, Hội nhà văn Hải Phòng đã tổ chức một cuộc hội thảo khoa học nhan đề “Để có tác phẩm hay”. Tham dự hội thảo có nhiều nhà văn nhà thơ của Hải Phòng và Hà Nội. Bản tham luận của nhà văn Bùi Ngọc Tấn đã nhận được sự đồng tình hưởng ứng của mọi người.

Viết hay là mục tiêu và khát vọng của tất cả những người cầm bút chúng ta. Đã có bao nhiêu cuộc hội thảo như thế này và gấp nghìn vạn lần như thế là những cuộc trao đổi trò chuyện tay đôi, tay ba, tay bốn, tay năm về sáng tác những khi gặp gỡ, những lúc trà dư tửu hậu. Thế nhưng điều ước mong ấy vẫn chưa biến thành hiện thực, vẫn như một lời thách đố với tất cả. Trong sản xuất, người ta có thể có những ki lô tôm loại 2, những đôi giày, những chiếc sơ mi loại 2. Nhưng trong văn chương, loại 2 đồng nghĩa với một con số không tròn trĩnh. Viết văn loại 2 cũng có nghĩa là không viết gì cả. Và như vậy là lãng phí cả cuộc đời mình.

Trong cuộc hội thảo hôm nay, nhiều bạn đã có và sẽ có những ý kiến sâu sắc, xác đáng về việc làm thế nào để không lãng phí đời mình, viết được những tác phẩm loại 1, những tác phẩm có thể chống chọi với thời gian. Cũng hướng đến mục tiêu ấy, tôi xin được đề cập tới một lĩnh vực khác, nằm ngoài những yếu tố chủ quan của các nhà văn, nhưng vô cùng quan trọng: Lĩnh vực in ấn, xuất bản. Một sáng tác dù viết công phu đến đâu, sâu sắc đến đâu, tài tình đến đâu, nếu không được in ấn, không được xuất bản, nghĩa là không đến được với bạn đọc thì vẫn không trở thành tác phẩm mà chỉ là những bản thảo nằm mốc trong ngăn kéo bàn viết của nhà văn. Xuất bản là một công việc đặc biệt quan trọng đối với người sáng tác. Nó đòi hỏi những người làm việc này phải có tinh thần trách nhiệm rất cao trước nghệ thuật, trước nhân dân, một tinh thần trách nhiệm, dũng cảm theo tôi cao hơn các nhà văn rất nhiều. Cùng một quyển sách, nhà văn khi viết dũng cảm và trách nhiệm lắm, thì ông giám đốc xuất bản khi

in dũng cảm và trách nhiệm mười. Nếu tập sách được bạn đọc khen ngợi và đánh giá cao thì vinh quang nhà văn hưởng trọn, người ta không nhớ hoặc rất ít khi nhớ người quyết định in tập sách là ai. Còn nếu tập sách bị cấm, bị thu hồi, nhà văn không mất gì cả nhưng người biên tập hoặc ông giám đốc xuất bản có thể bị ghi sổ đen, bị kỷ luật, thậm chí bị mất chức, vỡ cái niêu cơm gia đình mà ông ta là người kiếm gạo. Tôi xin các bạn một tràng vỗ tay hoan nghênh và cảm ơn những ông bầu của chúng ta, những biên tập viên, những giám đốc nhà xuất bản dũng cảm, trách nhiệm, có bản lĩnh, vì sự tiến bộ của văn học đã cho ra đời những tác phẩm “có vấn đề”, dù biết rằng mình có nguy cơ lâm nạn. (Riêng tôi, đặc biệt cảm ơn các anh Vương Trí Nhàn, Nguyễn Kiên NXB Hội nhà văn, chị Hoàng Ngọc Hà NXB Hà Nội, anh Bùi Văn Ngợi, anh Phạm Đức, anh Cao Giang NXB Thanh Niên, anh Hải Lộc, anh Phạm Ngà NXB Hải Phòng, những người đã biên tập và xuất bản các tác phẩm của tôi khi tôi cầm bút viết văn trở lại với bao khó khăn bỡ ngỡ và luôn mắc một cố tật là muốn nói sự thật). Đã đành rằng ngày nay có thể đưa những sáng tác đó lên mạng, nhưng đó chỉ là hạ sách. Tôi luôn nhớ lời ông Vũ Quốc Phan, người anh con cô con cậu của Nguyễn Hồng ở Paris đã nói cùng tôi: “Tôi quý nhất là tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của Tấn in ở trong nước chứ không phải đưa lên mạng hay in ở nước ngoài.” Bằng việc cho ra đời một tập sách, chúng ta không chỉ đơn thuần muốn công bố nó mà còn muốn góp một phần của mình vào tiến trình dân chủ hoá.

Dân chủ tự do phải từ trong chúng ta mà ra, từ tay chúng ta mà có, không ai ban phát. Mỗi chúng ta phải tự mình nhích từng bước trên con đường dân chủ, tự do. Và công tác xuất bản chính là sự sẻ chia với chúng ta, là bàn tay đỡ chúng ta đi, khuyến khích chúng ta bước trên con đường tự do dân chủ.

\*

Trong tháng 3 năm 2000, nhiều báo đã đăng một tin đáng chú ý với những người làm nghệ thuật, đặc biệt là đối với tôi. Chỉ xin đọc ở đây bản tin của Thông tấn xã Việt Nam:

Ngày 16-3-2000, Bộ Văn hoá Thông tin đã ra quyết định số 395/QĐ-BVHTT đình chỉ phát hành và thu hồi tiêu hủy *Chuyện kể năm 2000* của tác giả Bùi Ngọc Tấn do Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản vì đã vi phạm khoản 1 và 2 điều 22 luật xuất bản, điểm 1 và 3 quy chế lưu chiếu xuất bản phẩm của Bộ VHTT (số 01/1998/QĐ/BVHTT ngày 39-7-1998), điều 8 về quy chế liên doanh về in và phát hành xuất bản phẩm của Bộ VHTT (số 75/1999/QĐ/BVHTT ngày 18-11-1999). Cũng theo quyết định này, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan chủ quản của nhà xuất bản Thanh Niên có hình thức kỷ luật nghiêm khắc ban giám đốc nhà xuất bản Thanh Niên và những người có liên quan trong việc xuất bản và phát hành cuốn *Chuyện kể năm 2000*.

Vâng. Tập tiểu thuyết gan ruột của tôi, tập tiểu thuyết của đời tôi chưa phát hành đã bị thu hồi tiêu hủy. Tôi vội đi tìm luật xuất bản để biết hai khoản 1 và 2 điều 22 luật xuất bản là thế nào để đến nỗi quyền tiểu thuyết của tôi bị cấm. Tôi xin

đọc tại đây văn bản của luật pháp để chúng ta cùng biết mà tránh :

Khoản 1 của điều 22 có nội dung ngắn gọn như sau: (Nghiêm cấm các tác phẩm có nội dung) *Chống lại nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Còn sau đây là khoản 2 của điều 22 trong luật xuất bản : (Nghiêm cấm các tác phẩm có nội dung) *Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, truyền bá tư tưởng văn hoá phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục*.

Thế là đã rõ. Bộ tiêu thuyết của tôi mắc toàn trọng tội : Chống lại nhà nước CHXHCNVN, tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược. Rồi gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước. Lại còn truyền bá tư tưởng văn hoá phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội và trăm thứ bà rần khác nữa?!?!

Rõ ràng đây là một sự vu cáo chính trị, và cũng có thể là cả hài hước nữa mà tôi đồ rằng khi ông thứ trưởng Phan Khắc Hải viết và ký quyết định đã cười một mình, ông đã phải tự trào với chính ông.

Mỗi người đều có quyền đánh giá một tác phẩm theo ý của mình, nhưng không được vu cáo, lại càng không được dùng quyền lực mà nhân dân đã trao cho để tùy tiện nghiền một tác phẩm thành bột.

Cho phép tôi được nói ở đây một mặt khác của sự đánh giá về tập tiểu thuyết của tôi không phải như nói về mình mà nói về một sự thật khách quan khác. Ngược lại với sự đánh giá của ông thứ trưởng Phan Khắc Hải, *Chuyện kể năm 2000* được dư luận nhiệt liệt hoan nghênh và chào đón. Tất cả đều phản đối sự quy chụp của ông Phan Khắc Hải. Rằng không thể có chống lại nhà nước, không thể có tuyên truyền chiến tranh, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, kích dục... trong tiểu thuyết của tôi. Rõ ràng đây là một *vụ án sách oan ức*. Tôi nhắc đến tập sách của tôi bị thu hồi tiêu huỷ như một ví dụ nhằm nói tới một điều tối quan trọng khác để có những tác phẩm hay, mà điều này cũng lại nằm ngoài các nhà văn : Sự đánh giá của nhà nước. Bởi vì việc cấm một sáng tác nào đây đâu chỉ là đối với riêng tác phẩm đó. Nó còn có ý nghĩa đối với toàn thể, đối với tất cả. Nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn đã có một tổng kết rất thú vị : Trước Cách mạng tháng Tám các tác phẩm xuất sắc gần như xuất hiện đồng thời, đó là kết quả của sự say mê sáng tạo, kích thích nhau làm việc, thậm chí cho nhau cả đề tài, là sự gọi nhau giữa các tác giả, sự gọi nhau giữa các tác phẩm, và cả chuyện con gà tức nhau tiếng gáy... Cấm một tác phẩm này đồng thời cũng là làm thui chột những sáng tạo khác, là sự khuyến khích viết những tác phẩm tầm tầm, những tác phẩm trung bình mà mục tiêu số một là đúng. Lại phải một lần nữa nhắc đến Vũ Trọng Phụng. Ông đã riêu cợt cảnh sát với hình ảnh hai thầy Min đơ, Min toa, đã xúc phạm chính sách khen thưởng của Đức Vua bằng việc trao bằng tiết hạnh khả phong cho bà Phó Đoan, nâng tên lưu manh chính hiệu là Xuân Tóc Đỏ lên thành anh hùng cứu quốc. Không chỉ riêu cợt tất cả, ông còn bịa ra cả lịch sử : Hai nhà vua Việt Nam và Xiêm La cùng xem đánh quần vợt và hoà bình được duy trì nhờ cú lóp bóng hông của Xuân. Nếu

nhà nước bảo hộ là thực dân Pháp hồi đó cũng ngặt nghèo như ông Phan Khắc Hải, như sự không kiểm duyệt mà hoá ra siêu kiểm duyệt hôm nay thì làm sao chúng ta và con cháu chúng ta được đọc *Số đỏ*, một kiệt tác làm vinh dự cho văn học Việt Nam. Thật may ! Thực dân Pháp và triều đình Huế đã không làm như vậy !

Kính thưa các vị đại biểu,  
Thưa các bạn đồng nghiệp,

Vấn đề cuối cùng tôi muốn nói ở đây là ý kiến về Hội Nhà văn. Hội Nhà văn là một *hội chính trị, nghề nghiệp* như điều lệ Hội đã định rõ. Việc bảo vệ hội viên của mình nằm trong trách nhiệm của Hội. Giờ đây bộ tiêu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của tôi ra đời và bị thu hồi tiêu huỷ đã được hơn năm năm, một thời gian đủ để có thể thẩm định về nó. Tôi đề nghị Hội Nhà văn đứng ra tổ chức hội thảo về quyền tiểu thuyết của tôi, để có một đánh giá chuẩn xác hơn về mặt chính trị cũng như nghệ thuật, minh oan cho một vụ án sách oan sai. Một vụ án người oan sai có thể bị lãng quên, nhưng một vụ án sách oan sai thì đời đời còn đó.

Thực ra *Chuyện kể năm 2000* đã hoàn thành nhiệm vụ của nó. Đề nghị này của tôi không phải xuất phát từ *Chuyện kể năm 2000*. Tôi mong muốn rằng việc hội thảo tập tiểu thuyết của tôi sẽ mở đầu cho những cuộc hội thảo tương tự tiếp theo : *Hội thảo về những tác phẩm bị cấm* và có vấn đề, nhằm xác định những điều đúng đắn của quyết định nếu quyết định ấy là đúng đắn, tránh những lời eo xèo đồn thổi, mặt khác bảo vệ những sáng tác của các hội viên nếu sáng tác ấy xứng đáng được bảo vệ. Làm được công việc khó khăn này chắc chắn Hội sẽ nâng cao uy tín của mình trong xã hội cũng như trong mỗi hội viên. Nhà văn chúng tôi sẽ yên tâm biết bao khi miệt mài trên bàn viết bởi tin rằng sau lưng mình là Hội, là Ban Chấp hành và những người trung thực tâm huyết lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra bảo vệ những sáng tạo của mình mà công việc sáng tạo chân chính chẳng mấy khi không gặp hiểm nguy.

**Bùi Ngọc Tấn**

© 2005 talawas

## Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry-sur-Seine

Dépôt légal: 178/91 \* Commission Paritaire: AS 73 324 \* Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)